

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT 12

Tiết 1 – 2 – 3 – 4 – 5

BÀI 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.
- Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.

2. Năng lực

- *Điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.
- *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế và mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững; Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động kinh tế góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- **Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên cung cấp cho học sinh thông tin về hành vi nhận hối lộ của một số quan chức các tỉnh đối với hoạt động của tập đoàn Phúc Sơn và Hậu pháo. Từ các thông tin này, giáo viên nhấn mạnh hậu quả của hành vi tham nhũng đối với sự phát triển của đất nước.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS tìm hiểu một mô hình kinh tế xanh, phát triển bền vững tại địa phương hoặc Việt Nam; thảo luận nhóm về “tăng trưởng nhanh” và “phát triển bền vững”, rèn kỹ năng tư duy phản biện và lựa chọn giá trị đúng đắn, đưa ra các hành vi gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế như phá rừng, xả thải, trốn thuế... để học sinh phân tích, đánh giá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS..

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra.

c) **Sản phẩm.** Hs bước đầu nhận biết được tác động của sự phát triển kể đến các vấn đề xã hội và an sinh xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát biểu đồ thể hiện tỉ lệ hộ nghèo ở nước ta giai đoạn 2016 – 2020 và cho biết tỉ lệ này thay đổi thế nào. Nêu ý nghĩa của sự thay đổi đó. GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một đoạn video về tăng trưởng và phát triển kinh tế trong năm qua ở nước ta và trả lời câu hỏi: *Em hãy quan sát biểu đồ thể hiện tỉ lệ hộ nghèo ở nước ta giai đoạn 2016 - 2020 và cho biết tỉ lệ này thay đổi thế nào. Nêu ý nghĩa của sự thay đổi đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Biểu đồ cho thấy tỉ lệ hộ nghèo ở nước ta giai đoạn 2016 – 2020 có xu hướng ngày càng giảm. Điều này chứng tỏ nền kinh tế nước ta trong giai đoạn trên đã có sự phát triển, bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách xã hội, quan tâm hỗ trợ đến các hộ nghèo giúp cho nhiều gia đình thoát nghèo, cuộc sống của người dân ngày càng ấm no hạnh phúc, xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Biểu đồ cho thấy tỉ lệ hộ nghèo ở nước ta giai đoạn 2016 – 2020 có xu hướng ngày càng giảm. Điều này chứng tỏ nền kinh tế nước ta trong giai đoạn trên đã có sự phát triển, bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách xã hội, quan tâm hỗ trợ đến các hộ nghèo giúp cho nhiều gia đình thoát nghèo, cuộc sống của người dân ngày càng ấm no hạnh phúc, xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là hai thuật ngữ được dùng trong hoạt động kinh tế. Các chỉ tiêu về tăng trưởng và phát triển kinh tế được sử dụng để đánh giá thành tựu kinh tế vĩ mô của mỗi quốc gia. Để thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững, mỗi quốc gia không chỉ quan tâm thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn phải chú trọng đến các tiêu chí đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi <i>1/ Em có nhận xét gì về chỉ tiêu tăng trưởng GDP của nước ta qua thông tin trên?</i> <i>2/ Từ bảng số liệu trên, em hãy nhận xét sự khác nhau trong việc phản ánh kết quả tăng trưởng giữa chỉ tiêu GDP và chỉ tiêu GDP/người.</i> <i>3/ Em hãy so sánh GDP và GNI của Việt Nam trong từng năm 2021, 2022 và nêu ý nghĩa của từng chỉ tiêu tăng trưởng này.</i> <i>4/ Em có nhận xét gì về sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022 so với năm 2021?</i> <i>5/ Từ bảng số liệu trên, em hãy nhận xét sự khác nhau trong việc phản ánh kết quả tăng trưởng giữa chỉ tiêu GNI và chỉ tiêu GNI/người.</i> Thực hiện nhiệm vụ	1. Tăng trưởng kinh tế. a) Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế - Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định - Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế: + Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) + Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người) + Tổng thu nhập quốc dân (GNI) + Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)

- Học sinh đọc thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

1/ Thông tin trên thể hiện tốc độ tăng trưởng năm 2022 so với 2021 và các năm trong giai đoạn 2011 – 2020 tăng cao.

2/ GDP phản ánh năng lực của nền kinh tế trong việc thoả mãn nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân. GDP/người phản ánh cụ thể hơn so với GDP, đồng thời phản ánh mức sống tương đối của người dân ở quốc gia đó. Một quốc gia có GDP không lớn, nhưng GDP/người có thể lớn hơn quốc gia khác (so sánh giữa Singapore và Trung Quốc).

3/ Năm 2022, các chỉ tiêu GDP và GNI của Việt Nam đều tăng so với năm 2021, phản ánh năng lực của nền kinh tế và mức sống tương đối của người dân được tăng lên.

4/ Quy mô của nền kinh tế Việt Nam năm 2022 tăng so với năm 2021.

5/ GNI là thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định. GNI người là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm, thể hiện cụ thể hơn sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định (so với thời kì gốc cần so sánh).

+ Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP): là thước đo sản lượng quốc gia (giá trị tạo ra ở trong nước), đánh giá mức độ hoạt động của nền kinh tế, phản ánh năng lực của nền kinh tế trong việc thoả mãn nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

- Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người): là thước đo lượng hàng hoá, dịch vụ trung bình một người dân của quốc gia có thể có, phản ánh cụ thể hơn quy mô sản lượng của quốc gia so với chỉ tiêu GDP, đồng thời phản ánh mức sống tương đối của người dân ở quốc gia đó trong một thời kì nhất định.

- Tổng thu nhập quốc dân (GNI): là thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, thể hiện đầy đủ hơn sự tăng trưởng về quy mô của nền kinh tế so với chỉ tiêu GDP (vì có tính thêm yếu tố ngoài lãnh thổ quốc gia).

- Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người): là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm, thể hiện cụ thể hơn sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, được dùng để so sánh kết quả tăng trưởng kinh tế giữa các quốc gia, đồng thời cũng được dùng làm thước đo về sự gia tăng mức thu nhập, mức sống của người dân giữa các quốc gia.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của tăng trưởng kinh tế

- a) **Mục tiêu.** HS nêu được vai trò của tăng trưởng kinh tế..
- b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm.** Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>1/ Em hãy chỉ ra vai trò của tăng trưởng kinh tế được đề cập trong các thông tin trên.</i> <i>2/ Hãy lấy ví dụ cụ thể ở địa phương em để chứng minh cho vai trò của tăng trưởng kinh tế.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. <i>Thông tin cho thấy kinh tế nước ta đạt được những kết quả tăng trưởng kinh tế giúp cho tỉ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.</i> - GV mời một vài HS nêu ví dụ ở địa phương để chứng minh cho vai trò của tăng trưởng kinh tế. Kết luận, nhận định Thông tin cho thấy kinh tế nước ta đạt được những kết quả tăng trưởng kinh tế giúp cho tỉ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. *Tích hợp quyền con người: - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Cách thức thực hiện: Giáo viên giúp học sinh hiểu được việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về phát triển kinh tế đặc biệt là chỉ tiêu về tiến bộ xã hội chính là góp phần thực hiện các quyền con người cơ bản Trước hết, để hiện thực hóa các quyền con người, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, các nhà nước và cộng đồng quốc tế cần có những nguồn lực vật chất mà chỉ có thể có được nhờ sự tăng trưởng kinh tế. Theo nghĩa này, tăng trưởng kinh tế có thể coi là một phương tiện quan trọng để hiện thực hóa các quyền con người. Đổi lại, quyền con người cũng góp phần thúc đẩy và duy trì sự tăng trưởng kinh tế bền vững, bởi lẽ quyền con người giúp kiến tạo và duy trì sự quản lý tốt - yếu tố nền tảng	1. Tăng trưởng kinh tế b) Vai trò của tăng trưởng kinh tế - Tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu, tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao,... góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân; - Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, vị thế của quốc gia. - Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

cho sự phát triển kinh tế. Quan trọng hơn, chỉ khi các quyền con người được bảo đảm mới giải phóng năng lực của mọi cá nhân con người, tạo ra sức sống, sự năng động của các xã hội trên mọi lĩnh vực trong đó có lĩnh vực kinh tế.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và các chỉ tiêu phát triển kinh tế

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm phát triển kinh tế. Nêu được các chỉ tiêu phát triển kinh tế. Phân biệt được tăng trưởng và phát triển kinh tế.

b) Nội dung. GV triển khai lần lượt từng nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh, bảng số liệu trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV triển khai lần lượt từng nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh, bảng số liệu trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Em hiểu thế nào là phát triển kinh tế? Nêu đặc điểm, ý nghĩa của các chỉ tiêu phát triển kinh tế. 2/ Em có nhận xét gì về việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế của Việt Nam trong thông tin trên? 3/ Hãy phân biệt tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. 1. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu cơ bản Phát triển kinh tế là sự lớn lên về quy mô cùng với những thay đổi về cấu trúc nền kinh tế, mang lại những chuyển biến tích cực về xã hội. - Chỉ tiêu phát triển kinh tế bao gồm: + Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế. + Chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội. 2. Nội dung và nhận xét thông tin và biểu đồ - Thông tin 1 và biểu đồ 1, phản ánh về chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. - Thông tin 2 và biểu đồ 3, phản ánh về chỉ tiêu tiến bộ xã hội - Nhận xét:	2. Phát triển kinh tế. a) Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế. - Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội. - Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế bao gồm: + Sự gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người. + Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi. + Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: chỉ số phát triển con người HDI tăng, chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau.

+ Về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế: trong giai đoạn từ 2018 - 2022, cơ cấu kinh tế của nước ta đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, với việc: giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp; tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ.

+ Về tiến bộ xã hội: trong giai đoạn 2018 - 2022, việc thực hiện tiến bộ xã hội ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn. Ví dụ như: chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2022 đạt mức 0.737 (tăng 0.044 so với năm 2018); hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập năm 2022 đạt mức 0.375 (giảm 0.05 so với năm 2018)

3. Phân biệt tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế:

+ Tăng trưởng kể đơn thuần chỉ là sự thay đổi về lượng, chưa phản ánh sự biến đổi về chất của một nền kinh tế.

+ Phát triển kinh tế có phạm vi rộng hơn, toàn diện hơn, bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu và tiến bộ xã hội

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

Phát triển kinh tế là sự lớn lên về quy mô cùng với những thay đổi về cấu trúc nền kinh tế, mang lại những chuyển biến tích cực về xã hội.

Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau. Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của nền kinh tế, là điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế nhưng không phải chỉ cần tăng trưởng kinh tế là đã đạt được phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội. Trên cơ sở những kết quả đạt được về phát triển kinh tế, quốc gia luôn hướng tới mục tiêu tiến bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của phát triển kinh tế

a) Mục tiêu. HS giải thích được vai trò của phát triển kinh tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra vai trò của phát triển kinh tế được đề cập trong những thông tin trên.

2/ Hãy lấy ví dụ cụ thể ở địa phương em để chứng minh cho vai trò của phát triển kinh tế.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Em hãy chỉ ra vai trò của phát triển kinh tế được đề cập trong những thông tin trên. 2/ Hãy lấy ví dụ cụ thể ở địa phương em để chứng minh cho vai trò của phát triển kinh tế. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo thảo luận	2. Phát triển kinh tế b) Vai trò của phát triển kinh tế + Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia. + Phát triển kinh tế với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế. Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế không chỉ

- GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. 1/ Đoạn thông tin trên đề cập đến nhiều vai trò của phát triển kinh tế. Cụ thể là: + Phát triển kinh tế với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế. + Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia. + Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế không chỉ tạo điều kiện vật chất mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dựng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý,... 2/ Học sinh chủ động lấy các ví dụ để minh họa. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.	tạo điều kiện vật chất mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dựng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý,... + Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam.
--	--

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Mỗi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

a) Mục tiêu. HS trình bày được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Từ thông tin 1, em hiểu thế nào là phát triển bền vững?

2/ Từ thông tin 2, em hãy chỉ ra những tác động tích cực, tiêu cực của tăng trưởng kinh tế tới phát triển bền vững và ngược lại.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Từ thông tin 1, em hiểu thế nào là phát triển bền vững?

2/ Từ thông tin 2, em hãy chỉ ra những tác động tích cực, tiêu cực của tăng trưởng kinh tế tới phát triển bền vững và ngược lại.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo thảo luận

- GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

1/ Khái niệm phát triển bền vững

Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hợp lý, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

2/ Những tác động tích cực, tiêu cực của tăng trưởng kinh tế tới phát triển bền vững và ngược lại

- Tác động từ tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững:

+ *Tác động tích cực: Tăng trưởng kinh tế ổn định là tiêu chí hàng đầu của phát triển bền vững bởi đó là sự đảm bảo điều kiện vật chất cho sự phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội.*

+ *Tác động tiêu cực: Nếu tăng trưởng không gắn với mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường... sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn, tạo ra sự bất ổn trong xã hội, ảnh hưởng không tốt đến môi trường kinh doanh, làm cản trở đến phát triển kinh tế, không thực hiện được phát triển bền vững.*

- Tác động từ phát triển bền vững đến tăng trưởng kinh tế:

+ *Tác động tích cực: Phát triển bền vững với việc nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, duy trì trong thời gian dài, gắn với đó là quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và bảo đảm tiến bộ xã hội... thể hiện tính bền vững của xã hội phát triển và có tác động tích cực đến sự tăng trưởng kinh tế bền vững.*

+ *Tác động tiêu cực: Nếu xã hội chứa đựng nhiều mâu thuẫn, tiến bộ và công bằng xã hội không được giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.*

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

+ Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế – xã

3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

- Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có quan hệ chặt chẽ với nhau:

+ Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế – xã hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lý có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.

+ Phát triển bền vững với những yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng cùng với thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lí có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.

+ Phát triển bền vững với những yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng cùng với thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- Cách thức thực hiện: Giáo viên cung cấp cho học sinh thông tin về hành vi nhận hối lộ của một số quan chức các tỉnh đối với hoạt động của tập đoàn Phúc Sơn và Hậu pháo. Từ các thông tin này, giáo viên nhấn mạnh hậu quả của hành vi tham nhũng đối với sự phát triển của đất nước.

TIẾT 4 + 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết chỉ tiêu nào dưới đây được chọn để đánh giá tăng trưởng kinh tế. Vì sao?

a) Mục tiêu. – HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo yêu cầu của đề bài.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng chỉ tiêu trong bài tập 1, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó

a. Đây chính là chỉ tiêu GDP – một chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, thể hiện sự gia tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế.

b. Tỷ lệ này không phản ánh mức gia tăng thu nhập hay sản lượng của nền kinh tế nên không phải là chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

c. Đây là chỉ tiêu GNI/người, một trong 4 chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

d. Đây không phải là chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế vì không phản ánh quy mô sản lượng và thu nhập của nền kinh tế.

e. Đây là một trong các chỉ số phản ánh sự tiến bộ xã hội, một chỉ tiêu của phát triển kinh tế, không phải là chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Phát biểu nào dưới đây phản ánh đúng cách hiểu về phát triển kinh tế? Giải thích vì sao.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải

thích về sự lựa chọn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo yêu cầu của đề bài.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

a. Ý kiến này chưa đúng, chưa đầy đủ về vai trò của phát triển kinh tế vì phát triển kinh tế còn có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chỉ tiêu dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, góp phần nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế về lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội.

b. Không đúng, mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế là đạt được tiến bộ xã hội, phát triển con người.

c. Không đúng, muốn phát triển kinh tế thì phải tăng trưởng kinh tế nhưng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, bằng mọi giá, không chú trọng đến các vấn đề đảm bảo tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường thì sẽ không thực hiện được phát triển kinh tế và yêu cầu phát triển bền vững của quốc gia.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát

Câu 3. Em hãy thuyết trình về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế đối với các vấn đề dưới đây

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị thuyết trình về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế đến từng vấn đề nêu trong SGK (có thể giao cho hai nhóm chuẩn bị một vấn đề).

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được một số nội dung theo yêu cầu của đề bài

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị thuyết trình về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế đến từng vấn đề nêu trong SGK (có thể giao cho hai nhóm chuẩn bị một vấn đề).

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài thuyết trình.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng vấn đề. Mời đại diện nhóm 1 thuyết trình, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

a. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện vật chất tạo dựng những thiết chế văn hoá thúc đẩy các hoạt động văn hoá phát triển, tạo ra nhiều sản phẩm văn hoá giúp người dân cải thiện đời sống văn hoá tinh thần, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại,... Tăng trưởng kinh tế đặt ra những yêu cầu về nguồn nhân lực thúc đẩy việc nâng cao chất lượng giáo dục, tạo điều kiện xây dựng các cơ sở giáo dục hiện đại, trang bị các phương tiện hỗ trợ giáo dục,...

b. Phát triển kinh tế với việc tăng trưởng kinh tế tạo tiền đề vật chất để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặc biệt, với việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, gia tăng sự đóng góp của công nghiệp và dịch vụ vào GDP chính là thực hiện các nội dung của công nghiệp hoá. Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo ra sự đồng thuận, ổn định chính trị,... góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

c. Phát triển kinh tế với sự tăng trưởng kinh tế ổn định giúp Nhà nước có điều kiện vật chất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho những vùng, địa phương còn nhiều khó khăn. Với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, phát triển kinh tế góp phần khai thác tiềm năng, thế mạnh kinh tế của các vùng, giúp xoá đói giảm nghèo, giảm bớt chênh lệch giữa các vùng. Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế góp phần giảm bớt bất bình đẳng, tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng khó khăn, tạo sinh kế, việc làm,... nhờ đó giảm bớt chênh lệch giữa các vùng.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh thấy được vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế

Câu 4. Ý kiến nào dưới đây phản ánh đúng cách hiểu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững? Giải thích vì sao.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được các câu hỏi theo yêu cầu của đề bài.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi trong SGK.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trả lời lần lượt từng ý kiến, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung.

a. Ý kiến sai, vì việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể vượt quá khả năng của nền kinh tế, gây ô nhiễm, làm cạn kiệt tài nguyên, đồng thời quan tâm không đúng mức đến thực hiện tiến bộ xã hội có thể gây mâu thuẫn, bất ổn xã hội, cản trở phát triển bền vững.

b. Ý kiến đúng, vì phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, thúc đẩy tiến bộ xã hội, đảm bảo các yếu tố đầu vào cho phát triển sản xuất như tài nguyên, nguồn nhân công có chất lượng,... Bên cạnh đó, còn tạo điều kiện để ổn định chính trị, xã hội giúp cho kinh tế không ngừng tăng trưởng, phát triển.

c. Ý kiến sai, vì đảm bảo tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội chưa đủ để phát triển bền vững mà còn phải gắn liền với bảo vệ môi trường.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận

Câu 5. Em hãy đọc thông tin dưới đây và thực hiện yêu cầu

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của học sinh, thanh niên trong vấn đề phát triển kinh tế đất nước

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được các câu hỏi theo yêu cầu của đề bài.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

1/ Từ thông tin trên, em hãy cho biết nhiệm vụ của thế hệ trẻ Việt Nam đối với phát triển kinh tế đất nước.

2/ Hãy nêu một tấm gương thanh niên tích cực tham gia phát triển kinh tế và rút ra bài học đối với bản thân.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy, vở hoặc phiếu học tập

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Sau đó mời 1 – 2 HS giới thiệu tấm gương thanh niên có nhiều thành tích góp phần phát triển kinh tế đất nước

Thanh niên Việt Nam phải rèn luyện nâng cao ý chí tự cường, tự hào dân tộc, có lý tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe, văn hoá, kiến thức khoa học, công nghệ, kỹ năng sống; có nghề nghiệp, ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo. Phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện, sáng tạo, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong hội nhập quốc tế, chuyển đổi số quốc gia,...

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài luận về những việc mình có thể thực hiện để góp phần thúc đẩy tăng trưởng,

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tăng trưởng

và phát triển kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết bài luận về những việc mình có thể thực hiện để góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS tìm hiểu một mô hình kinh tế xanh, phát triển bền vững tại địa phương hoặc Việt Nam; thảo luận nhóm về “tăng trưởng nhanh” và “phát triển bền vững”, rèn kỹ năng tư duy phân biện và lựa chọn giá trị đúng đắn, đưa ra các hành vi gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế như phá rừng, xả thải, trốn thuế... để học sinh phân tích, đánh giá.

c) Sản phẩm. Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết bài luận về những việc mình có thể thực hiện để góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

Tiết 6 – 7 – 8 – 9 – 10

BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.
- Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.
- Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Năng lực

- *Điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- *Phát triển bản thân:* Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về hội nhập kinh tế quốc tế trong một số trường hợp cụ thể. Tham gia tuyên truyền việc chấp hành các chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Tự hào về những thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.
- Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- **Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm hội nhập kinh tế quốc tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- **Cách thức thực hiện:** Gv cung cấp cho hs các thông tin về tình trạng một bộ phận cán bộ trong các cơ quan nhà nước có hành vi sách nhiễu, nhận hối lộ gây cản trở cho hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS liên hệ về một số tổ chức kinh tế quốc tế (WTO, ASEAN, CPTPP...), và trách nhiệm của thế hệ trẻ; phân tích trường hợp: vi phạm chính sách hội nhập hoặc có thái độ kỳ thị, bảo thủ trong môi trường hội nhập; đóng vai: công dân Việt Nam tham gia hội nhập - từ học tập ngoại ngữ đến ứng xử trong môi trường đa văn hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú học tập và giúp HS có hiểu biết ban đầu về hội nhập k/tế quốc tế

b) Nội dung. GV mở đầu bài học bằng cách cho HS nêu tên một tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia và cho biết lợi ích của việc tham gia đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được những biểu hiện ban đầu của việc hội nhập kinh tế quốc tế mà nước ta đã và đang tham gia.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV mở đầu bài học bằng cách cho HS nêu tên một tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia và cho biết lợi ích của việc tham gia đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay:

Em hãy nêu tên một tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia và cho biết lợi ích của việc tham gia đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

- Năm 2007, Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới

- Việc ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển đất nước, như:

+ Thu hút và tranh thủ được nguồn vốn đầu tư, các tiến bộ khoa học - công nghệ,...

+ Có cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường buôn bán.

+ Có cơ hội học hỏi kinh nghiệm quản lý và phát triển kinh tế...

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành xu hướng tất yếu, phổ biến đối với các quốc gia trên thế giới nhằm tăng cường sự hợp tác, liên kết, cùng phát triển. Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội để rút ngắn khoảng cách với các nước có nền kinh tế phát triển, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung đã giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, gv chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc thông tin trong sgk đưa ra, qua sát biểu đồ và trả lời câu hỏi 1/ <i>Em hãy cho biết để tham gia Hiệp định RCEP, các quốc gia phải cam kết thực hiện những điều gì. Lợi ích của họ được đảm bảo như thế nào? Em hiểu thế nào là hội nhập kinh tế quốc tế?</i> 2/ <i>Từ thông tin và biểu đồ trên, em hãy chỉ ra đóng góp của các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam.</i> 3/ <i>Hãy lí giải vì sao các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam phải tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. 1/ <i>Tham gia Hiệp định RCEP, các quốc gia cam kết tuân thủ toàn bộ các quy định toàn diện của RCEP về tự do thương mại hàng hoá, dịch vụ, tuân thủ cơ chế thực thi chặt chẽ,... Lợi ích của họ được đảm bảo dựa trên sự chia sẻ giữa các đối tác.</i> <i>Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.</i> 2/ <i>Thông tin và biểu đồ đã cho biết đóng góp của các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam như hoạt động xuất khẩu ngày càng được thúc đẩy, đóng góp tích cực cho sự tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Đầu tư nước ngoài cũng là một hoạt động kinh tế quốc tế quan trọng, đóng góp ngày càng nhiều vào GDP. Sự tham gia của khu vực FDI vào nhiều ngành, lĩnh vực, góp phần đổi mới và chuyển giao công nghệ, từng bước nâng cao năng lực sản xuất trong nước, tiếp nhận kinh nghiệm quản lí tiên tiến trên thế giới và đào tạo được đội ngũ lao động có trình độ cao, có khả năng sử dụng được các công nghệ hiện đại, FDI cũng đóng góp lớn cho xuất khẩu, cân bằng cán cân thương mại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,...</i> 3/ <i>Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc</i>	1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế - Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung. - Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư. - Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lí,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư. Đối với nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Kinh tế thị trường phát triển đòi hỏi phải mở rộng thị trường, hình thành thị trường khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kĩ thuật đã thúc đẩy phân công lao động mang tính quốc tế dẫn đến xu hướng toàn cầu hoá kinh tế với sự gia tăng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia, khu vực, tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, hướng tới một nền kinh tế thế giới thống nhất.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

a) Mục tiêu. HS liệt kê được các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung đã giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Từ thông tin 1, em hãy nêu đặc điểm của các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế và cho biết Việt Nam đã thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế theo các cấp độ đó như thế nào. Nêu ý nghĩa của việc thực hiện các cấp độ hội nhập đó đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam.</i> Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. + Với hình thức hội nhập song phương: Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người	2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. a. Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế - Hội nhập song phương: Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước, được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài - Hội nhập kinh tế khu vực: Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội.. thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế

dân, doanh nghiệp hai nước, được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài,... Đặc điểm: dễ đạt được những thoả thuận và nghĩa vụ, ưu đãi phù hợp vì chỉ áp dụng cho hai quốc gia kí kết. Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác song phương với hơn một trăm quốc gia trên thế giới, xây dựng và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với 17 nước, giúp bảo đảm, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ lợi thế của các đối tác để bảo vệ, phát triển đất nước nhanh và bền vững.

+ **Với hình thức hội nhập kinh tế khu vực:** Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội.. thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,... Giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, phát triển xuất khẩu, du lịch,... Việt Nam đã chủ động tham gia các hình thức hội nhập kinh tế khu vực như: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu,... giúp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, được tham gia chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu nên nâng cao trình độ phát triển, hoàn thiện thể chế, hoàn thiện môi trường kinh doanh, từ đó thúc đẩy đầu tư trong nước và nước ngoài phát triển, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

+ **Với hình thức hội nhập kinh tế toàn cầu:** Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu, là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu,... Như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: Quốc gia có thể hội nhập kinh tế song phương thông qua hợp tác kinh tế với một quốc gia khác, hội nhập kinh tế khu vực khi tham gia các hoạt động kinh tế với nhiều quốc gia trong khu vực hoặc hội nhập với nền kinh tế thế giới với việc tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế có phạm vi toàn cầu.

- GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế để làm rõ.

Kết luận, nhận định

Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: Quốc gia có thể hội nhập kinh tế song

- **Hội nhập kinh tế toàn cầu:** Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu

phương thông qua hợp tác kinh tế với một quốc gia khác, hội nhập kinh tế khu vực khi tham gia các hoạt động kinh tế với nhiều quốc gia trong khu vực hoặc hội nhập với nền kinh tế thế giới với việc tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế có phạm vi toàn cầu.	
--	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Các hoạt động kinh tế đối ngoại.

a) Mục tiêu. HS nêu được các hoạt động kinh tế đối ngoại.

b) Nội dung. GV nên chia lớp học thành các nhóm sao cho ít nhất hai nhóm nghiên cứu một hình thức hoạt động kinh tế đối ngoại.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung đã giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV nên chia lớp học thành các nhóm sao cho ít nhất hai nhóm nghiên cứu một hình thức hoạt động kinh tế đối ngoại. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Từ thông tin 2, em hãy nêu các hoạt động kinh tế đối ngoại cơ bản và ý nghĩa của các hoạt động đó đối với Việt Nam.</i> Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. - Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thể hiện kết quả hội nhập của mỗi quốc gia - Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam. - Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế. Một số hoạt động còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như du lịch, thông tin liên lạc,... - Ý nghĩa: Các hoạt động kinh tế quốc tế này được	2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. b. Các hoạt động kinh tế quốc tế - Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam. - Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

diễn ra tích cực ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

Các hoạt động kinh tế quốc tế này được diễn ra tích cực ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

a) Mục tiêu. HS nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Lấy đó làm căn cứ để phê phán những hành vi không chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung đã giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: 1/ Từ thông tin 1 và 2, em hãy cho biết chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài của Nhà nước ta trong giai đoạn 2021 – 2030 có ý nghĩa gì trong thực hiện đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta. 2/ Em hãy nhận xét việc thực hiện chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta của ông T trong trường hợp trên. Theo em, việc làm đó ảnh hưởng thế nào đến hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta? 3/ Em hãy xác định trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. + Chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài của Nhà nước ta trong giai đoạn 2021 – 2030 nhằm triển khai thực hiện đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta. Chiến lược này nhằm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng	3. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam - Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế. - Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.....

công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả tích cực, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu để đến năm 2030, Việt Nam nằm trong nhóm 3 quốc gia dẫn đầu ASEAN và nhóm 60 quốc gia đứng đầu thế giới theo xếp hạng môi trường kd của Ngân hàng Thế giới; Phát triển các doanh nghiệp trong nước lớn mạnh, đủ thực lực hội nhập quốc tế;...

+ Hành vi của ông T là chủ một tàu cá đã vi phạm quy định của Nhà nước trong việc kiểm soát các tàu cá không được khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài khiến hải sản nước ta xuất khẩu bị gắn thẻ vàng thậm chí có nguy cơ bị gắn thẻ đỏ nếu tiếp tục vi phạm làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, ảnh hưởng đến uy tín của nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

Giải pháp để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là: hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.....

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập ktế quốc tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

- **Cách thức thực hiện:** Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm hội nhập kinh tế quốc tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên cung cấp cho học sinh các thông tin về tình trạng một bộ phận cán bộ trong các cơ quan nhà nước có hành vi sách nhiễu, nhận hối lộ gây cản trở cho hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập ktế quốc tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam .

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS liên hệ về một số tổ chức kinh tế quốc tế (WTO, ASEAN, CPTPP...), và trách nhiệm của thế hệ trẻ; phân tích trường hợp: vi phạm chính sách hội nhập hoặc có thái độ kỳ thị, bảo thủ trong môi trường hội nhập; đóng vai: công dân Việt Nam tham gia hội nhập - từ học tập ngoại ngữ đến ứng xử trong môi trường đa văn hóa.

TIẾT 4 + 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết phát biểu nào sau đây thể hiện đúng quan niệm về hội nhập kinh tế quốc tế. Vì sao?

a) Mục tiêu. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với

những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng phát biểu trong bài tập 1, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các yêu cầu của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng phát biểu trong bài tập 1, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

a. Ý kiến này chưa chính xác, vì hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết nền kinh tế quốc gia với các nền kinh tế của các quốc gia và cả nền kinh tế khu vực và toàn cầu. b. Đúng, vì đây là một nguyên tắc quan trọng, là cơ sở cho việc xây dựng các mối quan hệ kinh tế quốc tế đòi hỏi phải đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên tham gia.

c. Đúng, vì khi tham gia tổ chức kinh tế quốc tế, quốc gia cần chủ động đề xuất, xây dựng những điều khoản quy định của tổ chức để vừa đảm bảo được lợi ích cho mình, vừa khẳng định tính độc lập, tự chủ, tích cực trong hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế. d. Không đúng, vì trong hội nhập kinh tế quốc tế các quốc gia thường duy trì quan hệ đa phương, quan tâm đến những đối tác chiến lược là các quốc gia không hẳn là có trình độ phát triển tương đồng mà là các quốc gia có trình độ phát triển hơn.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Em hãy cho biết ý kiến nào dưới đây thể hiện đúng sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản của hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các yêu cầu của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

a. Không đúng, vì hội nhập kinh tế là cần thiết với tất cả các quốc gia. Quốc gia dư thừa vốn, lao động, tài nguyên cũng cần hội nhập để xuất khẩu những yếu tố đó, thu về lợi ích kinh tế cho quốc gia.

b. Không đúng, vì nếu quốc gia chủ động trong tiến trình hội nhập, đưa ra được chủ trương, chính sách phù hợp sẽ tránh được sự phụ thuộc vào thị trường bên ngoài.

c. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội để phát triển kinh tế, thực hiện tốt các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững. Tuy nhiên, nếu không có chính sách, biện pháp phù hợp, quá trình này có thể có tác động ngược lại gây tác động xấu đến môi trường như khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên để xuất khẩu, du nhập những sản phẩm văn hoá, lối sống,... không phù hợp với Việt Nam, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững quốc gia.

d. Không đúng, vì hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ cần thiết với quốc gia đang phát triển mà còn cần thiết với cả quốc gia phát triển, giúp họ khai thác thế mạnh về kinh tế của mình, về trình độ khoa học công nghệ, quản lý, vốn,... xuất khẩu sang các nước đang phát triển và cả với các nước phát triển để thu được lợi ích về cho mình.

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

Câu 3. Em hãy kể tên những hiệp định Việt Nam đã tham gia trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ứng với mỗi cấp độ hội nhập song phương, hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu và nêu ý nghĩa của việc tham gia này đối với sự phát triển của đất nước.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự cần thiết phải hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS: *Kể tên những hiệp định Việt Nam đã tham gia trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ứng với mỗi cấp độ hội nhập song phương, hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu và nêu ý nghĩa của việc tham gia này đối với sự phát triển của đất nước.*

GV cũng có thể thực hiện bài tập này dưới dạng trò chơi Ai nhanh, ai đúng: Chia lớp học thành hai nhóm, mỗi bên lần lượt kể tên một hiệp định ứng với cấp độ hội nhập song phương. Các đáp án không được trùng nhau. Đội nào dừng trước là thua cuộc. Còn với hình thức hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu thì tiến hành như hướng dẫn trên.

c) Sản phẩm. Nêu được một số *hiệp định Việt Nam đã tham gia trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ứng với mỗi cấp độ hội nhập song phương, hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu và nêu ý nghĩa của việc tham gia này đối với sự phát triển của đất nước.*

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm, chuẩn bị thuyết trình về vai trò của tăng trưởng, phát triển kinh tế đến từng vấn đề nêu trong SGK (có thể giao cho hai nhóm chuẩn bị một vấn đề).

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng cấp độ.

Câu 4. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu một số kết quả thực hiện chủ trương dưới đây ở địa phương em

- Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 chủ trương gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.....

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của hội nhập kinh tế quốc tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy tìm hiểu và giới thiệu một số kết quả thực hiện chủ trương này ở địa phương em.*

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

c) Sản phẩm. HS nêu được các ví dụ thực tiễn để minh họa cho kết quả thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và nhà nước ta.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em hãy tìm hiểu và giới thiệu một số kết quả thực hiện chủ trương này ở địa phương em.*

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm đôi, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trả lời lần lượt từng ý kiến, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận

Câu 5. Từ quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 06-NQ/TW của Đảng “Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu”, em hãy cho biết mỗi công dân nên làm gì để đóng góp vào công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được trách nhiệm của học sinh, thanh niên trong vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Từ quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 06-NQ/TW của Đảng “Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu”, em hãy cho biết mỗi công dân nên làm gì để đóng góp vào công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.*

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được trách nhiệm của học sinh, thanh niên trong vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Từ quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 06-NQ/TW của Đảng “Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu”, em hãy cho biết mỗi công dân nên làm gì để đóng góp vào công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy, vở hoặc phiếu học tập

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung ý kiến. Sau đó mời 1 – 2 HS trình bày về bài viết của mình

- Để thực hiện trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế, mỗi công dân cần:

+ Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng vào thành tựu khoa học - kỹ thuật...

+ Tìm hiểu về nền kinh tế và sự đa dạng văn hoá của các nước trên thế giới.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi mang tính kỳ thị, phân biệt, chia rẽ giữa các quốc gia, dân tộc.

+ Suy nghĩ, đề xuất, phát triển và hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh khởi nghiệp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài chia sẻ suy nghĩ của mình về cơ hội đối với lao động trẻ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay và những việc học sinh cần làm để tận dụng cơ hội đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan hội nhập kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết bài chia sẻ suy nghĩ của mình về cơ hội đối với lao động trẻ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay và những việc học sinh cần làm để tận dụng cơ hội đó.

c) Sản phẩm. Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan hội nhập kinh tế trong thực tiễn cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy viết bài chia sẻ suy nghĩ của mình về cơ hội đối với lao động trẻ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay và những việc học sinh cần làm để tận dụng cơ hội đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Gv bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc hội nhập kinh tế.

Tiết 11 – 12 – 13 – 14
BÀI 3. BẢO HIỂM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm.
- Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.
- Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.

2. Năng lực

- Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu và lấy dẫn chứng minh họa sự cần thiết của bảo hiểm; Tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên mọi người tham gia bảo hiểm theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân về bảo hiểm; hướng dẫn và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm, vốn sống và sự hiểu biết ban đầu của HS về vấn đề liên quan đến bảo hiểm để dẫn dắt HS vào bài học mới.

b) Nội dung.

- GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK.
- GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh/ảnh về một số loại hình bảo hiểm hoặc video về bảo hiểm. Sau đó đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy kể tên một số loại hình bảo hiểm mà em vừa được xem và chia sẻ về lợi ích mang lại từ việc tham gia các loại hình bảo hiểm đó.*

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được các loại hình bảo hiểm và ý nghĩa của việc tham gia bảo hiểm.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em hãy kể về một số loại hình bảo hiểm mà bản thân em hoặc gia đình đã, đang tham gia và lợi ích từ việc tham gia đó.* GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh/ ảnh về một số loại hình bảo hiểm hoặc video về bảo hiểm. Sau đó đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy kể tên một số loại hình bảo hiểm mà em vừa được xem và chia sẻ về lợi ích mang lại từ việc tham gia các loại hình bảo hiểm đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân, chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

- *Một số loại hình bảo hiểm mà bản thân em hoặc gia đình đã, đang tham gia: Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm nhân thọ,...*

- Lợi ích khi tham gia Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm y tế (viết tắt: BHYT) là chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước vì quyền lợi của người dân, được Nhà nước bảo hộ và do cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện.
- Khi tham gia bảo hiểm y tế, công dân sẽ được hưởng các lợi ích sau:
 - + Được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí khi tham gia.
 - + Được khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế có kí hợp đồng khám chữa bệnh BHYT trên toàn quốc.
 - + Được quỹ BHYT chi trả từ 80 - 100% chi phí khám chữa bệnh đúng tuyến
 - + Giúp bạn và gia đình giảm gánh nặng về chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau, tai nạn
 - + Quỹ BHYT chi trả hàng chục nghìn loại thuốc và dịch vụ y tế.
 - + Góp phần chia sẻ rủi ro, phát huy tinh thần “lá lành đùm lá rách” giữa những người tham gia.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Bảo hiểm có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống và sản xuất kinh doanh. Do đó, bảo hiểm ra đời, tồn tại và phát triển như một đòi hỏi khách quan nhằm san sẻ rủi ro, giảm thiểu tổn thất giúp chúng ta vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm và sự cần thiết của bảo hiểm

- a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm và sự cần thiết của bảo hiểm.
- b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và thông tin mục em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm.** Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc trường hợp và thông tin mục em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Qua trường hợp trên, em hãy cho biết Doanh nghiệp Y đã thực hiện đúng hay chưa đúng trách nhiệm tham gia các loại hình bảo hiểm. Vì sao? Nếu xảy ra sự cố cháy, nổ thì Doanh nghiệp Y có được công ty bảo hiểm hỗ trợ khắc phục không? Vì sao? 2/ Từ các nội dung trên và sự hiểu biết của bản thân, em hãy giải thích sự cần thiết của bảo hiểm đối với con người. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. 1/ Doanh nghiệp Y đã: + Thực hiện đúng khi tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. + Thực hiện chưa đúng trách nhiệm của doanh nghiệp khi chưa tham gia bảo hiểm cháy, nổ. Vì theo Nghị định số 67/2023/NĐ–CP ngày 6 – 9 – 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng thì Doanh nghiệp Y bắt buộc phải mua bảo hiểm cháy, nổ: Điều 23. Đối tượng bảo hiểm 1. Đối tượng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là toàn bộ	1. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm. a. Khái niệm và sự cần thiết của bảo hiểm. Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

tài sản của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

a) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị.

b) Các loại hàng hoá, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

Nếu xảy ra sự cố cháy, nổ thì Doanh nghiệp Y không được công ty bảo hiểm hỗ trợ khắc phục vì đã không tham gia bảo hiểm về cháy, nổ.

2/ Sự cần thiết của bảo hiểm đối với con người:

Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

*Tích hợp quyền con người:

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yc cần đạt: Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm.

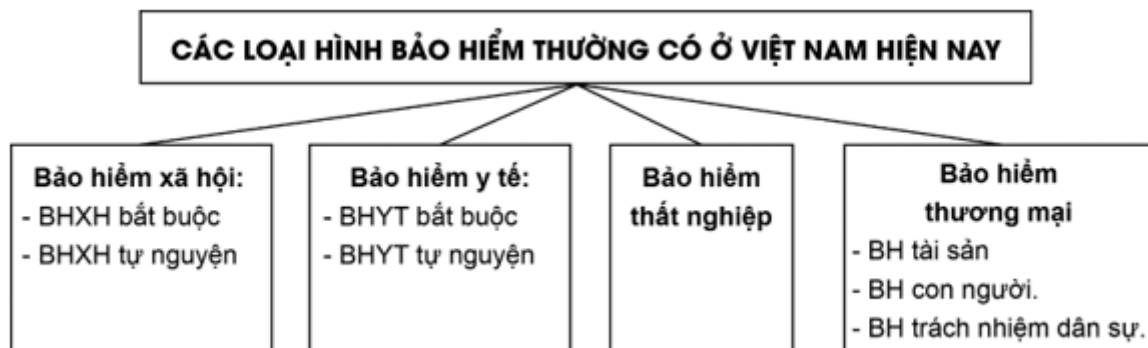
- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại hình bảo hiểm

a) **Mục tiêu.** HS liệt kê được một số loại hình bảo hiểm

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm.** Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.



d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Dựa vào các nội dung trên, em hãy vẽ sơ đồ về các loại hình bảo hiểm thường có ở Việt Nam hiện nay.</i> Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các loại hình bảo hiểm đã vẽ trong sơ đồ Kết luận, nhận định Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm y tế là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do Nhà nước thực hiện; theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật. Bảo hiểm thất nghiệp là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm thương mại là hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên ký kết.	1. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm. b. Các loại hình bảo hiểm Một số loại hình bảo hiểm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của bảo hiểm

a) Mục tiêu. HS nêu được vai trò của bảo hiểm.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung t/tin và ô em cần biết trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung được giao.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung thông tin và ô em cần biết trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Em có nhận xét gì về sự phát triển thị trường bảo hiểm	2. Vai trò của bảo hiểm. Bảo hiểm có vai trò to lớn cả về kinh tế và xã hội:

ở nước ta hiện nay?

2/ Từ các thông tin trên, em hãy nêu vai trò của bảo hiểm đối với các cá nhân, doanh nghiệp và quốc gia.

3/ Em hãy nêu một ví dụ thể hiện vai trò của bảo hiểm trong cuộc sống hằng ngày.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

1/ Nhận xét sự phát triển thị trường bảo hiểm ở nước ta hiện nay:

Thị trường bảo hiểm từ năm 2018 đến nay có những bước phát triển mạnh mẽ đáng ghi nhận về tổng số thu, chi, số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, số lao động có việc làm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; có nhiều doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập. Các sản phẩm bảo hiểm phong phú hơn; doanh thu phí bảo hiểm có sự tăng trưởng khá. Thị trường bảo hiểm đã và đang chứng tỏ vai trò góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ an sinh xã hội và cũng được đánh giá là còn nhiều dư địa để phát triển,...

2/ Vai trò của bảo hiểm:

Đối với cá nhân: Mang lại sự ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người được hưởng bảo hiểm. Khi gặp rủi ro, sự cố thì người tham gia bảo hiểm sẽ được nhận hỗ trợ từ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng tài chính và duy trì mức sống tối thiểu.

– Đối với doanh nghiệp: Góp phần huy động vốn để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho thị trường lao động, tạo sự an tâm cho xã hội.

– Đối với quốc gia: Góp phần thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ; thúc đẩy hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế.

3/ Ví dụ thể hiện vai trò của bảo hiểm trong cuộc sống hằng ngày:

+ Anh A mua một chiếc ô tô trị giá 500 triệu đồng. Đây là sự đầu tư lớn nhất từ trước đến nay của anh. Một người lạc quan nhất cũng nhận ra rằng việc đầu tư trên có thể gặp rủi ro. Chiếc xe có thể bị mất trộm hoặc bị hư hại do tai nạn hoặc hoả hoạn. Tai nạn có thể gây thương tích nặng cho những người khác. Bằng cách tham gia bảo hiểm, anh A đã chuyển giao rủi ro sang công ty bảo hiểm. Khi đó, nếu có những tổn thất, thiệt hại xảy ra, công ty bảo hiểm sẽ thực hiện bồi thường theo quy định. Anh A có thể an tâm vì những tổn thất đó đã được chia sẻ.

+ Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, các công ty bảo hiểm luôn chú ý đến việc tăng cường áp dụng các biện pháp phòng tránh cần thiết để bảo vệ đối tượng bảo hiểm, góp phần đảm bảo an toàn cho tính mạng, sức khoẻ con

+ Về kinh tế: góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Về xã hội: giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

người, của cải vật chất của xã hội. Cụ thể:

Thực hiện hỗ trợ các công cụ phòng ngừa rủi ro và hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất có thể (Ví dụ: Các công ty bảo hiểm tài trợ việc lắp đặt gương phản chiếu giao thông; xây dựng đường lánh nạn tại những tuyến đường nguy hiểm, thường xảy ra tai nạn; yêu cầu những đối tượng khi tham gia bảo hiểm phải thực hiện những biện pháp để phòng hạn chế tổn thất như lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy).

Giải quyết hậu quả kịp thời giúp khách hàng nhanh chóng ổn định kinh doanh và cuộc sống (Ví dụ: Khi xảy ra rủi ro với đối tượng được bảo hiểm, các công ty bảo hiểm nhanh chóng thực hiện cứu hộ, khôi phục, sửa chữa tài sản thiệt hại, nhanh chóng chi trả, giải quyết quyền lợi cho bên mua bảo hiểm).

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét:

- *Đối với cá nhân:* Mang lại sự ổn định và đảm bảo cuộc sống cho người được hưởng bảo hiểm. Khi gặp rủi ro, sự cố thì người tham gia bảo hiểm sẽ được nhận hỗ trợ từ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng tài chính và duy trì mức sống tối thiểu.

- *Đối với doanh nghiệp:* Góp phần huy động vốn để phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm cho thị trường lao động, tạo sự an tâm cho xã hội.

- *Đối với quốc gia:* Góp phần thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ; thúc đẩy hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế.

TIẾT 3 + 4

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy nhận xét những nhận định dưới đây.

a) Mục tiêu. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

c) Sản phẩm. Học sinh trả lời được các yêu cầu theo nội dung bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

a. Bảo hiểm là sự thoả thuận hợp pháp thông qua đó một cá nhân hay tổ chức (người tham gia bảo hiểm) chấp

nhận đóng một khoản tiền nhất định (phí bảo hiểm) cho tổ chức khác (người bảo hiểm) để đổi lấy những cam kết về những khoản bồi thường hoặc chi trả khi có sự kiện quy định trong hợp đồng xảy ra. Bảo hiểm là một loại hoạt động mà tại đó những người tham gia có quyền được hưởng các khoản trợ cấp bảo hiểm. Thông qua việc đóng góp một khoản cho mình hoặc cho người thứ 3 trong trường hợp xảy ra rủi ro ngoài ý muốn, bảo hiểm sẽ hỗ trợ chi trả một phần nào đó. Khoản trợ cấp này sẽ do một tổ chức cụ thể có trách nhiệm thực hiện việc đền bù về thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm theo chế độ cụ thể.

b. Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Như vậy, bảo hiểm xã hội là một chính sách an sinh xã hội do Nhà nước tổ chức và được bảo đảm thực hiện bởi cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của pháp luật. Có hai hình thức tham gia bảo hiểm xã hội tương ứng với hai loại hình bảo hiểm xã hội là: bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

c. Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện. Chế độ này được thực hiện dựa trên các nguyên tắc bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm y tế. Quỹ bảo hiểm y tế được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm cân đối thu, chi và được Nhà nước bảo hộ. Bên cạnh đó, các nguyên tắc về mức đóng, mức hưởng, chi phí khám chữa bệnh cũng được quy định chặt chẽ. Như vậy, bảo hiểm y tế là một loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Theo đó, người mua bảo hiểm y tế sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe,... nếu không may xảy ra tai nạn, ốm đau, bệnh tật. Bảo hiểm y tế có hai loại hình là bắt buộc và tự nguyện.

d. Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Nhờ có các chính sách hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp mà rất nhiều người lao động đã vượt qua khó khăn về kinh tế, giải quyết được vấn đề việc làm để tạo thu nhập ổn định, từ đó góp phần giúp ổn định thị trường lao động, đảm bảo an sinh xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp được liệt kê tại Điều 43 Luật Việc làm bao gồm: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên, trừ người đang hưởng lương hưu, lao động giúp việc gia đình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Các nhận định dưới đây đúng hay sai khi nói về vai trò của bảo hiểm? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về bảo hiểm.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

c) **Sản phẩm.** Học sinh trả lời được các yêu cầu theo nội dung bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

a. *Đúng, vì đây là một trong những vai trò của bảo hiểm xã hội. Chính sách bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện có ý nghĩa rất lớn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho những người lao động tự do giảm bớt khó khăn, rủi ro khi về già, giúp bảo đảm thu nhập, ổn định cuộc sống cho mỗi người khi hết tuổi lao động. Chính những lợi ích thiết thực do bảo hiểm xã hội tự nguyện mang lại nên những năm qua, tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện không ngừng tăng lên.*

b. *Sai, vì bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện. Chế độ này được thực hiện dựa trên các nguyên tắc bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia bảo hiểm y tế. Bảo hiểm y tế là một loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Theo đó, người mua bảo*

hiểm y tế sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe,... nếu không may xảy ra tai nạn, ốm đau, bệnh tật.

c. Sai, vì mất việc làm khiến người lao động bị mất đi thu nhập, dù trong thời kì dịch bệnh hay không đều không có đủ điều kiện kinh tế để trang trải cuộc sống.

d. Đúng, vì đối với các doanh nghiệp, bảo hiểm tài sản giúp doanh nghiệp tránh khỏi các sự cố trong quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo đảm sự an toàn và ổn định về mặt tài chính. Trên thực tế, việc các doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho doanh nghiệp khi xảy ra sự kiện bảo hiểm giúp cho các tổ chức bảo toàn được nguồn vốn, tài sản.

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

Câu 3. Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi.

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời ra giấy, bảng nhóm hoặc phiếu học tập..

c) **Sản phẩm.** Học sinh trả lời được các yêu cầu theo nội dung bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời ra giấy, bảng nhóm hoặc phiếu học tập..

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

a. Khi tham gia các loại hình bảo hiểm trên, anh H sẽ được rất nhiều lợi ích như chế độ ốm đau, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí, chế độ tử tuất,...

Nếu anh H không may gặp tai nạn qua đời thì gia đình sẽ được hưởng quyền lợi bảo hiểm. Công ty bảo hiểm hỗ trợ một khoản tiền để giúp gia đình duy trì mức sống. Ngoài ra, người thân của anh H được hưởng chế độ tử tuất: trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất một lần, trợ cấp tuất hằng tháng tùy theo quy định của bảo hiểm xã hội.

b. Việc làm của ông T trong trường hợp trên trái với quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về các đối tượng bắt buộc phải tham gia bảo hiểm xã hội quy định:

Như vậy, khi ông T không đóng bảo hiểm xã hội cho 12 người lao động thì họ không được nhận các quyền theo khoản 1 Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội. Người đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hưởng các quyền lợi sau: chế độ ốm đau; chế độ thai sản; chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ hưu trí; chế độ tử tuất.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về loại hình bảo hiểm.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy lựa chọn một loại hình bảo hiểm và viết một bài thuyết trình để vận động mọi người tham gia bảo hiểm đó.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn cuộc sống.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy lựa chọn một loại hình bảo hiểm và viết một bài thuyết trình để vận động mọi người tham gia bảo hiểm đó.

c) **Sản phẩm.** Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy lựa chọn một loại hình bảo hiểm và viết một bài thuyết trình để vận động mọi người tham gia bảo hiểm đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc tìm hiểu và tham gia các loại hình bảo hiểm.

Tiết 15 – 16 – 17

BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội.
- Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.
- Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.

2. Năng lực

- *Điều chỉnh hành vi:* Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.
- *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu và lấy dẫn chứng minh họa sự cần thiết của an sinh xã hội; Tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên mọi người tham gia các chính sách an sinh theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

3. Phẩm chất

- *Nhân ái:* Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia vào các chính sách an sinh xã hội.
- *Trách nhiệm:* Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân về an sinh xã hội; hướng dẫn và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo hứng thú học tập cho HS; kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới của các em, giúp các em huy động những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của chính sách an sinh xã hội thường gặp.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh trên gợi cho em về chính sách an sinh xã hội nào của Nhà nước? Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về chính sách đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

- Hình ảnh 1 và 2 gợi cho em liên tưởng đến chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước Việt Nam.

- **Chia sẻ hiểu biết:** Chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo vệ phổ cập đối với mọi thành viên trong xã hội trên cơ sở sự tương trợ cộng đồng, chia sẻ rủi ro. Nó bao gồm: các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, người khuyết tật nặng, trẻ mồ côi...) và trợ cấp xã hội đột xuất cho người dân khi gặp phải những rủi ro, khó khăn bất ngờ như thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh,... giúp họ ổn định cuộc sống.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

An sinh xã hội luôn là một chính sách quan trọng và là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các chính sách an sinh xã hội góp phần đảm bảo những quyền lợi cơ bản nhất của con người, xoá dần sự bất bình đẳng, đảm bảo ổn định, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm an sinh xã hội, nêu được tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và ô Em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

1/ Khái niệm an sinh xã hội: là các chính sách, chương trình của Nhà nước hỗ trợ phúc lợi cho người dân thông qua các hình thức như: xây dựng nhà ở xã hội; hỗ trợ tiền cho các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật,...

2/ Tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản:

a. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo:

- Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm: Nhà nước thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác.

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn: căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn. Khi đó, người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây: Hỗ trợ học nghề; Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề; Giới thiệu việc làm miễn phí. (Điều 15 Luật Việc làm năm 2013).

Chính sách việc làm công: được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn cấp xã, bao gồm: Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp; Xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng; Bảo vệ môi trường Ứng phó với biến đổi khí hậu; Các dự án, hoạt động khác phục vụ cộng đồng tại địa phương. (Điều 18 Luật Việc làm năm 2013).

Các chính sách hỗ trợ khác:

+ **Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:** Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động có nhu cầu và khả năng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Một số đối tượng được Nhà nước hỗ trợ: Học nghề, ngoại ngữ; hiểu biết phong tục, tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động; Đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động; Vay vốn với lãi suất ưu đãi.

+ **Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên:** Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân giải quyết việc làm cho thanh niên; tạo điều kiện cho thanh niên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tạo việc làm. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí cho thanh niên; Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế – xã hội; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp.

+ **Hỗ trợ phát triển thị trường lao động:** Nhà nước hỗ trợ phát triển thị trường lao động thông qua các hoạt động sau đây: Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối cung cầu

lao động; Hiện đại hoá hoạt động dịch vụ việc làm và hệ thống thông tin thị trường lao động; Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm; Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động.

b. Chính sách về bảo hiểm:

- *Bảo hiểm xã hội*: Theo quy định tại Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, các chế độ bảo hiểm xã hội tại Việt Nam gồm 5 chế độ sau: Chế độ ốm đau; Chế độ thai sản; Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; Chế độ hưu trí; Chế độ tử tuất; và chia thành hai loại hình bảo hiểm (bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện). + *Bảo hiểm xã hội bắt buộc*: là một loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia (khoản 2 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014). Bảo hiểm xã hội bắt buộc giúp bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết. Đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội bao gồm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người sử dụng lao động và một số đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

- *Bảo hiểm xã hội tự nguyện*: là loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người tham gia bảo hiểm được quyền lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với tài chính của mình. Ngoài ra, Nhà nước cũng có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với một số đối tượng đặc biệt để họ có thể được hưởng các quyền lợi của bảo hiểm xã hội tự nguyện. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ được hưởng hai chế độ là hưu trí và tử tuất.

- *Bảo hiểm y tế*: là một loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Theo đó, người mua bảo hiểm y tế sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe,... nếu không may xảy ra tai nạn, ốm đau, bệnh tật. Bảo hiểm y tế là một hình thức bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người dân khi gặp phải các rủi ro về sức khỏe, bệnh tật, tai nạn. Người tham gia bảo hiểm y tế sẽ được hưởng nhiều quyền lợi khi đi khám chữa bệnh như sau: Được cấp thẻ bảo hiểm y tế; Được đóng bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; Được lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh ban đầu; Được khám chữa bệnh; Được thanh toán chi phí khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế.

- *Bảo hiểm thất nghiệp*: là chế độ bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (khoản 4 Điều 3 Luật Việc làm năm 2013). Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp được liệt kê tại Điều 43 Luật Việc làm bao gồm: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên, trừ người đang hưởng lương hưu, lao động giúp việc gia đình; Người sử dụng lao động (Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân; Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động).

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực, người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Theo Điều 42 Luật Việc làm năm 2013, chính sách bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Mỗi chế độ lại yêu cầu những điều kiện hưởng nhất định.

c. Chính sách trợ giúp xã hội:

Chính sách trợ giúp xã hội là sự đảm bảo của Nhà nước, sự hỗ trợ của cộng đồng về thu nhập và các điều kiện sống thiết yếu bằng các hình thức và biện pháp khác nhau đối với các thành viên trong xã hội khi họ rơi vào cảnh rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, yếu thế hoặc hẫng hụt trong cuộc sống mà bản thân họ không đủ khả năng tự lo được cuộc sống của bản thân và gia đình ở mức tối thiểu. Trợ giúp xã hội có những nội dung và hình thức ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào tính chất khó khăn nhiều hay ít, tạm thời hay lâu dài, hoàn cảnh bản thân và gia đình họ gia nhập quan hệ nào của trợ giúp xã hội. Thông qua sự trợ giúp của Nhà nước, nhân dân và cộng đồng, chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo đảm thu nhập và các điều kiện sinh sống ở mức tối thiểu (bằng các hình thức và biện pháp khác nhau) đối với các đối tượng gặp rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, thiệt thòi trong cuộc sống không đủ khả năng tự lo được cuộc sống của bản thân và gia đình.

Nội dung chính sách trợ giúp xã hội gồm:

- *Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng*, bao gồm: Trợ cấp xã hội hàng tháng; Cấp thẻ bảo hiểm y tế; Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- *Trợ giúp xã hội đột xuất*: Hỗ trợ lương thực; Hỗ trợ người bị thương nặng; Hỗ trợ chi phí mai táng; Hỗ trợ làm

nhà ở, sửa chữa nhà ở; Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hoả hoạn hoặc lí do bất khả kháng; Hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất.

d. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản:

Hệ thống an sinh xã hội được triển khai thông qua hệ thống các cơ chế, chính sách cung cấp các dịch vụ cho người dân với những cấp độ khác nhau. Tuỳ theo trình độ phát triển và điều kiện của mỗi nước, có những quy định về mức độ đảm bảo cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu cho người dân nói chung, hoặc theo các đối tượng, trong các lĩnh vực chủ yếu (như về giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, văn hoá – thông tin,...). Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định phải từng bước cung cấp cho nhân dân ngày càng tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu sau: *bảo đảm giáo dục tối thiểu; bảo đảm y tế tối thiểu; bảo đảm nhà ở tối thiểu; bảo đảm nước sạch; bảo đảm thông tin.*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và ô Em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ <i>Em hãy đọc các nội dung trên và cho biết an sinh xã hội là gì.</i> 2/ <i>Hãy nêu tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.</i> 3/ <i>Qua những thông tin trên, em hãy giải thích sự cần thiết của các chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. Kết luận, nhận định - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Khái niệm an sinh xã hội: là các chính sách, chương trình của Nhà nước hỗ trợ phúc lợi cho người dân thông qua các hình thức như: xây dựng nhà ở xã hội; hỗ trợ tiền cho các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật,... An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khoẻ, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của. *Tích hợp quyền con người: - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của	1. An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội. An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân về xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội. An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khoẻ, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

an sinh xã hội.

- Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của an sinh xã hội

a) Mục tiêu. HS nêu được vai trò của an sinh xã hội.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

1/ Nhận xét kết quả của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam:

- Trong suốt quá trình đổi mới phát triển và hội nhập, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật là thể chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, trở thành giải pháp cơ bản để giải quyết việc làm; các chương trình và giải pháp tạo việc làm đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, bình quân hằng năm, Việt Nam đã giải quyết việc làm cho khoảng từ 1,5 – 1,6 triệu người và đưa trên 100 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tỉ lệ thất nghiệp luôn duy trì ở mức thấp. Cùng với đó, giảm nghèo bền vững tiếp cận đa chiều được triển khai quyết liệt, đồng bộ với nhiều mô hình mới, cách làm hay, gắn kết giữa tạo sinh kế, việc làm, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động; nhiều địa phương đã ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân chủ động vươn lên thoát nghèo. Kết quả giảm nghèo cải thiện đáng kể ở tất cả các vùng, miền trên cả nước. Công tác giảm nghèo bền vững được nhân dân đồng tình ủng hộ và quốc tế đánh giá cao.

Bảo hiểm xã hội đã từng bước khẳng định và phát huy vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội hướng đến mục tiêu bao phủ bảo hiểm xã hội toàn dân. Bảo hiểm thất nghiệp đã trở thành “điểm tựa” quan trọng, hỗ trợ hiệu quả cả doanh nghiệp và người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, mất việc làm. Độ bao phủ của bảo hiểm thất nghiệp không ngừng được mở rộng.

- Chính sách trợ giúp xã hội bao gồm các chính sách về trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội đột xuất. Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tăng lên hằng năm. Chính sách trợ giúp xã hội đột xuất đã bao phủ các nhóm đối tượng cần hỗ trợ, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, đạt mục tiêu đề ra. Cơ chế, chính sách được đổi mới, tạo hành lang pháp lý cho khu vực ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ. Các mô hình chính hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng, các mô hình hỗ trợ các đối tượng đặc biệt (phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình, bị mua bán, xâm hại) được Nhà nước và xã hội quan tâm, phát triển.

- Hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện về số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao phúc lợi, đảm bảo cuộc sống an toàn và hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, các lĩnh vực: giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch, tiếp cận thông tin đã đạt kết quả tích cực.

2/ Vai trò của các chính sách an sinh xã hội đối với người thụ hưởng chính sách và sự phát triển kinh tế – xã hội:

- Đảm bảo thu nhập ở mức tối thiểu là một trong những chức năng cơ bản nhất của an sinh xã hội. An sinh xã hội có nhiệm vụ cung cấp (có điều kiện hoặc không có điều kiện) mức tối thiểu thu nhập. Điều này nhằm bảo đảm quyền sống tối thiểu của con người, bao gồm các quyền về ăn, sức khỏe, giáo dục, nơi ở cũng như một số dịch vụ xã hội cơ bản nhằm bảo vệ con người khỏi bị đói nghèo do không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn.

- Phân phối thu nhập là một trong những chức năng quan trọng của an sinh xã hội. Phân phối thu nhập nhằm bảo

đảm thu nhập cho những người không có khả năng tạo thu nhập. Các chính sách giảm nghèo, các hình thức hỗ trợ xã hội thường xuyên và đột xuất cho các nhóm đối tượng yếu thế trong bảo hiểm y tế thể hiện rõ chức năng chia sẻ rủi ro. Đồng thời, còn giúp phân phối lại thu nhập của an sinh xã hội, ngay cả khi phân phối không dựa trên sự đóng góp, mà dựa vào nhu cầu của cá nhân cũng như khả năng bảo đảm của ngân sách nhà nước.

- Phòng ngừa rủi ro giúp người dân chủ động ngăn ngừa rủi ro trong cuộc sống, sức khỏe, sản xuất kinh doanh và biến đổi môi trường. Khắc phục rủi ro là giúp người dân hạn chế tối đa các tác động bất ngờ do các biến cố trong đời sống, sức khỏe, sản xuất kinh doanh, và môi trường tự nhiên và bảo đảm điều kiện sống tối thiểu của người dân.

- Hệ thống an sinh xã hội thúc đẩy thị trường việc làm bền vững, tăng cường kỹ năng và các cơ hội tham gia thị trường lao động cho người lao động bằng cách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, phát triển thị trường lao động. Ngoài ra, còn hỗ trợ tạo việc làm trực tiếp cho một bộ phận người lao động thông qua các chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho lao động bị thu hồi đất, lao động di cư,....

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>1/ Qua các thông tin trên, em hãy nhận xét kết quả của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.</i> <i>2/ Theo em, các chính sách an sinh xã hội có vai trò như thế nào đối với người thụ hưởng chính sách và sự phát triển kinh tế – xã hội?</i> Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các loại hình bảo hiểm đã vẽ trong sơ đồ Kết luận, nhận định Đảm bảo thu nhập ở mức tối thiểu là một trong những chức năng cơ bản nhất của an sinh xã hội. An sinh xã hội có nhiệm vụ cung cấp (có điều kiện hoặc không có điều kiện) mức tối thiểu thu nhập. Điều này nhằm bảo đảm quyền sống tối thiểu của con người, bao gồm các quyền về ăn, sức khỏe, giáo dục, nơi ở cũng như một số dịch vụ xã hội cơ bản nhằm bảo vệ con người khỏi bị đói nghèo do không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn. Hệ thống an sinh xã hội thúc đẩy thị trường việc làm bền vững, tăng cường kỹ năng và các cơ hội tham gia thị trường lao động cho người lao động bằng cách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, phát triển thị trường lao động. Ngoài ra, còn hỗ trợ tạo việc làm trực tiếp cho một bộ phận người lao động thông qua các chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho lao động bị thu hồi đất, lao động di cư,....	2. Vai trò của an sinh xã hội. Vai trò của an sinh xã hội: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội: được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế, được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,... Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cần.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết ý kiến của mình về những nhận định.

a) Mục tiêu. HS củng cố và hoàn thiện kiến thức vừa học. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi bài tập

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

a. An sinh xã hội là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

An sinh xã hội nhằm góp phần giảm thiểu tối đa mức độ nghèo đói, những tổn thương, rủi ro xã hội mà người dân gặp phải. Việc này giúp cho họ vẫn giữ được những quyền lợi cơ bản nhất của con người, vẫn có được một mức thu nhập tối thiểu để duy trì cuộc sống, từ đó dần thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

b. Quyền được hưởng an sinh xã hội đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận với tư cách là một quyền cơ bản của công dân tại Điều 34: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”; đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền hưởng an sinh xã hội: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”. Quy định của Hiến pháp về quyền an sinh xã hội được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành như: Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Người cao tuổi, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn vệ sinh lao động,... Các luật trong lĩnh vực này bảo đảm tốt hơn các quyền của công dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội đối với các đối tượng chính sách, bảo vệ người tiêu dùng; giải quyết tốt hơn mối quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện chính sách xã hội nói chung, chính sách lao động và an sinh xã hội nói riêng theo nguyên tắc công bằng và tiến bộ xã hội.

c. Trong thời gian qua ở Việt Nam, hệ thống chính sách trợ giúp xã hội không ngừng được mở rộng, bao phủ các nhóm đối tượng từ trẻ sơ sinh đến người già; hỗ trợ không chỉ người nghèo, hộ nghèo mà còn là người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, những người bị ảnh hưởng bởi bão lũ, thiên tai,... Mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh tăng, điều kiện hưởng và hình thức hỗ trợ ngày càng đa dạng. Nguồn lực thực hiện chính sách trợ giúp xã hội được đa dạng, kết hợp ngân sách địa phương và của xã hội. Các hình thức trợ giúp ngày càng đa dạng, bao gồm tiền mặt hằng tháng, tiền nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội; hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch,...

d. An sinh xã hội luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển đất nước. Các chính sách không ngừng được cải cách, phù hợp với nhu cầu mong muốn thiết thực của người dân. Một số chính sách an sinh xã hội hiện nay được Nhà nước chú trọng và không ngừng cải thiện: Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp; Chính sách về xóa đói giảm nghèo; Chính sách trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Các chính sách về đảm bảo y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch,...

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Em hãy cho biết các thông tin dưới đây đề cập đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội nào. Điều này mang lại lợi ích gì cho những người thụ hưởng và xã hội?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình

đối với những nhận định đó.

c) Sản phẩm. HS đưa ra được câu trả lời cho các câu hỏi bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

a. Thông tin trên đề cập đến chính sách hỗ trợ việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo. Chính sách này đã hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn bằng nhiều mô hình hiệu quả như: hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; các vùng nuôi trồng thủy hải sản; mô hình kinh tế trang trại, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Chính sách này đã tập trung đầu tư triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch giảm nghèo; nhiều mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế có hiệu quả kinh tế cao được triển khai và nhân rộng; người nghèo được tiếp cận đầy đủ các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng để phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng, giúp người nghèo cải thiện điều kiện sống.

b. Thông tin trên đề cập đến chính sách về bảo hiểm y tế tự nguyện. Bảo hiểm y tế tự nguyện là một hình thức bảo hiểm do Nhà nước cung cấp để hỗ trợ người dân về chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau hoặc tai nạn. Ở trường hợp này, chị H đã được hưởng các chính sách về chăm sóc sức khỏe, được hỗ trợ thanh toán chi phí khám chữa bệnh. Dưới góc độ xã hội, bảo hiểm y tế là cách tốt nhất để mọi người giúp nhau chia sẻ rủi ro khi bị bệnh tật, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

c. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng luôn chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của nước ta. Đó là chính sách đặc biệt, thực hiện cho những đối tượng đặc biệt, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng, tiếp nối truyền thống tốt đẹp và đạo lý “Uống nước, nhớ nguồn” của dân tộc. Cùng với bảo đảm chế độ trợ cấp ưu đãi thường xuyên, nhiều chính sách hỗ trợ khác cũng được ban hành và thực hiện, như: chính sách ưu đãi về nhà ở; chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo đối với con của người có công; chăm sóc sức khỏe; ưu tiên vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm để phát triển sản xuất; hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh của thương, bệnh binh và người có công,... tạo điều kiện cho con em họ có việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

Câu 3. Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: *Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống.*

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: *Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

- Chính sách hỗ trợ việc làm => vai trò: đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người lao động và giảm nghèo bền vững, tăng cường cơ hội việc làm cho người lao động yếu thế.
- Chính sách bảo hiểm xã hội => vai trò: giúp người lao động và gia đình của họ phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, ổn định cuộc sống khi thu nhập bị giảm hoặc bị mất khi gặp phải rủi ro.
- Chính sách hỗ trợ người có công và thân nhân người có công với cách mạng => vai trò: tri ân những người có công với cách mạng; giúp những người có công với cách mạng và thân nhân của họ giảm thiểu khó khăn trong cuộc sống.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

Câu 4. Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK: *Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân mình trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương.*

c) Sản phẩm. HS trả lời được nội dung câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK: *Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân mình trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

- Để phát huy trách nhiệm công dân về an sinh xã hội, mỗi cá nhân, tổ chức cần:

+ Nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội;

+ Tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi đi ngược lại chủ trương, chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc tìm hiểu và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Tiết 18

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

a. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

b. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

c. Phẩm chất

- *Trung thực*: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao
- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
- *Chăm chỉ*: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo quy định của Bộ. Các câu hỏi dựa theo cấu trúc định dạng đề thi 2025 do Bộ Giáo dục công bố
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

IV. MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ và năng lực được đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % Điểm
			Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	C01 C02 C03 C13	C19 C20			1A 3A	1D 2C 3B				4	4	3	27,5

2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	C04 C05 C06 C14	C21			2A	2C				4	2	1	17,5
3	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	C07 C08 C09 C15	C22 C24				1C 4A 4B 4C				4	2	4	25
4		Bài 4: An sinh xã hội	C10 C11 C12 C16	C17 C18 C23			4D	2D 3C 3D 1B				4	4	4	30
Tổng số câu			16	8			4	12				16	12	12	100
Tổng số điểm			4	2			1	3				4,0	3,0	3,0	10
Tỷ lệ %			60			40						40	30	30	100

V. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Thứ tự câu	Mức độ và năng lực được đánh giá								
						Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận		
						Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Biết	Nêu được các tiêu chí cơ bản để đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế	C01	NL.1								
2		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Biết	Chỉ ra được mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển bền vững	C02	NL.1								
3		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Biết	Xác định được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế	C03	NL.1								
4		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Biết	Xác định được trách nhiệm của công dân trong tăng trưởng và phát triển kinh tế	C13	NL.1								
5		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Hiểu	Phân biệt được các chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế	C19		C19							
6		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Hiểu	Phân tích được mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển bền vững	C20		C20							
7		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Hiểu	Chỉ ra được các tiêu chí cơ bản để đánh giá sự phát triển kinh tế	1A					NL.1				

8		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Vận	Phân biệt được các chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế	1D						NL.3			
9		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Vận	Phân biệt được các chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế	2C						NL.3			
10		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Hiểu	Chỉ ra được các tiêu chí cơ bản để đánh giá sự phát triển kinh tế	3A					NL.1				
11		Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Vận	Phân biệt được các chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế	3B						NL.3			
12	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Biết	Nêu được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	C04	NL.1								
13		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Biết	Chỉ ra được sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế	C05	NL.1								
14		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Biết	Chỉ ra được sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế	C06	NL.1								
15		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Biết	Phân biệt được một số hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	C14	NL.1								
16		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Hiểu	Phân biệt được một số hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	C21		C21							
17		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Hiểu	Phân biệt được một số hình thức hội nhập kinh tế quốc tế	2A					NL.1				
18		Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Vận	Đánh giá được trách nhiệm của công dân trong hội nhập kinh tế quốc tế	2C						NL.3			
19	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	Biết	Nêu được khái niệm bảo hiểm	C07	NL.1								
20		Bài 3: Bảo hiểm	Biết	Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm	C08	NL.1								
21		Bài 3: Bảo hiểm	Biết	Thực hiện được trách nhiệm của công dân khi tham gia bảo hiểm	C09	NL.1								
22		Bài 3: Bảo hiểm	Biết	Phân biệt được các loại hình bảo hiểm cơ bản	C15	NL.1								

23	Bài 3: Bảo hiểm	Hiểu	Phân biệt được các loại hình bảo hiểm cơ bản	C22	NL.1								
24	Bài 3: Bảo hiểm	Hiểu	Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm	C24	NL.1								
25	Bài 3: Bảo hiểm	Vận	Đánh giá được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm	1C						NL.3			
26	Bài 3: Bảo hiểm	Vận	Đánh giá được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm	4A						NL.3			
27	Bài 3: Bảo hiểm	Vận	Đánh giá được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm	4B						NL.3			
28	Bài 3: Bảo hiểm	Vận	Chỉ ra được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định về bảo hiểm	4C						NL.3			
29	Bài 4: An sinh xã hội	Biết	Nêu được khái niệm an sinh xã hội	C10	NL.1								
30	Bài 4: An sinh xã hội	Biết	Chỉ ra được vai trò của an sinh xã hội	C11	NL.1								
31	Bài 4: An sinh xã hội	Biết	Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản	C12	NL.1								
32	Bài 4: An sinh xã hội	Biết	Phân biệt được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản	C16	NL.1								
33	Bài 4: An sinh xã hội	Hiểu	Phân biệt được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản	C17	NL.1								
34	Bài 4: An sinh xã hội	Hiểu	Chỉ ra được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội	C18									
35	Bài 4: An sinh xã hội	Hiểu	Phân biệt được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản	C23	NL.1								
36	Bài 4: An sinh xã hội	Vận	Đánh giá được việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của nhà nước	2D						NL.3			

37		Bài 4: An sinh xã hội	Vận	Đánh giá được ý nghĩa của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội	3C					NL.3			
38		Bài 4: An sinh xã hội	Vận	Xác định được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện an sinh xã hội	3D					NL.3			
39		Bài 4: An sinh xã hội	Hiểu	Phân biệt được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản	4D					NL.1			
40		Bài 4: An sinh xã hội	Vận	Vai trò của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội	1B					NL.3			
Tổng số câu						16	8			4	12		
Tổng số điểm						4	2			1	3		
Tỷ lệ %						60		40		0			

VI. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 01

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1: Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

- A. chỉ số giảm nghèo đa chiều. B. tổng hàng hóa xuất khẩu.
C. tổng thu nhập quốc dân. D. chỉ số phát triển bền vững.

Câu 2: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững được thể hiện ở nd nào dưới đây?

- A. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững không liên quan đến nhau.
B. Tăng trưởng kinh tế không gây ảnh hưởng đến phát triển bền vững.
C. Tăng trưởng kinh tế quan trọng nhưng không đảm bảo phát triển bền vững.
D. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được phát triển bền vững.

Câu 3: Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

- A. Thực hiện phân phối công bằng. B. Nâng cao mức sống người dân.
C. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo. D. Thu hẹp khoảng cách các vùng.

Câu 4: Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia vào các tổ chức kinh tế toàn cầu là một trong những hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ

- A. khu vực. B. song phương. C. toàn cầu. D. toàn diện.

Câu 5: Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia có cơ hội

- A. mở rộng lãnh thổ. B. mở rộng chủ quyền. C. mở rộng thị trường. D. mở mang biên giới.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.
B. Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.
C. Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về khái niệm bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm chia sẻ tổn thất cho những người tham gia, theo nguyên tắc “số đông bù số ít”.
B. Người tham gia bảo hiểm chuyển giao rủi ro cho tổ chức bảo hiểm trên cơ sở đóng phí.
C. Khi rủi ro xảy ra, người tham gia bảo hiểm sẽ được bồi thường ngay số tiền đã thiệt bị thiệt hại.
D. Tham gia bảo hiểm giúp các cá nhân, nhanh chóng ổn định đời sống vật chất, tinh thần.

Câu 8: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

- A. bảo hiểm thân thể. B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

D. bảo hiểm tài sản.

Câu 9: Khi tham gia bảo hiểm, công dân cần thực hiện trách nhiệm nào sau đây đối với nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm?

A. Chấp nhận mọi phát sinh.

B. Thực hiện hợp đồng đã ký kết

C. Che giấu tình trạng bệnh tật.

D. Chia sẻ mọi thông tin cá nhân.

Câu 10: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. An sinh xã hội.

B. Bảo hiểm xã hội.

C. Chất lượng cuộc sống.

D. Thượng tầng xã hội.

Câu 11: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

A. phạm tội.

B. rủi ro.

C. quyền lợi.

D. lợi nhuận.

Câu 12: Việc nhà nước đầu tư kinh phí để phát triển hệ thống nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

A. Chính sách giải quyết việc làm.

B. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

C. Chính sách trợ giúp xã hội.

D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 13: Việc làm nào dưới đây của mỗi công dân **không** góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước?

A. Chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ.

B. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ.

C. Làm việc theo nhu cầu sở thích cá nhân.

D. Tổ cáo hành vi phá hoại nền kinh tế.

Câu 14: Ngày 25/12/2008, Việt Nam và Nhật Bản đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

A. toàn cầu.

B. song phương.

C. khu vực.

D. châu lục.

Câu 15: Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm y tế.

B. Bảo hiểm thương mại.

C. Bảo hiểm xã hội.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 16: Theo số liệu của UBND tỉnh V, đến hết tháng 7.2023, đã có trên 218 nghìn người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 37,9% lực lượng lao động; đã có gần 8 nghìn lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp?

A. Chính sách phát triển kinh tế.

B. Chính sách giải quyết việc làm.

C. Chính sách an sinh xã hội.

D. Chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Trong năm 2024 toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đóng và cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho gần 631,4 nghìn đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi...; Giải quyết việc làm cho 20,6 nghìn lao động, trong đó xuất khẩu lao động trên 1,9 nghìn người; tổ chức đào tạo nghề cho 17,7 nghìn lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm cho gần 38,0 nghìn lao động; 7,5 nghìn lao động được vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm. Lao động được hỗ trợ đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được vay, chủ động vươn lên để từng bước ổn định cuộc sống.

Câu 17: Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 631,4 nghìn đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

A. Chính sách trợ giúp xã hội.

B. Chính sách đền ơn đáp nghĩa.

C. Chính sách bảo hiểm xã hội.

D. Chính sách bảo đảm các dịch vụ.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của cd trong thực hiện chính sách an sinh xã hội?

A. Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 631,4 nghìn đối tượng.

B. Tất cả trẻ em dưới 6 tuổi đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

C. Lao động được hỗ trợ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay.

D. Giải quyết cho 38,0 nghìn lao động, đào tạo nghề 17,7 nghìn người.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2024, tăng trưởng kinh tế ước đạt trên 7% GDP. Lạm phát được kiểm soát dưới 4%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,78. Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD - 4.730 USD. Đặc biệt, theo ước tính, chỉ tiêu tốc độ tăng năng suất lao động năm 2024 ước đạt 5,56%, vượt mục

tiêu 4,8%-5,3% do Quốc hội giao. Điều này giúp cho nền kinh tế ổn định, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chúng chỉ năm 2024 đạt 26,2%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2023, qua đó tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, thể thao.

Câu 19: Từ các thông tin trên, nhận định nào dưới đây **không** phải là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm 2024?

- A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 7%GDP.
- B. Chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 3,78%.
- C. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD-4.730 USD
- D. Giải quyết tốt vấn đề việc làm, thu nhập và phúc lợi.

Câu 20: Từ nội dung trong thông tin trên, nội dung nào dưới đây phù hợp với nhận định: phát triển kinh tế là tiền đề vật chất cho việc phát triển các lĩnh vực xã hội?

- A. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm chế.
- B. Đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế.
- C. Chỉ số giá tiêu dùng trong ngưỡng cho phép.
- D. Tạo điều kiện để nâng cao phúc lợi xã hội.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Hiệp định thương mại Việt Nam – EU bên cạnh cơ hội thì nhiều doanh nghiệp Việt Nam đối mặt với các thách thức khi các quy định của EU chính thức có hiệu lực. Công ty H, chuyên xuất khẩu thủy sản sang EU, sau khi EU áp dụng thẻ vàng khiến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp giảm mạnh. Để tồn tại, bên cạnh việc tìm kiếm thị trường từ các quốc gia khác, doanh nghiệp chủ động sa thải các công nhân có nhiều năm làm việc tại công ty và tiến hành ký kết hợp đồng lao động thời vụ với lao động mới để không phải thực hiện các chế độ bảo hiểm theo quy định. Chị D đã làm việc tại công ty được 15 năm, sau khi bị sa thải với số tiền trợ cấp từ công ty và trợ cấp thất nghiệp chị đã chủ động đi tìm việc làm mới. Với sự tư vấn của trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, chị được hỗ trợ tham gia học nghề để có cơ hội chuyển đổi việc làm mới.

Câu 21: Từ nội dung trong thông tin trên, nhận định nào dưới đây **không** phải là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Ký hiệp định thương mại Việt Nam – EU.
- B. Xuất khẩu thủy sản sang khu vực EU.
- C. Ban hành quy định về thẻ vàng xuất khẩu thủy sản.
- D. Xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia ngoài EU.

Câu 22: Doanh nghiệp H phải đóng các loại bảo hiểm nào cho người lao động làm việc tại công ty?

- A. Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế.
- B. Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và thương mại.
- C. Bảo hiểm thương mại và thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm y tế và thương mại

Câu 23: Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh đã hỗ trợ chị D tham gia học nghề để chuyển đổi việc làm là phù hợp với chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách trợ giúp xã hội.
- B. Chính sách thu nhập và việc làm.
- C. Chính sách bảo hiểm.
- D. Chính sách về các dịch vụ xã hội.

Câu 24: Hợp đồng thời vụ mà công ty H ký kết với các lao động mới là loại hợp đồng có thời hạn

- A. dưới 1 tháng.
- B. trên 1 tháng.
- C. dưới 2 tháng.
- D. trên 3 tháng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

- a) Mức tăng trưởng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 là mức tăng GDP. *Đúng, đây là mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước.*
- b) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ nghịch với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Sai, tăng trưởng kinh tế sẽ là tiền đề vật chất để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.*
- c) Tỷ lệ 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm. *Đúng, số lượng người tham gia đóng thể hiện trách nhiệm, ý thức của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm.*

d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 2.052 USD/người là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế của nước ta trong năm 2024. *Đúng, đây là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các ngư dân vùng biển đã thay đổi để phù hợp với quy định của các nước. Thủy sản sau khi được khai thác đều đã có ghi chép cụ thể về ngư trường và thời gian đánh bắt để phục vụ cho việc kiểm tra sau này nhờ đó hàng thủy sản Việt Nam ngày càng được nhiều đối tác nước ngoài sử dụng. Bên cạnh đó nhà nước có chính sách hỗ trợ các ngư dân vay vốn đóng tàu vỏ sắt để vươn khơi bám biển và chính sách hỗ trợ lãi xuất giúp các ngư dân yên tâm sản xuất đồng thời góp phần bảo vệ biên giới quốc gia.

a) Gia nhập WTO là biểu hiện của hội nhập toàn cầu. *Đúng, đây là hình thức hội nhập toàn cầu*

b) Nhập siêu là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, đây chỉ là yếu tố thể hiện cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa*

c) Việc ghi chép cụ thể về ngư trường đánh cá phục vụ hoạt động xuất khẩu là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc hội nhập kinh tế quốc tế. *Đúng, điều này thể hiện công dân đã có ý thức tuân thủ các quy định về xuất khẩu hàng hóa.*

d) Hỗ trợ các ngư dân về lãi xuất để yên tâm vươn khơi bám biển là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta. *Đúng, chính sách này không chỉ giúp ngư dân cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực. Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7%. Đời sống người dân được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng cao. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

a) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. *Sai, đây là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế*

b) Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3% là đi ngược lại với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi gia. *Sai, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tăng là phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.*

c) Mạng lưới y tế được phát triển rộng khắp là kết quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Đúng, phát triển dịch vụ y tế là một trong những nội dung trong chính sách an sinh xã hội.*

d) Để chính sách an sinh xã hội thực sự mang lại hiệu quả các quốc gia cần thực hiện tốt quy trình: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đó dành nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội. *Sai. Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cần thực hiện đồng thời với quá trình phát triển kinh tế.*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Ông T chủ doanh nghiệp tư nhân chuyên về xây dựng. Với tính chất đặc thù là xây dựng theo công trình, vì vậy ông T đã thỏa thuận và được các công nhân đồng ý ký hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 - 4 tháng, các chế độ bảo hiểm do công nhân tự đóng. Anh M làm việc cho ông T đã nhiều năm nay, trong một lần tham gia xây dựng công trình, vì không được trang bị bảo hộ lao động, anh bị tai nạn nghiêm trọng phải nhập viện điều trị. Do không có bảo hiểm y tế, gia đình lại gặp nhiều khó khăn vì vậy anh M không thể lo đủ số tiền lớn để làm phẫu thuật. Năm bắt được thông tin này, phòng công tác xã hội bệnh viện P đã kêu gọi các nhà hảo tâm hỗ trợ giúp anh M có đủ số tiền để được chữa trị kịp thời.

a) Các công nhân làm việc cho ông T tự đóng các loại bảo hiểm cho mình là phù hợp vì họ ký với ông T hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 – 4 tháng. *Sai, chỉ những lao động có thời vụ dưới 1 tháng mới không phải bảo hiểm theo quy định.*

b) Theo quy định của Luật lao động, ông T chỉ phải đóng bảo hiểm y tế còn bảo hiểm xã hội và thất nghiệp do các công nhân tự đóng. *Sai, ông T phải đóng cho công nhân cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.*

c) Việc làm của ông T là hành vi vi phạm pháp luật vì đã trốn đóng bảo hiểm cho người lao động. *Đúng, việc ký hợp lao động từ 1 tháng trở lên chủ sử dụng lao động đã phải đóng bảo hiểm cho người lao động.*

d) Việc các nhà hảo tâm chung tay quyên góp hỗ trợ viện phí giúp anh M là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội. *Đúng, đây là hoạt động trợ giúp xã hội từ các lực lượng xã hội cho người yếu thế trong xã hội.*

ĐỀ SỐ 02

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

- A. chỉ tiêu về tiến bộ xã hội. B. mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.
C. mức tăng chỉ số phát triển con người. D. chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế.

Câu 2: Phát biểu nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của phát triển kinh tế bền vững?

- A. Phát triển kinh tế góp phần giảm bớt chênh lệch trình độ phát triển.
B. Phát triển kinh tế góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.
C. Phát triển kinh tế nhanh sẽ kéo theo việc tàn phá tài nguyên gia tăng.
D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện để phát triển văn hóa, giáo dục.

Câu 3: Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

- A. tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều. B. gia tăng phân hóa giàu nghèo.
C. giải quyết tốt vấn đề việc làm. D. gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

Câu 4: Đối với mỗi quốc gia, hình thức hội nhập sâu rộng nhất, gắn kết với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên thế giới là hình thức nào dưới đây?

- A. Hội nhập liên minh. B. Hội nhập song phương.
C. Hội nhập khu vực. D. Hội nhập toàn cầu.

Câu 5: Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, thông qua quá trình hội nhập ktế quốc tế sẽ góp phần tạo ra

- A. nhiều cơ hội việc làm. B. nhiều lãnh thổ mới.
C. những đảng phái mới. D. những chủng tộc mới.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển
B. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.
C. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.
D. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về khái niệm bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm thương mại là loại hình bảo hiểm mang tính kinh doanh.
B. Bảo hiểm hoạt động theo nguyên tắc “số đông bù số ít”.
C. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế không mang tính kinh doanh.
D. Bảo hiểm được thành lập dựa trên đóng góp tự nguyện của xã hội.

Câu 8: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm dân sự. C. Bảo hiểm con người.

Câu 9: Khi tham gia bảo hiểm, công dân cần thực hiện trách nhiệm nào sau đây đối với nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm?

- A. Chấp nhận mọi phát sinh. B. Đóng phí bảo hiểm.
C. Che giấu tình trạng bệnh tật. D. Chia sẻ mọi thông tin cá nhân.

Câu 10: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Chất lượng cuộc sống. D. Thượng tầng xã hội.

Câu 11: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo. B. xóa bỏ nhà tạm.
C. phòng ngừa rủi ro. D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 12: Việc hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách giảm nghèo. B. Chính sách hỗ trợ giáo dục.
C. Chính sách bảo hiểm xã hội. D. Chính sách việc làm, thu nhập.

Câu 13: Để góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, hành động nào dưới đây của mỗi công dân là phù hợp?

- A. Xuyên tạc đường lối phát triển kinh tế. B. Sử dụng sai nguồn vốn nhà nước hỗ trợ.
C. Làm việc theo nhu cầu sở thích cá nhân. D. Tổ cáo hành vi phá hoại nền kinh tế.

Câu 14: Ngày 14/1/1998, tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Việc gia nhập ASEAN là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

- A. Toàn quốc. B. Toàn cầu. C. Song phương. D. Khu vực.

Câu 15: Bạn A học sinh lớp 10 trường THPT X không may bị tai nạn giao thông phải nhập viện điều trị một tháng. Sau khi ra viện, bạn A được cơ quan bảo hiểm thanh toán toàn bộ chi phí điều trị và phẫu thuật theo quy định. Bạn A đã tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm thất nghiệp. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 16: Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ y tế. B. Chính sách trợ giúp việc làm.
C. Chính sách hỗ trợ nhà ở. D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17, 18

Trong năm 2024 toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đóng và cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho gần 631,4 nghìn đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi...; Giải quyết việc làm cho 20,6 nghìn lao động, trong đó xuất khẩu lao động trên 1,9 nghìn người; tổ chức đào tạo nghề cho 17,7 nghìn lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm cho gần 38,0 nghìn lao động; 7,5 nghìn lao động được vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm. Lao động được hỗ trợ đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được vay, chủ động vươn lên để từng bước ổn định cuộc sống.

Câu 17: Giải quyết việc làm cho 20,6 nghìn lao động là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách việc làm và thu nhập. B. Chính sách trợ giúp xã hội.
C. Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội. D. Chính sách bảo hiểm và dịch vụ y tế.

Câu 18: Từ nội dung trong thông tin trên, nhận định nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội?

- A. Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 631,4 nghìn đối tượng.
B. Tất cả trẻ em dưới 6 tuổi đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế.
C. Lao động được hỗ trợ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay.
D. Giải quyết cho 38,0 nghìn lao động, đào tạo nghề 17,7 nghìn người.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2024, tăng trưởng kinh tế ước đạt trên 7% GDP. Lạm phát được kiểm soát dưới 4%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,78. Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD - 4.730 USD. Đặc biệt, theo ước tính, chỉ tiêu tốc độ tăng năng suất lao động năm 2024 ước đạt 5,56%, vượt mục tiêu 4,8%-5,3% do Quốc hội giao. Điều này giúp cho nền kinh tế ổn định, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 đạt 26,2%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2023, qua đó tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, thể thao.

Câu 19: Từ các thông tin trên, nhận định nào dưới đây là chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm 2024?

- A. Chỉ số lạm phát kiểm soát dưới 4%.
B. Chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 3,78%.
C. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD-4.730 USD
D. Lao động được cấp chứng chỉ đạt 26,2% năm 2024.

Câu 20: Từ các thông tin trên, nội dung nào dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở nước ta?

- A. Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy GDP/ người ngày càng tăng.
B. Lạm phát tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

C. Tăng trưởng kinh tế góp phần giải quyết việc làm.

D. Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy các tệ nạn xã hội.

Độc thông tin và trả lời các câu hỏi 21, 22, 23, 24

Hiệp định thương mại Việt Nam – EU bên cạnh cơ hội thì nhiều doanh nghiệp Việt Nam đối mặt với các thách thức khi các quy định của EU chính thức có hiệu lực. Công ty H, chuyên xuất khẩu thủy sản sang EU, sau khi EU áp dụng thẻ vàng khiến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp giảm mạnh. Để tồn tại, bên cạnh việc tìm kiếm thị trường từ các quốc gia khác, doanh nghiệp chủ động sa thải các công nhân có nhiều năm làm việc tại công ty và tiến hành ký kết hợp đồng lao động thời vụ với lao động mới để không phải thực hiện các chế độ bảo hiểm theo quy định. Chị D đã làm việc tại công ty được 15 năm, sau khi bị sa thải với số tiền trợ cấp từ công ty và trợ cấp thất nghiệp chị đã chủ động đi tìm việc làm mới. Với sự tư vấn của trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, chị được hỗ trợ tham gia học nghề để có cơ hội chuyển đổi việc làm mới.

Câu 21: Hiệp định Thương mại Việt Nam – EU là biểu hiện của hình thức hội nhập

A. song phương. B. khu vực. C. toàn cầu. D. đa phương.

Câu 22: Doanh nghiệp H **không** có trách nhiệm phải đóng loại hình bảo hiểm nào dưới đây cho người lao động làm việc tại công ty?

A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm thất nghiệp.

C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

Câu 23: Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh đã hỗ trợ chị D tham gia học nghề để chuyển đổi việc làm là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

A. Chính sách trợ giúp xã hội.

B. Chính sách thu nhập và việc làm.

C. Chính sách bảo hiểm.

D. Chính sách về các dịch vụ xã hội.

Câu 24: Hợp đồng thời vụ mà công ty H ký kết với các lao động mới là loại hợp đồng có thời hạn

A. dưới 1 tháng. B. trên 1 tháng. C. dưới 2 tháng. D. trên 3 tháng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

a) Mức tăng trưởng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 là mức tăng GNI. *Sai, đây là mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước.*

b) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Đúng, tăng trưởng kinh tế sẽ là tiền đề vật chất để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.*

c) Với 1.4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số của Việt Nam (năm 2020 gần 100 triệu người) thể hiện người dân chưa thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với chính sách bảo hiểm xã hội. *Đúng, nhìn chung người dân chưa nhận thức được đầy đủ vai trò và ý nghĩa của bảo hiểm xã hội.*

d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 2.052 USD/người là chỉ tiêu phản ánh sự phát triển kinh tế của nước ta trong năm 2024. *Sai, đây là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các ngư dân vùng biển đã thay đổi để phù hợp với quy định của các nước. Thủy sản sau khi được khai thác đều đã có ghi chép cụ thể về ngư trường và thời gian đánh bắt để phục vụ cho việc kiểm tra sau này nhờ đó hàng thủy sản Việt Nam ngày càng được nhiều đối tác nước ngoài sử dụng. Bên cạnh đó nhà nước có chính sách hỗ trợ các ngư dân vay vốn đóng tàu vỏ sắt để vươn khơi bám biển và chính sách hỗ trợ lãi xuất giúp các ngư dân yên tâm sản xuất đồng thời góp phần bảo vệ biên giới quốc gia.

a) Gia nhập WTO là biểu hiện của hội nhập khu vực. *Sai, đây là hình thức hội nhập toàn cầu*

- b) Xuất siêu là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. *Sai, đây chỉ là yếu tố thể hiện cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa*
- c) Việc ghi chép cụ thể về ngư trường đánh cá phục vụ hoạt động xuất khẩu là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc hội nhập kinh tế quốc tế. *Đúng, điều này thể hiện công dân đã có ý thức tuân thủ các quy định về xuất khẩu hàng hóa.*
- d) Hỗ trợ các ngư dân vay vốn để đóng tàu vỏ sắt vươn khơi bám biển là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta. *Đúng, chính sách này không chỉ giúp ngư dân cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực. Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7%. Đời sống người dân được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng cao. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

- a) Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành kinh tế là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. *Sai, chỉ có chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế mới là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.*
- b) Tỷ trọng ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7% là phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi gia. *Đúng, đây là xu hướng chung của mọi quốc gia phát triển*
- c) Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020 là kết quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. *Đúng, nhờ thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao tuổi thọ người dân.*
- d) Để chính sách an sinh xã hội thực sự mang lại hiệu quả các quốc gia cần thực hiện tốt quy trình: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đó dành nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội. *Sai. Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cần thực hiện đồng thời với quá trình phát triển kinh tế.*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Ông T chủ doanh nghiệp tư nhân chuyên về xây dựng. Với tính chất đặc thù là xây dựng theo công trình, vì vậy ông T đã thỏa thuận và được các công nhân đồng ý ký hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 - 4 tháng, các chế độ bảo hiểm do công nhân tự đóng. Anh M làm việc cho ông T đã nhiều năm nay, trong một lần tham gia xây dựng công trình, vì không được trang bị bảo hộ lao động, anh bị tai nạn nghiêm trọng phải nhập viện điều trị. Do không có bảo hiểm y tế, gia đình lại gặp nhiều khó khăn vì vậy anh M không thể lo đủ số tiền lớn để làm phẫu thuật. Nắm bắt được thông tin này, phòng công tác xã hội bệnh viện P đã kêu gọi các nhà hảo tâm hỗ trợ giúp anh M có đủ số tiền để được chữa trị kịp thời.

- a) Ông T không có trách nhiệm phải đóng các loại bảo hiểm cho công nhân vì ông ký hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 – 4 tháng. *Sai, chỉ những lao động có thời vụ dưới 1 tháng mới không phải bảo hiểm theo quy định.*
- b) Theo quy định của Luật lao động, ông T chỉ đóng bảo hiểm xã hội còn bảo hiểm y tế và thất nghiệp do các công nhân tự đóng. *Sai, ông T phải đóng cho công nhân cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp*
- c) Các công nhân làm việc cho ông T cũng vi phạm pháp luật vì có hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội. *Đúng, việc thỏa thuận với chủ sử dụng lao động để không đóng bảo hiểm là hành vi vi phạm pháp luật của cả chủ sử dụng và người lao động.*
- d) Anh M được phòng công tác xã hội bệnh viện P kêu gọi nhà hảo tâm hỗ trợ tiền viện phí là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội. *Đúng, đây là hoạt động trợ giúp xã hội từ các lực lượng xã hội cho người yếu thế trong xã hội.*

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 ĐỀ SỐ 01

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	13	C
2	D	14	B

3	C	15	B
4	C	16	C
5	C	17	A
6	A	18	C
7	C	19	B
8	C	20	D
9	B	21	C
10	A	22	A
11	B	23	B
12	B	24	A

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	Đ	a) Mức tăng trưởng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 là mức tăng GDP. <i>Đúng, đây là mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước.</i>
	b	S	b) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ nghịch với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. <i>Sai, tăng trưởng kinh tế sẽ là tiền đề vật chất để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.</i>
	c	Đ	c) Tỷ lệ 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm. <i>Đúng, số lượng người tham gia đông thể hiện trách nhiệm, ý thức của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm.</i>
	d	Đ	d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 2.052 USD/người là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế của nước ta trong năm 2024. <i>Đúng, đây là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế.</i>
2	a	Đ	a) Gia nhập WTO là biểu hiện của hội nhập toàn cầu. <i>Đúng, đây là hình thức hội nhập toàn cầu</i>
	b	S	b) Nhập siêu là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. <i>Sai, đây chỉ là yếu tố thể hiện cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa</i>
	c	Đ	c) Việc ghi chép cụ thể về ngư trường đánh cá phục vụ hoạt động xuất khẩu là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc hội nhập kinh tế quốc tế. <i>Đúng, điều này thể hiện công dân đã có ý thức tuân thủ các quy định về xuất khẩu hàng hóa.</i>
	d	Đ	d) Hỗ trợ các ngư dân về lãi xuất để yên tâm vươn khơi bám biển là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta. <i>Đúng, chính sách này không chỉ giúp ngư dân cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.</i>
3	a	S	a) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. <i>Sai, đây là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế</i>
	b	S	b) Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3% là đi ngược lại với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi gia. <i>Sai, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tăng là phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.</i>
	c	Đ	c) Mạng lưới y tế được phát triển rộng khắp là kết quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. <i>Đúng, phát triển dịch vụ y tế là một trong những nội dung trong chính sách an sinh xã hội.</i>
	d	S	d) Để chính sách an sinh xã hội thực sự mang lại hiệu quả các quốc gia cần thực hiện tốt quy trình: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đó dành nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội. <i>Sai. Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cần thực hiện đồng thời với quá trình phát triển kinh tế.</i>

4	a	S	a) Các công nhân làm việc cho ông T tự đóng các loại bảo hiểm cho mình là phù hợp vì họ ký với ông T hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 – 4 tháng. <i>Sai, chỉ những lao động có thời vụ dưới 1 tháng mới không phải bảo hiểm theo quy định.</i>
	b	S	b) Theo quy định của Luật lao động, ông T chỉ phải đóng bảo hiểm y tế còn bảo hiểm xã hội và thất nghiệp do các công nhân tự đóng. <i>Sai, ông T phải đóng cho công nhân cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.</i>
	c	Đ	c) Việc làm của ông T là hành vi vi phạm pháp luật vì đã trốn đóng bảo hiểm cho người lao động. <i>Đúng, việc ký hợp lao động từ 1 tháng trở lên chủ sử dụng lao động đã phải đóng bảo hiểm cho người lao động.</i>
	d	Đ	d) Việc các nhà hảo tâm chung tay quyên góp hỗ trợ viện phí giúp anh M là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội. <i>Đúng, đây là hoạt động trợ giúp xã hội từ các lực lượng xã hội cho người yếu thế trong xã hội.</i>

ĐỀ SỐ 02

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	D
2	C	14	D
3	C	15	D
4	D	16	D
5	A	17	A
6	D	18	C
7	D	19	C
8	A	20	C
9	B	21	B
10	A	22	C
11	C	23	B
12	C	24	A

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Mức tăng trưởng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 là mức tăng GNI. <i>Sai, đây là mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước.</i>
	b	Đ	b) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. <i>Đúng, tăng trưởng kinh tế sẽ là tiền đề vật chất để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.</i>
	c	Đ	c) Với 1.4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số của Việt Nam (năm 2020 gần 100 triệu người) thể hiện người dân chưa thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với chính sách bảo hiểm xã hội. <i>Đúng, nhìn chung người dân chưa nhận thức được đầy đủ vai trò và ý nghĩa của bảo hiểm xã hội.</i>
	d	S	d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 2.052 USD/người là chỉ tiêu phản ánh sự phát triển kinh tế của nước ta trong năm 2024. <i>Sai, đây là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế.</i>
2	a	S	a) Gia nhập WTO là biểu hiện của hội nhập khu vực. <i>Sai, đây là hình thức hội nhập toàn cầu</i>
	b	S	b) Xuất siêu là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. <i>Sai, đây chỉ là yếu tố thể hiện cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa</i>

	c	Đ	c) Việc ghi chép cụ thể về ngư trường đánh cá phục vụ hoạt động xuất khẩu là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc hội nhập kinh tế quốc tế. <i>Đúng, điều này thể hiện công dân đã có ý thức tuân thủ các quy định về xuất khẩu hàng hóa.</i>
	d	Đ	d) Hỗ trợ các ngư dân vay vốn để đóng tàu vỏ sắt vươn khơi bám biển là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta. <i>Đúng, chính sách này không chỉ giúp ngư dân cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.</i>
3	a	S	a) Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành kinh tế là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. <i>Sai, chỉ có chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế mới là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.</i>
	b	Đ	b) Tỷ trọng ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7% là phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi gia. <i>Đúng, đây là xu hướng chung của mọi quốc gia phát triển</i>
	c	Đ	c) Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020 là kết quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. <i>Đúng, nhờ thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao tuổi thọ người dân.</i>
	d	S	d) Để chính sách an sinh xã hội thực sự mang lại hiệu quả các quốc gia cần thực hiện tốt quy trình: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đó dành nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội. <i>Sai. Việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cần thực hiện đồng thời với quá trình phát triển kinh tế.</i>
4	a	S	a) Ông T không có trách nhiệm phải đóng các loại bảo hiểm cho công nhân vì ông ký hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 – 4 tháng. <i>Sai, chỉ những lao động có thời vụ dưới 1 tháng mới không phải bảo hiểm theo quy định.</i>
	b	S	b) Theo quy định của Luật lao động, ông T chỉ đóng bảo hiểm xã hội còn bảo hiểm y tế và thất nghiệp do các công nhân tự đóng. <i>Sai, ông T phải đóng cho công nhân cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp</i>
	c	Đ	c) Các công nhân làm việc cho ông T cũng vi phạm pháp luật vì có hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội. <i>Đúng, việc thỏa thuận với chủ sử dụng lao động để không đóng bảo hiểm là hành vi vi phạm pháp luật của cả chủ sử dụng và người lao động.</i>
	d	Đ	d) Anh M được phòng công tác xã hội bệnh viện P kêu gọi nhà hảo tâm hỗ trợ tiền viện phí là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội. <i>Đúng, đây là hoạt động trợ giúp xã hội từ các lực lượng xã hội cho người yếu thế trong xã hội.</i>

Tiết 19 – 20 – 21 – 22 – 23

BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.
- Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.
- Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.

2. Năng lực

- Phát triển bản thân: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về sự cần thiết của việc lập kế hoạch kinh doanh.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động kinh tế làm giàu hợp pháp cho bản thân và gia đình, đồng thời góp phần làm giàu cho đất nước.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh. Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức cần, kiệm, liêm chính.

- **Cách thức thực hiện:**

- + Dự án: HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng.
- + Tình huống: “Nếu sản phẩm có lợi nhuận nhưng gây hại cho môi trường, em có làm không? Vì sao?”
- + Tự học: HS viết nhật ký “Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?”

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng, xử lý tình huống: “Nếu sản phẩm có lợi nhuận nhưng gây hại môi trường, em có làm không? Vì sao?”; hoạt động mô phỏng: Thiết kế một sản phẩm hoặc mô hình dịch vụ có ý nghĩa vì cộng đồng, thể hiện lý tưởng sống đẹp; viết nhật ký “Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?”.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

- Mục tiêu.** Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS trong việc tìm hiểu về cách thức lập kế hoạch kinh doanh
- Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vì sao mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi
- Sản phẩm.** Học sinh bước đầu nhận biết được tầm quan trọng cũng như các bước để lập kế hoạch kinh doanh.
- Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vì sao mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi
Hãy nêu hiểu biết của em về việc lập kế hoạch kinh doanh.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

- *Lập kế hoạch kinh doanh là việc khởi đầu quan trọng cho hoạt động kinh doanh, giúp chủ thể xác định rõ được mục tiêu, đường lối, chiến lược và lộ trình thực hiện nhiệm vụ để kinh doanh hiệu quả và thành công.*

- *Về cơ bản, một bản kế hoạch kinh doanh được lập sẽ bao gồm các bước:*

- + *Bước 1. Xác định ý tưởng kinh doanh.*
- + *Bước 2. Xác định mục tiêu kinh doanh (mục tiêu cần cụ thể, rõ ràng, thực tế, phù hợp khả năng).*
- + *Bước 3. Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh, bao gồm sản phẩm, dịch vụ kinh doanh; khách hàng; thị trường; tài chính, nhân sự,...*
- + *Bước 4. Xác định chiến lược kinh doanh với chi tiết hoạt động và kế hoạch thực hiện hoạt động.*
- + *Bước 5. Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lý.*

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh

Lập kế hoạch kinh doanh là việc khởi đầu quan trọng cho hoạt động kinh doanh, giúp chủ thể xác định rõ được mục tiêu, đường lối, chiến lược và lộ trình thực hiện nhiệm vụ để kinh doanh hiệu quả và thành công.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

- Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.
- Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm.** HS trả lời được các câu hỏi theo các nội dung đã đưa ra
- Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Em hiểu thế nào là kế hoạch kinh doanh, tại sao phải lập kế hoạch kinh doanh

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra

Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra

Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nội dung của kế hoạch kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nêu được các nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời được các câu hỏi đã đưa ra.

1/ Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh gồm hai phần:

- + Phần tóm tắt trình bày một cách ngắn gọn, khái quát những thông tin: Tên kế hoạch kinh doanh; Ý tưởng kinh doanh; Mục tiêu kinh doanh; Chiến lược kinh doanh; Các điều kiện thực hiện kế hoạch kinh doanh; Cơ hội, rủi ro.
- + Tên kế hoạch kinh doanh: Cần phải thể hiện sơ lược sản phẩm kinh doanh.

Ý tưởng kinh doanh: Giới thiệu nét nổi bật của ý tưởng kinh doanh như có tính mới, tính sáng tạo, nổi trội,... đảm bảo đem lại kết quả khả quan cho hoạt động kinh doanh. Ví dụ: Anh Q có ý định mở một quán cà phê,

để bắt đầu xây dựng kế hoạch kinh doanh, anh Q xây dựng một số ý tưởng khác nhau: kinh doanh cà phê Vườn, cà phê Sách, cà phê kết hợp với đồ ăn nhanh,... và quyết định chọn ý tưởng cà phê kết hợp với đồ ăn nhanh vì qua nghiên cứu thị trường anh thấy nhiều khách hàng có nhu cầu kết hợp ăn nhanh với uống cà phê nhưng loại hình dịch vụ này hiện đang thiếu vắng trên thị trường.

Mục tiêu kinh doanh: Khái quát mong muốn của chủ thể kinh doanh trong hoạt động kinh doanh. Chủ thể kinh doanh cần xác định các mục tiêu cụ thể như: thời điểm hoà vốn, thời điểm thu lợi nhuận, mức lợi nhuận tại các mốc thời gian cụ thể. Đây chính là động lực để tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh. Đó có thể là mục tiêu vì lợi nhuận, mục tiêu đứng vững, thâm nhập vào một thị trường cụ thể, tham gia vào chuỗi giá trị hay những mục tiêu vì bảo vệ môi trường, vì lợi ích cộng đồng,...

Ví dụ: Mục tiêu kinh doanh quán cà phê của anh Q là phục vụ ít nhất 100 người/ngày; doanh thu đạt khoảng 180 triệu đồng/tháng, sau 3 tháng hoạt động quán thu hồi đủ vốn và bắt đầu có lợi nhuận. Hoặc mục tiêu xã hội của một xưởng sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ: Mục tiêu này bao gồm việc định hướng phát triển doanh nghiệp sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, quảng bá sản phẩm/dịch vụ đến với người tiêu dùng. Mục tiêu này giúp tạo ra việc làm cho người lao động, phục vụ các lợi ích cho xã hội như các hoạt động từ thiện, hoạt động cộng đồng,...

Các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: Nhận diện rõ được đối thủ cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân, tổ chức kinh doanh so với đối thủ cạnh tranh, từ đó đánh giá khái quát những thuận lợi, khó khăn khi triển khai hoạt động kinh doanh này.

Ví dụ: So với đối thủ cạnh tranh, chủ thể kinh doanh có thể mạnh vì có nguồn cung ứng nguyên liệu chất lượng cao với giá ưu đãi hay có một cải tiến mới về công nghệ giúp tạo ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ có khả năng cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường,... nhưng cũng có điểm yếu là hạn chế về vốn, khó tìm được địa điểm kinh doanh thuận lợi,...

• **Chiến lược kinh doanh:** Giới thiệu rõ hoạt động kinh doanh này hướng đến phục vụ thị trường nào, cùng với những kế hoạch cho những hoạt động bên trong doanh nghiệp như kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiếp thị, bán hàng, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính,... để thực hiện mục tiêu kinh doanh.

Ví dụ: Công ty A đang kinh doanh ở tỉnh B. Công ty dự định mở rộng thị trường sang tỉnh C. Do đó, Công ty A đã xây dựng kế hoạch kinh doanh, trong đó có chiến lược kinh doanh cụ thể phân tích đặc điểm thị trường tỉnh C.

• **Cơ hội, rủi ro:** Chỉ ra hoạt động kinh doanh này đang tận dụng được cơ hội nào (như một chính sách ưu đãi về thuế đối với mặt hàng kinh doanh, chính sách hỗ trợ về vốn và đào tạo lao động cho lĩnh vực kinh doanh,...).

Ý tưởng kinh doanh chỉ trở thành cơ hội kinh doanh khi có tính bền vững, đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể duy trì được lâu dài, có tính hấp dẫn bảo đảm mang lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

+ **Kế hoạch hoạt động kinh doanh** mô tả chi tiết về các hoạt động của doanh nghiệp để triển khai thực hiện ý tưởng kinh doanh, bao gồm: Kế hoạch tổ chức sản xuất; kế hoạch tiếp thị bán hàng; kế hoạch phát triển doanh nghiệp; kế hoạch nhân sự; kế hoạch tài chính; phân tích rủi ro và các biện pháp xử lý. Cụ thể:

• **Kế hoạch tổ chức sản xuất:** Giới thiệu địa điểm, mặt bằng sản xuất; kỹ thuật, công nghệ sẽ sử dụng trong sản xuất. Ví dụ: Kế hoạch sản xuất rau an toàn, sản xuất hoa hồng ở trang trại nào? Hoặc sản xuất hàng may mặc công xưởng ở đâu?

Giới thiệu những công nghệ kỹ thuật sản xuất nổi trội có tính cạnh tranh; loại hình sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, vừa, nhỏ hay đơn chiếc, cùng với phương pháp tổ chức sản xuất gắn với loại hình sản xuất dây chuyền hay nhóm, đơn chiếc. Ví dụ: Ở trang trại rau an toàn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

• **Kế hoạch tiếp thị, bán hàng:** Dự kiến các giải pháp thích hợp về quảng cáo, khuyến mại, giá cả, cách thức xúc tiến, truyền thông, phân phối sản phẩm,... giúp chủ thể có thể kiểm soát và quản trị hoạt động của mình và tác động tích cực đến quyết định mua của khách hàng mục tiêu.

Ví dụ: Kế hoạch quảng cáo, đơn vị kinh doanh phải xác định mục tiêu quảng cáo, nội dung truyền đạt, phương tiện quảng cáo (báo, tạp chí, ti vi, áp phích,...), thời gian và tần suất quảng cáo, tính toán và cân đối ngân sách dành cho quảng cáo.

• **Kế hoạch phát triển doanh nghiệp:** Trình bày những dự kiến sẽ phát triển sản phẩm, dịch vụ này của doanh nghiệp trong tương lai gắn với những mốc thời gian cụ thể, nhất định.

Ví dụ: Sau 1 tháng sản phẩm của doanh nghiệp chiếm lĩnh 20% thị phần,...

• **Kế hoạch nhân sự:** Giới thiệu ngắn gọn cơ cấu tổ chức, mô tả phương thức vận hành của tổ chức, mối quan hệ giữa các bộ phận, cá nhân trong bộ máy quản trị, thể hiện việc chủ thể có đủ khả năng về nhân sự để triển

khai thành công hoạt động kinh doanh.

Ví dụ: Để vận hành quán cà phê, anh Q xác định ngoài chủ quán có 8 nhân viên; Chủ quán: người trực tiếp quản lý và điều hành quản lý 24/7; Tiếp tân: thu tiền và in hoá đơn; Đầu bếp: pha chế nước uống và chế biến món ăn. Quán hoạt động từ 6 giờ đến 23 giờ nên đội ngũ được chia thành hai ca, mỗi ca 4 người. Khi quán đông khách có thể huy động thời gian rảnh của các thành viên trong gia đình để phục vụ.

• Kế hoạch tài chính: Cung cấp các thông tin thể hiện khả năng tài chính của chủ thể kinh doanh đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện hoạt động kinh doanh như: vốn, đầu tư, tài sản, doanh thu, chi phí, lợi nhuận,... Giúp chủ thể kinh doanh quản lý dòng tiền, hạch toán thu – chi, chi phí phát sinh,... trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.

• Phân tích rủi ro và các biện pháp xử lý: Chỉ ra những rủi ro có khả năng xảy ra trong quá trình kinh doanh, có thể là những rủi ro về chính trị, kinh tế, công nghệ,... và dự kiến các biện pháp xử lý.

Ví dụ: Trong sản xuất nông nghiệp có thể gặp phải các rủi ro về thời tiết, dịch bệnh, thị trường đầu ra cho sản phẩm, từ đó chủ thể kinh doanh dự kiến các biện pháp đề phòng rủi ro.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>1/ Em hãy liệt kê những nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. Phân tích làm rõ ý nghĩa của từng nội dung đó và cho ví dụ minh họa.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. Kết luận, nhận định - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: + Phần tóm tắt trình bày một cách ngắn gọn, khái quát những thông tin: Tên kế hoạch kinh doanh; Ý tưởng kinh doanh; Mục tiêu kinh doanh; Chiến lược kinh doanh; Các điều kiện thực hiện kế hoạch kinh doanh; Cơ hội, rủi ro. + Tên kế hoạch kinh doanh: Cần phải thể hiện sơ lược sản phẩm kinh doanh.	2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh. Xác định mục tiêu kinh doanh. Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Xác định chiến lược kinh doanh. Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược. Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh. Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức cần, kiệm, liêm chính.

- Cách thức thực hiện:

- + Dự án: HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng.
- + Tình huống: “Nếu sản phẩm có lợi nhuận nhưng gây hại cho môi trường, em có làm không? Vì sao?”
- + Tự học: HS viết nhật ký “Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?”

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Các bước lập kế hoạch kinh doanh

a) **Mục tiêu.** HS nêu được các bước lập kế hoạch kinh doanh

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.**

Bước 1: Xác định ý tưởng kinh doanh: Ý tưởng kinh doanh có vai trò như thế nào? Cách thức xác định ý tưởng kinh doanh? Những lưu ý khi xác định ý tưởng kinh doanh? Nêu ví dụ minh họa.

- Ý tưởng kinh doanh có vai trò định hướng, giúp chủ thể kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của kinh doanh: Kinh doanh mặt hàng gì? Đối tượng khách hàng là ai? Họ có nhu cầu gì? Kinh doanh bằng cách nào? Kinh doanh cho ai?

Ví dụ: Chủ thể kinh doanh quán trà sữa xác định đối tượng khách hàng là HS, sinh viên, đội ngũ công chức trong khu vực,...

- Nguồn để xác định ý tưởng kinh doanh có thể từ lợi thế nội tại xuất phát từ đam mê, hiểu biết, khả năng huy động nguồn lực,... của chủ thể kinh doanh hay từ những cơ hội bên ngoài như: nhu cầu mới chưa được đáp ứng, nguồn cung ứng, hưởng lợi từ chính sách,...

Ví dụ: Anh A có ý tưởng kinh doanh quán trà sữa vì anh đam mê kinh doanh từ khi còn đi học, có sự hiểu biết về các nguyên liệu chế biến trà sữa,... thuê được địa điểm ở trung tâm thị trấn gần các cơ quan, trường học,...

- **Lưu ý:** Ý tưởng kinh doanh được xác định phải đảm bảo tính mới, sáng tạo, khả thi, mang lại lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

Ví dụ: Trong khu vực chưa có cửa hàng hoặc quán bán trà sữa,... hoặc trên thị trường đã có quán bán trà sữa nhưng anh A xác định mở quán trà sữa kiểu mới có những đặc điểm khác với các quán cũ đang hoạt động.

Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh. Mục tiêu kinh doanh là những mục tiêu mà doanh nghiệp đề ra và dự đoán sẽ đạt được trong một khoảng thời gian được xác định. Ví dụ: Mục tiêu kinh doanh của hãng xe buýt điện sau một năm hoạt động giành được 40% thị phần trên thị trường xe buýt. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp xây dựng các chiến lược thu hút khách hàng....

- Về thời gian, cần xác định các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Ví dụ: Anh N mới mở một nhà hàng Chay và xác định: Đối tượng khách hàng: Từ 22 – 35 tuổi, những người muốn ăn chay và yêu thích mô hình trà đạo.

- Mục tiêu ngắn hạn: Tạo cho khách hàng những trải nghiệm về các món ăn chay và trong 3 tháng đầu thu hút mỗi ngày từ 50 – 70 khách hàng, đến tháng thứ 4 thu hút 80 khách hàng/ngày... sau 1 năm sẽ thu hút 100 khách hàng/ngày.

- Mục tiêu trung hạn: Đề cao sức khỏe của thực khách, giúp mọi người có cái nhìn sâu sắc hơn với sức khỏe. Từ 2 – 5 năm xây dựng được thương hiệu của nhà hàng.

- Mục tiêu dài hạn: Mang đến một trải nghiệm mới với những món chay ngon, đặc sắc, tốt cho sức khỏe. Sau 5 năm sẽ mở ra một chuỗi nhà hàng chay trên phạm vi một tỉnh. Khi xây dựng mục tiêu kinh doanh cần bảo đảm các tiêu chí: nhất quán, cụ thể, khả thi, tương thích và linh hoạt,...

- **Lưu ý:** Mục tiêu kinh doanh cần hướng tới những hành động rõ ràng, cụ thể, phù hợp với điều kiện cụ thể, có tính khả thi và kết quả thiết thực.

Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. Để đảm bảo tính khả thi của ý tưởng kinh doanh, chủ thể kinh doanh cần phân tích môi trường kinh doanh để sơ bộ tìm hiểu các cơ hội từ đó đánh giá chỗ đứng của chủ thể kinh doanh trên thị trường. Từ đó có cơ sở để xác định chiến lược kinh doanh, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu. Để kinh doanh thành công, cần phân tích đầy đủ các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

Ví dụ: Khi phân tích thị trường, chủ thể cần trả lời các câu hỏi ai là người có nhu cầu về sản phẩm, tại sao lại có nhu cầu đó, lượng cầu là bao nhiêu, và doanh nghiệp có thể đáp ứng bao nhiêu phần trăm trong tổng lượng cầu này. Phân tích thị trường mục tiêu (người mua) điển hình.

Có thể có nhiều loại người mua, nhưng chỉ cần một số ít loại người mua đã có thể tạo nên một thị phần lớn hay có lợi nhất; có 4 cách phân loại chính:

- Phân theo khu vực địa lý: khu vực của người mua, khu vực sản xuất, sở thích theo khu vực, dân số, nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Phân theo hoạt động chung của người mua cuối cùng: cá nhân hay tổ chức, Chính phủ, kinh doanh hoặc sản xuất,...
- Phân theo vị trí hay trách nhiệm của người mua: người mua là cá nhân, là chủ sở hữu doanh nghiệp, hay là nhân viên/cán bộ quản lý của họ,...
- Phân theo đặc điểm cá nhân của người mua: tuổi tác, các đặc điểm thể chất, giới tính, thu nhập, sở thích, các mối quan tâm chính trị, thành viên các hiệp hội,...

Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh: Chiến lược kinh doanh là nội dung cơ bản của một kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu. Chiến lược kinh doanh thể hiện mục tiêu chinh phục thị trường kinh doanh cụ thể. Sự thành bại của chiến lược sẽ tác động trực tiếp các kế hoạch kinh doanh cụ thể trong nội bộ đơn vị kinh doanh.

Từ chiến lược kinh doanh, chủ thể kinh doanh cần phải xây dựng các kế hoạch cụ thể để thực hiện chiến lược kinh doanh gồm:

- Kế hoạch sản xuất/cung cấp sản phẩm: Nội dung kế hoạch sản xuất cần giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

- + Bố trí địa điểm, mặt bằng sản xuất. Địa điểm sản xuất phụ thuộc vào các đặc điểm, tính chất sản phẩm/dịch vụ, nguồn lực sử dụng và các yếu tố môi trường.

Ví dụ: sản xuất rau ở trang trại, nuôi cá trên sông, hồ,...

- + Kỹ thuật công nghệ sản xuất. Nội dung này trả lời cho câu hỏi: Sử dụng công nghệ gì? Nguồn nguyên liệu nào để sản xuất ra sản phẩm?

- + Xác định loại hình và phương pháp tổ chức sản xuất. Đó là kỹ thuật sản xuất ra sản phẩm và bảo đảm hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm,...

- Kế hoạch bán hàng, tiếp thị, quảng cáo gồm: chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng và có phương thức phân phối tiện lợi để thoả mãn nhu cầu khách hàng.

Ví dụ: Để chuẩn bị cho việc khai trương quán cà phê, anh Q đã lên kế hoạch như sau: trước khi khai trương, anh đã cho nhân viên đi phát tờ rơi, lập fanpage; giảm 30% cho tất cả hoá đơn trong ngày mở bán khai trương và giảm 30% trong hai ngày tiếp theo, áp dụng với hoá đơn từ 150.000 đồng; tặng voucher trị giá 30.000 đồng cho khách nếu khách đăng ảnh của khách tại quán lên fanpage trong tuần đầu tiên khai trương. Kế hoạch khuyến mại: Dựa vào những sự kiện đặc biệt quan trọng trong năm sẽ tổ chức triển khai tặng quà thích hợp, ví dụ: tặng hoa cho khách hàng nhân ngày 8 – 3, ngày 14 – 2; tặng móc khoá tình nhân và ảnh lưu niệm cho những cặp đôi khi đến quán mà chụp hình và đăng lên fanpage của quán.

- Kế hoạch phát triển kinh doanh: Đó là các dấu mốc cụ thể cho sự phát triển doanh nghiệp. Ví dụ sau 1 năm, 3 năm, 5 năm, 10 năm,...

- Kế hoạch quản lý nhân sự: cần xác định số lượng, chất lượng, cơ cấu tổ chức và quản lý nhân sự, căn cứ vào quy mô sản xuất để xây dựng theo các mô hình quản lý. Với mô hình quản lý trực tiếp, chủ thể kinh doanh trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh. Ví dụ: Kinh doanh theo mô hình nhỏ: quán cà phê, quán trà sữa. Với mô hình quản lý gián tiếp, cần xây dựng đội ngũ quản lý điều hành. Đó là mô hình quản lý trong các doanh nghiệp vừa và lớn.

- Kế hoạch tài chính: bảo đảm cân đối thu, chi theo các mốc thời gian phát triển của đơn vị KD, thể hiện khả năng tài chính của chủ thể KD bảo đảm tính khả thi của phương án KD được lựa chọn.

Ví dụ: Một đơn vị dự định kinh doanh thực phẩm chế biến bằng dây chuyền đóng gói hiện đại cần xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể: tiền thuê nhà xưởng, mua máy móc, trang thiết bị, thuê và tập huấn cán bộ, mua sắm và bảo quản sản phẩm dự phòng,... Sau khi đã quyết định các phương án và kế hoạch phụ trợ cần phải lượng hoá bằng các ngân quỹ. Ngân quỹ chung của đơn vị sản xuất kinh doanh biểu thị toàn bộ thu nhập, chi phí và lợi nhuận của đơn vị kinh doanh.

Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý: Sau khi đã xác định các phương án khác nhau để thực hiện mục tiêu, chủ thể kinh doanh phải xem xét điểm mạnh, điểm yếu của từng phương án, trên cơ sở đó xác định cơ hội và rủi ro có thể gặp để đưa ra được các biện pháp xử lý phù hợp. Trong kinh doanh có thể gặp phải một số rủi ro sau:

- Rủi ro về chính trị: liên quan đến tình hình chính trị trong và ngoài nước, quan điểm của Chính phủ đối với phát triển kinh tế tư nhân,...

- Rủi ro về kinh tế: biến động thị trường, thu nhập, thanh toán, biến động không dự kiến trước được của tỉ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất,... Ví dụ: nhu cầu của thị trường thấp hơn dự kiến, chủ thể kinh doanh phải hạ giá thành sản phẩm, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm,...

- Rủi ro về cung cấp các yếu tố đầu vào như: công nhân nghỉ việc, giá xăng dầu tăng, đơn vị cung cấp nguyên liệu

tự ý không thực hiện đúng hợp đồng,

- Rủi ro về kỹ thuật và vận hành khi công nghệ và thiết bị không thể vận hành và bảo dưỡng phù hợp như thiết kế ban đầu.

Để hạn chế tác động rủi ro, người ta thường áp dụng một số biện pháp sau:

- Quản trị rủi ro trong các phương án kinh doanh.

- Đa dạng hoá các quan hệ kinh doanh, không phụ thuộc quá nhiều vào một khách hàng, một nhà cung cấp hoặc một đối tác nhất định.

- Thiết lập các nguồn dự trữ cần thiết để đề phòng rủi ro.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>1/ Em hãy phân tích nội dung cơ bản của từng bước, cách thực hiện, một số lưu ý trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh. Nêu ví dụ minh họa.</i> <i>2/ Dựa vào các bước đó, em hãy thực hành lập một bản kế hoạch kinh doanh một mặt hàng mà em đang quan tâm.</i> Báo cáo thảo luận - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. - GV mời một vài HS nêu ví dụ về các bước của lập kế hoạch kinh doanh và chia sẻ với cả lớp về kế hoạch kinh doanh đã xây dựng Kết luận, nhận định Việc xác định các bước của lập kế hoạch KD có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh. Lập kế hoạch càng cụ thể sẽ giúp chủ thể kinh doanh dự kiến được các khó khăn và thách thức cũng như có kế hoạch điều chỉnh phù hợp	3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh - Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh. - Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh. - Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. - Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh. - Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.

TIẾT 3 + 4 + 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- HS trả lời, góp ý.

- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

3. Hoạt động: Luyện tập + vận dụng

Bài tập thực hành lập kế hoạch kinh doanh

a) Mục tiêu. HS củng cố và hoàn thiện kiến thức vừa học. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

- Thực hành lập kế hoạch kinh doanh.

- Xây dựng được các tiêu chí đánh giá kế hoạch KD. Thuyết trình được về bản kế hoạch KD.

- Viết được nhận xét, đánh giá bản kế hoạch kinh doanh đó.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng, xử lý tình huống: “Nếu sản phẩm có lời nhưng gây hại môi trường, em có làm không? Vì sao?”; hoạt động mô phỏng: Thiết kế một sản phẩm hoặc mô hình dịch vụ có ý nghĩa vì cộng đồng, thể hiện lý tưởng sống đẹp; viết nhật ký “Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?”.

1. Lập kế hoạch kinh doanh

Cách thực hiện:

Lập kế hoạch nghiên cứu theo nhóm: Thành lập nhóm nghiên cứu, bầu nhóm trưởng và thư kí nhóm.

Thông nhất lựa chọn một ý tưởng kinh doanh phù hợp để tiến hành lập bản kế hoạch kinh doanh.

Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung trong bản kế hoạch kinh doanh. Tập hợp kết quả nghiên cứu của các cá nhân trong nhóm thành một bản kế hoạch kinh doanh. Đánh giá công việc cụ thể của từng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

2. Thảo luận trong nhóm tiêu chí đánh giá kế hoạch kinh doanh

Gợi ý:

Tiêu chí về nội dung. Tiêu chí về hình thức.

Căn cứ để xác định các tiêu chí đó.

3. Thuyết trình về bản kế hoạch kinh doanh

Hướng dẫn:

Thảo luận cách trình bày bản kế hoạch kinh doanh. Lựa chọn phương án thuyết trình hiệu quả.

Tìm phương tiện hỗ trợ như máy móc, mô hình,...

4. Viết nhận xét, đánh giá bản kế hoạch kinh doanh

Từng cá nhân trong nhóm viết nhận xét, đánh giá bản kế hoạch kinh doanh gồm:

Căn cứ vào tiêu chí đánh giá để nhận xét bản kế hoạch kinh doanh.

Chỉ ra những điểm còn hạn chế hoặc chưa đạt được của bản kế hoạch kinh doanh.

Nêu biện pháp khắc phục các nội dung còn hạn chế.

Nhận xét về tinh thần, thái độ và cách làm việc của bản thân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

c) Sản phẩm.

- Hs biết được vận dụng được các bước, các nội dung của lập kế hoạch KD để thực hiện trong thực tế

- Bước đầu biết tự lập kinh doanh và thực hiện các hoạt động kinh doanh một cách phù hợp với lứa tuổi

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Thực hành lập kế hoạch kinh doanh.

Xây dựng được các tiêu chí đánh giá kế hoạch KD. Thuyết trình được về bản kế hoạch kinh doanh.

Viết được nhận xét, đánh giá bản kế hoạch kinh doanh đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc theo nhóm

Các nhóm có thể làm trên giấy A0 hoặc làm trên máy tính

Báo cáo, thảo luận

Lần lượt các nhóm tiến hành thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận giúp học sinh hoàn thiện các kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch kinh doanh.

Tiết 24 – 25 – 26 – 27 – 28

BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2. Năng lực

- *Điều chỉnh hành vi:* Ủng hộ những hành vi, việc làm có trách nhiệm đối với xã hội của doanh nghiệp; Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

- *Năng lực phát triển bản thân*: Xác định được trách nhiệm công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.
- *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội*: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về việc thực hành trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong một số trường hợp cụ thể; Tham gia tuyên truyền cổ vũ các doanh nghiệp đẩy mạnh thực hành trách nhiệm đối với xã hội.

3. Phẩm chất

Có *trách nhiệm* trong việc tham gia cổ vũ các doanh nghiệp thực hành trách nhiệm đối với xã hội, ý thức được trách nhiệm công dân đối với xã hội của người quản lý, điều hành doanh nghiệp.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp**: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.

- **Cách thức thực hiện**: Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phạm về thân thể... giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Nội dung tích hợp**: Nêu được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước PCTN, lãng phí, tiêu cực. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động.

- **Mức độ tích hợp**: Tích hợp bộ phận

- **Hình thức, phương pháp**:

+ Tình huống: Học sinh nhận diện các biểu hiện thiếu trách nhiệm như gây ô nhiễm, bóc lột lao động, trốn thuế... để từ đó thảo luận và đề xuất giải pháp

+ Đóng vai: HS nhập vai giám đốc doanh nghiệp đối diện với các quyết định liên quan đến trách nhiệm xã hội

+ Thảo luận nhóm: Tranh luận giữa lợi nhuận doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp**: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp

- **Cách thức thực hiện**: Giáo viên tổ chức/hướng dẫn học sinh tìm hiểu về vấn đề quảng cáo hàng giả kẹo Kera, sữa và thuốc giả hay giá đồ ngấm hóa chất. Từ nội dung quảng cáo này, học sinh đưa ra nhận xét, giáo viên nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, thực hiện tốt đạo đức kinh doanh để phát triển bền vững

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu**. Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú học tập cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

b) **Nội dung**. GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vì sao mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm**. Học sinh bước đầu nhận biết được một số hoạt động cơ bản thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu vì sao mà giáo viên đưa ra và trả lời câu hỏi

Em hãy nêu hoạt động thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và cho biết việc làm đó đã mang lại lợi ích gì cho cộng đồng, xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

- Một số việc làm thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội:

+ Bảo vệ môi trường.

+ Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của người lao động.

+ Cung ứng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn cho khách hàng.

+ Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế,...

- Lợi ích: đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của quốc gia

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần lớn các doanh nghiệp lấy lợi nhuận là mục tiêu hoạt động.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải có trách nhiệm với Nhà nước và xã hội, đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và sự phát triển bền vững của quốc gia. Trách nhiệm này được thực hiện thông qua các hoạt động của doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, cộng đồng và toàn xã hội

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

+ **Trách nhiệm kinh tế:** tiết kiệm chi phí, đạt doanh thu, lợi nhuận cao, đảm bảo việc làm cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm chất lượng, an toàn cho khách hàng,...

+ **Trách nhiệm pháp lý:** tuân thủ pháp luật kinh doanh; thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế;...

+ **Trách nhiệm đạo đức:** thực hiện tốt đạo đức kinh doanh; làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường,...

+ **Trách nhiệm nhân văn:** tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn lực cho cộng đồng,...

2/ Trường hợp 1, Công ty V đã thực hiện hình thức trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm nhân văn đối với cộng đồng, xã hội.

Trách nhiệm công dân của người điều hành doanh nghiệp:

(1) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

(2) Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn trong doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp;

(3) Duy trì chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi, niềm tin của người tiêu dùng; kết hợp hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người tiêu dùng;

(4) Cùng tập thể lãnh đạo xây dựng chính sách, kế hoạch và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng phù hợp với lĩnh vực hoạt động, điều kiện và khả năng thực hiện của doanh nghiệp.

3/ Công ty T chưa thực hiện đúng trách nhiệm xã hội vì hoạt động sản xuất của công ty gây ô nhiễm môi trường và công ty không trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân (vi phạm trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức).

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:	1. Khái niệm, hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực

1/ Từ thông tin, em hiểu thế nào là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp? Hãy nêu nội dung các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Lấy ví dụ thực tế để minh họa cho mỗi hình thức.

2/ Em hãy cho biết doanh nghiệp V đã thực hiện các hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp. Theo em, Ban lãnh đạo doanh nghiệp V đã thể hiện trách nhiệm công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp như thế nào?

3/ Theo em, doanh nghiệp T đã thực hiện đúng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chưa? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp liên quan đến những quyết định và hành động được thực hiện mà ít nhất cũng vượt trên những lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, là những nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm sự mong đợi của xã hội về kinh tế, pháp luật, đạo đức và nhân văn đối với các tổ chức tại một thời điểm nhất định. Một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội khi quyết định và hoạt động của nó nhằm tạo ra và cân bằng các lợi ích khác nhau của những cá nhân và tổ chức liên quan.

hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

+ **Trách nhiệm kinh tế:** tiết kiệm chi phí, đạt doanh thu, lợi nhuận cao, đảm bảo việc làm cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm chất lượng, an toàn cho khách hàng,...

+ **Trách nhiệm pháp lí:** tuân thủ pháp luật kinh doanh; thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế;...

+ **Trách nhiệm đạo đức:** thực hiện tốt đạo đức kinh doanh; làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường,...

+ **Trách nhiệm nhân văn:** tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn lực cho cộng đồng,...

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

a) Mục tiêu. HS trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời được nội dung câu hỏi đã đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy liệt kê những nội dung cơ bản của kế hoạch kinh</i>	2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>- Đối với doanh nghiệp:</i> Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như:

doanh. Phân tích làm rõ ý nghĩa của từng nội dung đó và cho ví dụ minh họa.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.

- *Đối với doanh nghiệp: Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.*

- *Đối với xã hội: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.*

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp và xã hội.

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giúp cho doanh nghiệp phát triển mà còn hỗ trợ giải quyết nhiều vấn đề của xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.**

- **Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phạm về thân thể... giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người.**

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Nội dung tích hợp:** Nêu được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước PCTN, lãng phí, tiêu cực. Giáo dục tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động.

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận

- Hình thức, phương pháp:

+ **Tình huống:** Học sinh nhận diện các biểu hiện thiếu trách nhiệm như gây ô nhiễm, bóc lột lao động, trốn thuế... để từ đó thảo luận và đề xuất giải pháp

+ **Đóng vai:** Học sinh nhập vai giám đốc doanh nghiệp đối diện với các quyết định liên quan đến trách nhiệm xã hội

+ **Thảo luận nhóm:** Tranh luận giữa lợi nhuận doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- *Đối với xã hội:* Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Ý kiến nào dưới đây là đúng khi nói về thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp? Vì sao?

a) Mục tiêu. Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK: *Theo em ý kiến nào dưới đây là đúng khi nói về thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp? Vì sao?*

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

- **Ý kiến a. Đúng.** Vì: Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động là quy định của pháp luật đòi hỏi các doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ.

- **Ý kiến b. Sai.** Vì: Đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vì phải kinh doanh đạt hiệu quả mới đảm bảo sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, việc làm, thu nhập cho người lao động, có điều kiện để thực hiện những hoạt động vì cộng đồng.

- **Ý kiến c. Sai.** Vì: Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng yêu cầu doanh nghiệp có nghĩa vụ và trách nhiệm phải cung cấp sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Nếu doanh nghiệp vi phạm sẽ bị pháp luật xử lý, người tiêu dùng tố cáo, lên án.

- **Ý kiến d. Đúng.** Vì: Chuyển đổi cơ cấu sản xuất thân thiện với môi trường góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho người tiêu dùng là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó thông qua việc trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó thông qua việc trả lời các câu hỏi.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

- *Doanh nghiệp V đã thực hiện những hình thức trách nhiệm xã hội: trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm đạo đức, trách nhiệm nhân văn. Những việc làm của doanh nghiệp V mang lại lợi ích cho người lao động, cho cộng đồng, xã hội. Với doanh nghiệp: mang lại uy tín của doanh nghiệp với khách hàng, người lao động và xã hội, từ đó kinh doanh thuận lợi hơn.*

- *Doanh nghiệp A thực hiện hình thức trách nhiệm kinh tế, pháp lý, đạo đức; đảm bảo cung cấp hàng hoá chất lượng cho người tiêu dùng, quan tâm đến quyền lợi của khách hàng, mang lại uy tín với khách hàng, xã hội, kinh*

doanh sẽ thuận lợi hơn.

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận.

Câu 3. Phát biểu nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp? Giải thích vì sao.

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được ý kiến của mình

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 3 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

- **Ý kiến a. Sai.** Vì: Thực hiện trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp có thể phải tăng một số chi phí nhưng bù lại doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi hơn, uy tín cao hơn, lợi nhuận thu về sẽ nhiều hơn và năng lực cạnh tranh cũng cao hơn.

- **Ý kiến b. Đúng.** Vì: Thực hiện trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp tạo hình ảnh tốt, tăng uy tín với khách hàng, đạt kết quả kinh doanh tốt hơn.

- **Ý kiến c. Đúng.** Vì: Những thách thức của phát triển bền vững chính là những vấn đề về môi trường, vấn đề xã hội như bất bình đẳng, phân hoá giàu nghèo, tăng trưởng kinh tế không bền vững. Với các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp góp phần giải quyết, giảm bớt các thách thức này.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Câu 4. Em hãy bày tỏ ý kiến của mình đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các trường hợp dưới đây

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 4 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

c) Sản phẩm.

Những việc làm của ban lãnh đạo các công ty Q, công ty B trong cả hai trường hợp đều không thực hiện đúng trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, cần bị lên án và ngăn chặn, xử lý kịp thời.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 4 trong SGK để đưa ra ý kiến của mình.

Em hãy bày tỏ ý kiến của mình đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các trường hợp dưới đây:

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy tìm hiểu hoạt động thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường/trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp ở địa phương và cho biết em sẽ làm gì để góp phần lan toả hoạt động đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà: *Em hãy tìm hiểu hoạt động thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường /trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp ở địa phương và cho biết em sẽ làm gì để góp phần lan toả hoạt động đó.*

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức/hướng dẫn học sinh tìm hiểu về vấn đề quảng cáo hàng giả kẹo Kera, sữa và thuốc giả hay giả đồ ngậm hóa chất. Từ nội dung quảng cáo này, học sinh đưa ra nhận xét, giáo viên nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, thực hiện tốt đạo đức kinh doanh để phát triển bền vững

Giáo viên cũng có thể đưa ra thông tin để học sinh bày tỏ quan điểm: Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an cho biết đã triệt phá đường dây sản xuất, buôn bán, tiêu thụ sữa bột giả với số lượng cực lớn trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Đồng thời, khởi tố, bắt tạm giam 2 đối tượng chủ mưu cầm đầu đường dây nói trên cùng 6 bị can khác về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm" và "Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng".

Kết quả điều tra bước đầu của cơ quan Công an xác định từ tháng 8/2021, nắm bắt được nhu cầu gia tăng của các sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng dạng bột (gọi chung là sữa bột) tại thị trường trong nước, nhóm đối tượng do Vũ Mạnh Cường và Hoàng Mạnh Hà chủ mưu cầm đầu thành lập doanh nghiệp Công ty Rance Pharma địa chỉ tại khu nhà ở Hím Lam, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội và Công ty Hacofood Group, địa chỉ tại LK52-10, Khu đô thị mới Phú Lương, phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội để trực tiếp tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm sữa bột giả.

Đến nay, đường dây này đã sản xuất 573 nhãn hiệu sữa bột các loại. Các loại sữa dành cho những người bị tiểu đường, suy thận, trẻ sinh non, thiếu tháng và phụ nữ có thai với các thành phần công bố trên sản phẩm như: chiết xuất tổ yến, đông trùng hạ thảo, bột macca, bột óc chó... nhưng trên thực tế, hoàn toàn không có những chất này.

Các đối tượng đã bỏ một số nguyên liệu đầu vào và thay thế, bổ sung thêm một số chất phụ gia. Cơ quan công an xác định, sữa bột có chỉ tiêu chất lượng một số chất đạt dưới 70% so với mức công bố, đủ điều kiện để xác định là hàng giả.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà: *Em hãy tìm hiểu hoạt động thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường /trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp ở địa phương và cho biết em sẽ làm gì để góp phần lan toả hoạt động đó.*

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Tiết 29 – 30 – 31 – 32 – 33 – 24

BÀI 7. QUẢN LÝ CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình.
- Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.
- Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.

2. Năng lực

- Phát triển bản thân: Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được dẫn chứng thực tế về vai trò của quản lý thu, chi trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ tham gia lập kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.
- Có trách nhiệm thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. Hướng dẫn bạn bè, người thân cùng thực hiện.

*Tích hợp phòng chống tham nhũng

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được thói quen chi tiêu, tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu chi hợp lý trong gia đình.

- **Nội dung tích hợp:** Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính). giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tiết kiệm, cần kiệm trong gia đình Việt Nam

- Cách thức thực hiện:

- + Bài tập tình huống: “Nếu em muốn mua một món đồ xa xỉ, bố mẹ không đồng ý, em sẽ xử lý thế nào?”
- + Dự án: HS lập kế hoạch thu – chi gia đình tháng tới (giả định), đảm bảo cân đối và văn minh tài chính.
- + Tranh biện: “Chi tiêu để thỏa mãn cá nhân có đáng bị phê phán không?”
- + Nhật ký tài chính cá nhân: HS ghi chép 3 ngày chi tiêu, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính.

*Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Xây dựng thói quen chi tiêu hợp lý và quản lý tài chính hiệu quả

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình mình với một số tiêu chí cụ thể và phù hợp. Qua nội dung này giáo viên định hướng cho học sinh có ý thức rèn luyện ý thức quản lý thu chi trong gia đình

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học. Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS khi tìm hiểu và tham gia các hoạt động liên quan đến thu chi trong gia đình

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của việc quản lý chi tiêu trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS, có thể tổ chức trò chơi giữa các học sinh để kể về các thói quen chi tiêu trong gia đình.
Em hãy nêu thói quen chi tiêu trong gia đình em và nhận xét về thói quen đó.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

HS trình bày nội dung làm việc.

Gia đình em có thói quen chi tiêu hợp lý và tiết kiệm. Mỗi tháng, bố mẹ em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cụ thể cho từng mục đích như tiền ăn, tiền học, tiền mua sắm, và tiền tiết kiệm. Em nhận thấy thói quen này rất hữu ích và giáo dục. Nó không chỉ giúp gia đình em quản lý tài chính hiệu quả mà còn dạy cho em những bài học quý giá về giá trị của tiền và tầm quan trọng của việc tiết kiệm.

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Quản lý thu, chi là hoạt động cơ bản để thực hiện các mục tiêu tài chính của mỗi gia đình, giúp duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, mỗi gia đình cần trang bị kỹ năng quản lý thu, chi để sử dụng nguồn tiền hợp lý, thoả mãn được những nhu cầu cơ bản, tiết kiệm cho tương lai, góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc và phát triển.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu về quản lý thu, chi và sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm quản lý thu, chi trong gia đình. Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.

b) Nội dung. HS đọc thông tin trong SGK và trả lời. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời được nội dung câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS đọc thông tin trong SGK và trả lời. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Từ các thông tin trên, em hãy cho biết thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình. 2/ Qua thông tin 2, em hãy đánh giá thói quen chi tiêu nào tích cực và thói quen chi tiêu nào chưa tích cực. Vì sao? 3/ Em hãy cho biết những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ ảnh hưởng như thế nào tới đời sống gia đình. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. + <i>Quản lý thu, chi trong gia đình là việc quản lý các khoản thu nhập và chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình.</i> + <i>Trong các thói quen chi tiêu trên, có một số thói quen chi tiêu tích cực, một số thói quen chi tiêu không tích cực:</i> <i>Thói quen chi tiêu tích cực: chỉ mua khi thực sự cần thiết; tiết kiệm điện, nước; bàn bạc, thống nhất giữa các thành viên trong gia đình trước khi chi tiêu.</i> <i>Thói quen chi tiêu không tích cực: chi tiêu tùy hứng theo cảm xúc; chi tiêu hết thu nhập không có quỹ dự phòng;...</i> + <i>Thói quen chi tiêu tích cực giúp cho mỗi gia đình luôn chủ động trong cuộc sống và thực hiện được các mục tiêu tài chính.</i>	1. Quản lý thu, chi và sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình Khái niệm: Quản lý thu, chi là việc quản lý các khoản thu nhập, chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình. Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình: - Kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình. - Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình. - Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình. - Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình. - Nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

Những thói quen chi tiêu không tích cực sẽ phá vỡ những mục tiêu tài chính của gia đình, không chủ động được trong những tình huống xấu như ốm đau, thất nghiệp,... làm cho cuộc sống rơi vào tình thế khó khăn.

Kết luận, nhận định

- GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Trong mỗi gia đình, để giải quyết những vấn đề cơ bản về tài chính như: cân đối thu - chi, thực hành tiết kiệm, gia tăng thu nhập giúp duy trì sự ổn định và phát triển cần phải quản lý thu, chi hiệu quả.

TIẾT 2 + 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình

a) Mục tiêu. HS tham gia lập và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

Bước 1: Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình và thời gian thực hiện. Mục tiêu tài chính trong gia đình là các mục tiêu giúp xác định ngân sách để gia đình thực hiện những dự định cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Để thực hiện được các mục tiêu tài chính trong gia đình, phải thảo luận và thống nhất giữa các thành viên và xây dựng ngân quỹ gia đình.

Ví dụ: Sau khi kết hôn, vợ chồng bàn bạc thống nhất mục tiêu sau 1 năm sẽ mua sắm được những đồ dùng thiết yếu trong gia đình và tiết kiệm được khoảng 100 triệu đồng.

Căn cứ vào thời gian thực hiện có các mục tiêu tài chính sau: mục tiêu tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Ví dụ: Gia đình bạn B (có 4 thành viên) đặt ra mục tiêu sau 3 tháng mua một chiếc xe đạp điện chuẩn bị cho em gái vào học trung học phổ thông, sau 3 năm tích lũy được một khoản tiền cho anh trai vào học đại học, sau 10 năm sẽ mua được một căn chung cư,...

Việc đặt mục tiêu tài chính rõ ràng là bước đầu lên kế hoạch những gì gia đình muốn đạt được trong tương lai, có thể liên quan đến tiết kiệm, chi tiêu, kiếm tiền hoặc đầu tư.

Việc xác định được mục tiêu tài chính gia đình cần tiến hành như sau:

- Liệt kê tất cả những mục tiêu tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Xác định mức độ ưu tiên thực hiện các mục tiêu và thời hạn hoàn thành mục tiêu tài chính của gia đình, trong đó cần ưu tiên cho các mục tiêu cấp bách, cơ bản, thiết yếu, phù hợp với nguồn thu của gia đình.

Khi xác định mục tiêu cần đảm bảo tiêu chí cụ thể, đo lường được, có tính khả thi và giới hạn thời gian hoàn thành. Việc xác định mục tiêu cần có sự bàn bạc, thống nhất, đồng thuận giữa các thành viên trong gia đình để cùng nhau thực hiện mục tiêu.

Bước 2: Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình.

Ví dụ: Để thực hiện được các mục tiêu tài chính, gia đình B đã liệt kê tất cả các nguồn thu nhập trong gia đình bao gồm:

- Thu nhập từ tiền lương của bố mẹ B.
- Lãi suất từ hai quyển sổ tiết kiệm của gia đình đã tích lũy được.
- Thu nhập từ tiền làm thêm của bố.
- Thu nhập từ tiền cho thuê cửa hàng của gia đình.

- Xác định các nguồn thu nhập đã giúp gia đình B biết được tình hình tài chính hiện tại và có cơ sở để xây dựng kế hoạch thu, chi trong gia đình trong gia đình

Bước 3: Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình.

Ví dụ: Gia đình Q đã bàn bạc và xác định các khoản chi phí cần trả như: tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền ăn uống, tiền học của con,... là các khoản chi bắt buộc, thiết yếu. Còn các khoản chi cho giải trí, mua sắm, ăn uống bên ngoài và các chi tiêu cá nhân khác được xác định là khoản chi không thiết yếu.

Việc chi tiêu trong gia đình luôn đảm bảo nguyên tắc ưu tiên cho những nhu cầu thiết yếu, cân nhắc những khoản chi không thiết yếu để cân đối thu – chi và thực hiện mục tiêu tiết kiệm.

Bước 4: Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi: thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm. Trên cơ sở theo dõi mức chi tiêu của gia đình, căn cứ vào nguồn thu, mục tiêu tài chính và danh mục các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu của gia đình để xác định tỉ lệ phân chia các khoản chi cho phù hợp với đặc điểm của gia đình.

Dựa trên tỉ lệ đó, phân bổ số tiền cụ thể cho từng khoản chi.

Ví dụ: Trong cuộc sống, gia đình cô H thực hiện triệt để quy tắc 50/30/20, các chi tiêu trong gia đình sẽ được chia thành tỉ lệ 50%, 30% và 20%. Trong đó: 50% dành cho các chi tiêu thiết yếu cho gia đình như: chi phí đi lại, ăn uống, điện nước, tiền học cho con,... 30% thu nhập được dùng cho các mục tiêu tài chính như trả nợ, tiết kiệm, quỹ dự phòng,... 20% dành cho các chi tiêu cá nhân của các thành viên trong gia đình bao gồm các khoản chi phí mua sắm, du lịch, giải trí,... Cuối mỗi tháng, cô tổng hợp chi tiêu trong tháng, so sánh chi tiêu thực tế với kế hoạch đề ra. Từ đó, đưa ra những nhận định khách quan và điều chỉnh chi tiêu những tháng sau cho phù hợp. Trước khi điều chỉnh, cô luôn thảo luận tạo sự đồng tình của các thành viên để chi tiêu hợp lý và đảm bảo hoà khí trong gia đình.

Bước 5: Thực hiện các khoản thu, chi hằng tháng theo kế hoạch thông qua việc ghi chép và điều chỉnh các khoản chi tiêu cho phù hợp.

Ví dụ: Vợ chồng anh N có tổng thu nhập từ 20 – 25 triệu đồng/tháng. Kể từ khi mới kết hôn, anh chị đã thống nhất cách thức kiểm soát thu, chi. Mọi nguồn thu của các thành viên trong gia đình đều được ghi chép lại và người vợ sẽ giữ tiền. Bên cạnh đó, anh chị còn đưa ra 4 cách kiểm soát nguồn chi: chỉ mua sắm vào những ngày quy định, chi tiêu có mục đích, tạo một danh sách mua sắm trước khi mua và tạo ra giới hạn chi tiêu. Nhờ vậy mà gia đình anh N luôn đạt trạng thái chi tiêu hiệu quả và tiết kiệm được những khoản tiền đều đặn hằng tháng.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Theo em, để xây dựng được kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình cần thực hiện những nội dung nào? Vì sao? Em hãy phân tích những nội dung đó. 2/ Hãy xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình và thuyết trình về việc thực hiện kế hoạch đó trong gia đình em. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp Báo cáo, thảo luận GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung. Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận: Sau khi lập được kế hoạch chi tiêu trong gia đình, cần thực hiện nghiêm túc bản kế hoạch đó. Trước hết, cần ghi	2. Xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình Bước 1. Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình: Bước 2. Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình: Bước 3. Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình Bước 4. Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm trong gia đình Bước 5. Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch

chép đầy đủ các khoản chi tiêu trong gia đình, đối chiếu với định mức trong kế hoạch để cân đối và quyết tâm thực hiện mục tiêu. Điều quan trọng là phải kiểm soát được việc chi tiêu, tránh các khoản chi tiêu không hợp lý, thực hiện thói quen tiêu dùng thông minh để đạt được các mục tiêu tài chính. Nếu có những lý do đột xuất khiến việc chi tiêu trong gia đình quá mức quy định thì cần có ngay biện pháp điều chỉnh bằng cách cắt giảm những khoản chi không cần thiết để bù lại.

Lưu ý: Trong trường hợp có những biến động làm cho thu nhập của gia đình giảm xuống (như có thành viên bị mất việc, hoạt động kinh doanh thua lỗ,...) cần điều chỉnh ngay kế hoạch chi tiêu sao cho tiết kiệm, phù hợp với mức thu nhập mới,...

*Tích hợp phòng chống tham nhũng

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được thói quen chi tiêu, tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu chi hợp lý trong gia đình.

- **Nội dung tích hợp:** Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính). giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tiết kiệm, cần kiệm trong gia đình Việt Nam

- Cách thức thực hiện:

+ Bài tập tình huống: “Nếu em muốn mua một món đồ xa xỉ, bố mẹ không đồng ý, em sẽ xử lý thế nào?”

+ Dự án: HS lập kế hoạch thu – chi gia đình tháng tới (giả định), đảm bảo cân đối và văn minh tài chính.

+ Tranh biện: “Chi tiêu để thỏa mãn cá nhân có đáng bị phê phán không?”

+ Nhật ký tài chính cá nhân: HS ghi chép 3 ngày chi tiêu, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính.

TIẾT 4 + 5 + 6

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1: Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm dưới đây? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1, bày tỏ điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

c) **Sản phẩm.** HS bày tỏ được quan điểm của mình đối với các trường hợp đã nêu.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng quan điểm trong bài tập 1, bày tỏ điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

a. Quan điểm này không đúng, vì không phải thành viên nào trong gia đình cũng đi làm, có thu nhập và tham gia vào các hoạt động tạo nên các nguồn thu nhập và chi tiêu trong gia đình được. Ví dụ: trẻ em, người cao tuổi,...

b. Quan điểm này đúng, vì nếu không quản lý thu, chi trong gia đình thì khó có thể duy trì những thói quen chi tiêu tích cực và hạn chế những thói quen chi tiêu không tích cực.

c. Quan điểm này không đúng, vì nếu chi tiêu theo sở thích, thỏa mãn mọi nhu cầu của các thành viên trong gia

đình sẽ dẫn đến hậu quả các khoản thu nhập không thể đủ để bù đắp cho chi tiêu dẫn đến thâm hụt ngân sách gia đình, nợ nần,...

d. Quan điểm này đúng, vì quản lí thu, chi trong gia đình hợp lí sẽ kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình; Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình; Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình; Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2: Em hãy cho biết việc làm của nhân vật trong các trường hợp dưới đây có ý nghĩa thế nào trong quản lý thu, chi gia đình

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc quản lý thu, chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu việc làm của từng nhân vật trong bài tập 2, nhận xét và giải thích về hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu việc làm của từng nhân vật trong bài tập 2, nhận xét và giải thích về hành vi của các nhân vật trong từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

a. Đây là một thói quen tốt để thực hiện kế hoạch quản lí thu, chi trong gia đình.

b. Đây là một việc làm đúng, vì ngay cả khi thu nhập còn thấp gia đình vẫn có ý thức tiết kiệm một khoản nhỏ để dự phòng thông qua việc kiên trì bảo đảm nguyên tắc 50/30/20.

c. Đây là một việc làm tốt, một thói quen tốt để chi tiêu hiệu quả, thực hành tiết kiệm để thực hiện được các mục tiêu tài chính của gia đình.

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Câu 3: Em hãy liệt kê những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý chi tiêu trong gia đình.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS liệt kê và chuẩn bị thuyết trình về những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

Lưu ý: GV có thể giao cho HS làm bài tập này ở nhà với thời gian cụ thể.

- HS làm việc và chuẩn bị bài thuyết trình.

- GV mời HS báo cáo kết quả làm việc.

- GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng vấn đề.

c) Sản phẩm.

Một số thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình:

- Chi tiêu có kế hoạch.

- Bàn bạc, thống nhất giữa các thành viên gia đình trong chi tiêu.

- Chi tiêu tiết kiệm,...

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS liệt kê và chuẩn bị thuyết trình về những thói quen chi tiêu tích cực trong gia đình và kết quả của những thói quen đó.

Lưu ý: GV có thể giao cho HS làm bài tập này ở nhà với thời gian cụ thể.

- HS làm việc và chuẩn bị bài thuyết trình.

- GV mời HS báo cáo kết quả làm việc.

- GV nhận xét và kết luận một số ý chính cho từng vấn đề.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

Câu 4: Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Đầu năm, vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy nhưng hai tháng nay, anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp mà vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình.

Em hãy chỉ ra những biểu hiện quản lý thu, chi gia đình hợp lý, không hợp lý trong trường hợp trên. Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình để quản lý thu, chi gia đình hiệu quả hơn.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được sự ý nghĩa của việc quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong bài tập 4 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi tình huống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong bài tập 4 và trả lời câu hỏi: *Em hãy chỉ ra những biểu hiện quản lý thu, chi gia đình hợp lý, không hợp lý trong trường hợp trên. Em hãy đưa ra lời khuyên cho gia đình để quản lý thu, chi gia đình hiệu quả hơn.*

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ. Mời đại diện nhóm 1 giới thiệu, đại diện nhóm 2 nêu câu hỏi phản biện, nhận xét và bổ sung, các HS khác có thêm ý kiến đóng góp.

Việc đầu năm vợ chồng anh A thống nhất đặt mục tiêu mỗi tháng sẽ dành 60% thu nhập cho các chi tiêu thiết yếu, tiết kiệm 20% thu nhập gia đình để có đủ tiền mua xe máy là hợp lý. Vì trong quản lý thu, chi trong gia đình chỉ khi nào có sự bàn bạc, thống nhất và kiên trì thực hiện mới có thể đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

Khi anh A bị mất việc, thu nhập gia đình bị giảm sút, kinh tế gia đình eo hẹp nhưng vợ anh vẫn quyết tâm thực hiện mục tiêu tiết kiệm đã đặt ra bằng cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình là không hợp lý. Vì, cách cắt giảm một số chi tiêu thiết yếu trong gia đình sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

Lời khuyên: Vợ chồng anh A nên thống nhất với nhau điều chỉnh quy tắc thu, chi bảo đảm các khoản chi thiết yếu và cắt giảm các khoản chi không thiết yếu để thực hiện các mục tiêu tài chính trong gia đình.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được sự ý nghĩa của việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Xây dựng thói quen chi tiêu hợp lý và quản lý tài chính hiệu quả

- Cách thức thực hiện: Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình mình với một số tiêu chí cụ thể và phù hợp. Qua nội dung này giáo viên định hướng cho học sinh có ý thức rèn luyện ý thức quản lý thu chi trong gia đình

+ Thông tin:

Cách tiết kiệm tiền cho học sinh

Tiết kiệm tiền có vẻ là một thách thức đối với học sinh, khi mà những chi tiêu hàng ngày dường như luôn "nuốt" hết mọi khoản tiền tiêu vặt. Nhưng đừng lo, MoMo sẽ chỉ cho bạn cách để dành tiền hiệu quả cho học sinh đơn giản mà bạn có thể áp dụng ngay lập tức để vừa chi tiêu hợp lý, vừa tích lũy được một khoản tiết kiệm. Hãy cùng bắt đầu với những mẹo cực dễ và hiệu quả dưới đây nhé!

2.1 Nuôi lợn đất

Đây có thể nói là cách tiết kiệm tiền hiệu quả cho học sinh. Bạn hãy bắt đầu bằng việc tiết kiệm từng đồng lẻ, bỏ những khoản tiền thừa từ tiêu vặt hoặc tiền quà vào lợn đất. Dù nhỏ nhưng sau một thời gian, bạn sẽ có một khoản tiền kha khá để sử dụng khi cần đấy.

2.2 Tái sử dụng dụng cụ học tập, sách vở

Một trong những cách để tiết kiệm tiền cho học sinh tiếp theo đó là tái sử dụng những dụng cụ học tập và sách vở cũ. Thay vì mua mới mỗi năm học, bạn có thể tận dụng lại sách giáo khoa, vở, bút từ những năm trước. Đừng ngần ngại hỏi mượn sách từ anh chị hoặc bạn bè đã học qua môn học đó. Bạn có thể tìm mua sách cũ tại các hiệu sách với giá rẻ hơn rất nhiều so với mua mới. Ngoài ra, sử dụng giấy nháp hoặc tái chế những tập giấy chưa dùng hết sẽ giúp bạn tiết kiệm một khoản tiền đáng kể và góp phần bảo vệ môi trường.

2.3 Hạn chế các hoạt động mua sắm, ăn uống

Mua sắm và ăn uống có thể là hai khoản chi tiêu lớn và dễ dàng khiến bạn tiêu hết số tiền tiết kiệm. Để hạn chế, bạn có thể lên kế hoạch mua sắm những thứ cần thiết, tránh mua sắm theo cảm hứng hay vì giảm giá. Ngoài ra, hãy hạn chế ăn ngoài và có thể ở nhà ăn với gia đình để giúp tiết kiệm tiền hơn cũng như dành nhiều thời gian bên bố mẹ.

2.4 Sử dụng xe đạp/phương tiện công cộng

Cách để tiết kiệm tiền cho học sinh tiếp theo đó là thay vì sử dụng xe máy hay xe cá nhân, hãy thử chuyển sang xe đạp hoặc phương tiện công cộng như xe buýt. Điều này không chỉ giúp bạn tiết kiệm được tiền xăng xe và bảo trì phương tiện, mà còn giúp bạn rèn luyện sức khỏe. Xe đạp là phương tiện cực kỳ thân thiện với môi trường, và nó cũng giúp bạn tiết kiệm đáng kể trong quá trình di chuyển. Nếu bạn sống xa trường, việc đi xe buýt sẽ giúp giảm thiểu chi phí đáng kể so với taxi hoặc xe ôm công nghệ. Hãy tận dụng các chương trình giảm giá vé xe buýt dành cho học sinh, sinh viên để tối ưu hóa tiết kiệm nhé.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính và kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

Câu 2: Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy viết bài luận ngắn chia sẻ suy nghĩ của mình về nhận định “Quản lý thu, chi trong gia đình trở thành cầu nối giúp các thành viên trong gia đình hiểu nhau và sống hạnh phúc hơn”.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn việc thực hiện quản lý thu chi trong gia đình.

Tiết 35

BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 1

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Củng cố lại những kiến thức đạt được trong các bài ở trong học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

2. Về năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó; vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân; rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác; có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra CK1 để đạt kết quả cao

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

- *Chăm chỉ*: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”
Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 7

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”
Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học
- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 7

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau
- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....
- Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố.
- B. Ngăn ngừa rủi ro.
- C. Khắc phục rủi ro.
- D. Quản lý xã hội.

Câu 2: Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

- A. tạo ra nhiều sản phẩm.
- B. tạo ra nhiều việc làm mới.
- C. bảo vệ người lao động.
- D. tăng thu nhập cho người lao động.

Câu 3: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. việc làm tối thiểu.
- B. thu nhập tối đa.
- C. y tế tối thiểu.
- D. bảo hiểm tối thiểu.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

- A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.
- B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.
- C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.
- D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Câu 5: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

- A. phạm tội.
- B. rủi ro.
- C. quyền lợi.
- D. lợi nhuận.

Câu 6: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều các nguồn thu nhập.
- B. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- C. Chấp hành quy tắc công cộng.
- D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

Câu 7: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo.
- B. xóa bỏ nhà tạm.
- C. phòng ngừa rủi ro.
- D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 8: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Hưởng thu nhập vô điều kiện
- B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.
- C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.
- D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 9: Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

- A. thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.
- B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- C. thúc đẩy tình trạng thất nghiệp.
- D. thúc đẩy tình trạng lạm phát.

Câu 10: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.
- B. Bảo hiểm xã hội.
- C. Chất lượng cuộc sống.
- D. Thượng tầng xã hội.

Câu 11: Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. ổn định cuộc sống.
- B. mặc cảm và tự ti.
- C. từ bỏ cuộc sống.
- D. gia tăng giàu nghèo.

Câu 12: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều lợi nhuận khu vực.
- B. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.
- C. Xóa bỏ định kiến về giới.
- D. Phát triển sản xuất và dịch vụ.

Câu 13: Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định mục tiêu kinh doanh.
- B. Xác định chiến lược kinh doanh.
- C. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- D. Xác định điều kiện thực hiện.

Câu 14: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
- Câu 15:** Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được
A. số thuế phải đóng.
C. số tiền sẽ thu lợi.
- Câu 16:** Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?
A. Xác định điều kiện thực hiện.
C. Xác định chiến lược kinh doanh.
- Câu 17:** Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được
A. ý tưởng kinh doanh.
C. các rủi ro gặp phải.
- Câu 18:** Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?
A. Hành vi tiêu dùng.
C. Nhu cầu khách hàng.
- Câu 19:** Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?
A. Tính có thể đo lường.
C. Tính vô thời hạn.
- Câu 20:** Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là
A. yếu tố hội nhập.
B. yếu tố khách hàng.
C. yếu tố xuất thân.
D. yếu tố quốc tế.
- Câu 21:** Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có
A. tính nhân đạo.
B. tính sáng tạo.
C. tính phi lợi nhuận.
D. tính xã hội.
- Câu 22:** Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?
A. Phương hướng kinh doanh.
C. Thời điểm hoàn thành.
- Câu 23:** Nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu được gọi là
A. kế hoạch sản xuất.
C. chiến lược đàm phán.
- Câu 24:** Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?
A. Số vốn mình muốn có.
C. Số vốn đã đầu tư.
- Câu 25:** Trong quá trình lập kế hoạch kd, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố
A. Nhân sự và đối thủ.
C. Tài chính và lợi nhuận.
- Câu 26:** Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được
A. lợi nhuận thực tế.
C. thời gian thành công.
- Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?
A. Kinh doanh mặt hàng gì.
C. Tỷ suất lợi nhuận thu được.
- Câu 28:** Trong quá trình lập kế hoạch kd, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố
A. Nhà nước.
B. Quốc tế.
C. Thị trường.
D. Lợi nhuận.
- Câu 29:** Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong
A. nghệ thuật.
B. công tác.
C. học tập.
D. kinh doanh.
- Câu 30:** Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình giúp mỗi gia đình chủ động thực hiện được kh tài chính
A. dòng họ.
B. gia đình.
C. cá nhân.
D. nhà nước.

Câu 31: Khi xác định mục tiêu tài chính trong gia đình, cần tránh xác định những mục tiêu tài chính có tính chất nào dưới đây?

- A. Trìu tương. B. Có khả thi. C. Đo lường được. D. Cụ thể.

Câu 32: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?

- A. Tăng số tiền mặt cho hoạt động mua sắm hằng ngày.
B. Tăng chất lượng cuộc sống của gia đình.
C. Kiểm soát được nguồn thu, chi trong gia đình.
D. Dự phòng cho các trường hợp khẩn cấp và tương lai.

Câu 33: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình?

- A. Mục tiêu tài chính ngắn hạn. B. Mục tiêu tài chính dài hạn.
C. Mục tiêu tài chính trung hạn. D. Mục tiêu tài chính vô hạn.

Câu 34: Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?

- A. Mọi quan hệ giữa các thành viên. B. Tình hình việc làm và thu nhập.
C. Tình hình tài chính hiện tại. D. Tình trạng hôn nhân gia đình.

Câu 35: Nội dung nào dưới đây được liệt kê vào nguồn thu nhập của gia đình khi xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình?

- A. Chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu. B. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh.
C. Thu nhập từ lương của bố mẹ. D. Thu nhập tiền lãi gửi ngân hàng.

Câu 36: Khi xác định mục tiêu tài chính để thực hiện kế hoạch quản lý thu chi hợp lý, mỗi gia đình cần tránh xác định mục tiêu mang tính

- A. ngắn hạn. B. dài hạn. C. trung hạn. D. vô hạn.

Câu 37: Mục đích của quản lý thu, chi trong gia đình biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chủ động kiểm soát chi tiêu của bản thân.
B. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.
C. Đảm bảo ổn định dòng tiền cho việc mua sắm của gia đình.
D. Tối ưu hoá sử dụng khoản thu của bản thân.

Câu 38: Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình không mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Kiểm soát thu chi hiệu quả. B. Giúp cân bằng tài chính.
C. Hạn chế quan hệ gia đình. D. Vượt qua rủi ro tài chính.

Câu 39: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các nguồn thu nhập khi xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình?

- A. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày. B. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.
C. Chủ động tiềm kiểm nguồn thu nhập. D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 40: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động

- A. bài trừ quyền tự do tính ngưỡng. B. làm trái thỏa ước lao động tập thể.
C. tham gia bảo vệ an ninh quốc gia. D. tuyển dụng lao động trực tuyến

Câu 41: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

- A. Sản xuất hàng giả để thu lợi ích. B. Khuyến mại hàng kém chất lượng.
C. Sản xuất hàng hóa giá cả hợp lý. D. Giới thiệu sai chất lượng sản phẩm.

Câu 42: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các đn khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

- A. Nâng cao đời sống vật chất nhân dân. B. Thực hiện chính sách, giảm nghèo.
C. Nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Câu 43: Đối với doanh nghiệp, nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Tăng lợi thế và khả năng cạnh tranh. B. Góp phần bảo vệ môi trường sống.
C. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng. D. Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn

Câu 44: Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về môi trường là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm kinh tế. B. Trách nhiệm pháp lý.
C. Trách nhiệm kinh doanh. D. Trách nhiệm từ thiện.

Câu 45: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Bảo vệ môi trường sống. B. Tránh rủi ro và khủng hoảng.

C. Gây thiệt hại người tiêu dùng.

D. Tăng năng suất lao động.

Câu 46: Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Nhân văn.

B. Đạo đức.

C. Pháp lý.

D. Kinh tế.

Câu 47: Việc các chủ thể kinh tế thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình khi kinh doanh sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với sự phát triển bền vững?

A. Bảo vệ bất bình đẳng xã hội.

B. Bảo vệ môi trường sống.

C. Gây rối loạn thị trường.

D. Cạnh tranh không lành mạnh.

Câu 48: Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

A. Đạo đức.

B. Nhân văn.

C. Kinh tế.

D. Pháp lý.

Câu 49: Việc doanh nghiệp thực hiện tốt những chính sách và việc làm cụ thể nhằm mang lại ảnh hưởng tích cực đến xã hội đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước là thể hiện nội dung nào dưới đây của doanh nghiệp?

A. Trách nhiệm tiêu dùng.

B. Trách nhiệm sản xuất.

C. Trách nhiệm xã hội.

D. Trách nhiệm phân phối.

Câu 50: Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với doanh nghiệp?

A. Xây dựng thương hiệu tích cực.

B. Giảm khả năng cạnh tranh.

C. Được nhà nước hỗ trợ thuế.

D. Thúc đẩy nguy cơ phá sản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở

- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quanh về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra

- Thời gian kiểm tra

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

Bài 3: Bảo hiểm

Bài 4: An sinh xã hội

Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình.

Tiết 36

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I LỚP 12

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1.Kiến thức:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học học kỳ I lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

- Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế
- Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế
- Bài 3: Bảo hiểm
- Bài 4: An sinh xã hội
- Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh
- Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm 100%. Các câu hỏi dựa theo cấu trúc định dạng đề thi 2025 do Bộ Giáo dục công bố
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

MA TRẬN THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL

TT	Chủ đề	Bài	Năng lực đặc thù môn GDKT&PL									Tổng lệnh hỏi
			Điều chỉnh hành vi			Phát triển bản thân			Tìm hiểu và tham gia			
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
			Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế							1	1	1	3
2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế							2	1	1	4
3	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm				2	1	1	1	1		6

4		Bài 4: An sinh xã hội				2	2	2	1		1	8
5	Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	1	1	2	2	1	1				8
6	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	1	1	1		1		1	1	8
7	Chủ đề 6: Quản lý thu chi trong gia đình	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	1	1			1					3
8	Tổng lệnh hỏi		4	3	3	7	5	5	5	4	4	40

**BẢN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL**

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Nhận biết: Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.	0	0	1
			Thông hiểu: Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.	0	0	1
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; - Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.	0	0	1
2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Nhận biết: - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.	0	0	2
			Thông hiểu: - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.	0	0	1
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	0	0	1

3	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	Nhận biết: - Nêu được khái niệm bảo hiểm, - Nêu được vai trò của bảo hiểm - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.	0	2	1
			Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm.	0	1	1
			Vận dụng: Gọi tên được một số chính sách an Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	0	1	0
4		Bài 4: An sinh xã hội	Nhận biết: - Nêu được khái niệm an sinh xã hội. - Nêu được vai trò của an sinh xã hội. - Liệt kê được một số chính sách an sinh xã hội	0	2	1
			Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội.	0	2	0
			Vận dụng: Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. Thực hiện được trách nhiệm công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	0	2	1
5	Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.	1	2	0
			Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh. - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.	1	1	0
			Vận dụng: - Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.	2	1	0
6	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Nhận biết: - Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	2	1	0
			Thông hiểu: - Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	1	0	1
			Vận dụng: - Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	1	1	1

7	Chủ đề 6: Quản lý thu chi trong gia đình	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	Nhận biết: - Nêu được thể nào là quản lý thu, chi trong gia đình	1	0	0
			Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.	1	1	0
			Vận dụng: - Xác định được trách nhiệm của công dân trong việc quản lý thu chi trong gia đình	0	0	0
8	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			10	17	13

CẤU TRÚC THEO CẤP ĐỘ NHẬN THỨC

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Các mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	1	1	1
2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	2	1	1
3	Chủ đề 3:	Bài 3: Bảo hiểm	3	2	1
4	Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 4: An sinh xã hội	3	2	3
5	Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	3	2	3
6	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3	2	3
7	Chủ đề 6: Quản lý thu chi trong gia đình	Bài 7: Quản lý thu chi trong gia đình	1	2	
5	Tổng lệnh hỏi		16	12	12

V. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mức độ đánh giá	Các mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	Nhận biết: Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. Thông hiểu: Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. Vận dụng:	1	1	1

			- Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; - Phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.			
2	Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Nhận biết: - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. Thông hiểu: - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.	2	1	1
3	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	Bài 3: Bảo hiểm	Nhận biết: - Nêu được khái niệm bảo hiểm, - Nêu được vai trò của bảo hiểm - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm. Vận dụng: Gọi tên được một số chính sách an Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	3	2	1
4		Bài 4: An sinh xã hội	Nhận biết: - Nêu được khái niệm an sinh xã hội. - Nêu được vai trò của an sinh xã hội. - Liệt kê được một số chính sách an sinh xã hội Thông hiểu: - Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội. Vận dụng: Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. Thực hiện được trách nhiệm công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	3	2	3
5	Chủ đề 4: Lập kế hoạch kinh doanh	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. Thông hiểu:	3	2	3

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm xã hội giúp người lao động khắc phục toàn bộ các rủi ro.
- B. Bảo hiểm góp phần huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.
- C. Bảo hiểm tài chính giúp các cá nhân, đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư.
- D. Bảo hiểm giúp con người chuyển giao rủi ro khắc phục tổn thất.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?

- A. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.
- B. Thúc đẩy lạm phát, thất nghiệp.
- C. Góp phần xóa đói giảm nghèo.
- D. Phân phối lại thu nhập xã hội.

Câu 8: Chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm **không** bao hàm nội dung nào dưới đây?

- A. Trợ cấp tai nạn lao động.
- B. Trợ cấp xóa nhà tạm.
- C. Trợ cấp ốm đau.
- D. Trợ cấp thai sản.

Câu 9: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chăm sóc sức khỏe khi ốm.
- B. Chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- C. Chiếm hữu nguồn tài nguyên.
- D. Cho vay vốn ưu đãi để sản xuất.

Câu 10: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- B. Xác định thời gian hoàn thành.
- C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
- D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

Câu 11: Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

- A. Hành vi tiêu dùng.
- B. Nguồn gốc xuất thân.
- C. Nhu cầu khách hàng.
- D. Độ tuổi khách hàng.

Câu 12: Khi phân tích các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh, các chủ thể cần chú ý phân tích điều kiện nào dưới đây?

- A. Phân tích chiến lược.
- B. Phân tích mục tiêu.
- C. Phân tích sản phẩm.
- D. Phân tích ý tưởng.

Câu 13: Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Đạo đức.
- B. Nhân văn.
- C. Kinh tế.
- D. Pháp lý.

Câu 14: Công dân hoàn thiện đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành các hoạt động kinh doanh là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm pháp lý.
- B. Trách nhiệm kinh doanh.
- C. Trách nhiệm nhân văn.
- D. Trách nhiệm từ thiện.

Câu 15: Bên cạnh việc phát triển sản xuất, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động từ thiện là đã thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm pháp lý.
- B. Trách nhiệm nhân văn.
- C. Trách nhiệm sản xuất.
- D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 16: Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?

- A. Mối quan hệ giữa các thành viên.
- B. Tình hình việc làm và thu nhập.
- C. Tình hình tài chính hiện tại.
- D. Tình trạng hôn nhân gia đình.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17, 18

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Thu nhập bình quân trên đầu người (GDP/người) tăng trưởng ấn tượng qua nhiều năm. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Việt Nam đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, CPTPP (năm 2016), EVFTA (năm 2020).

Câu 17: Quá trình Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), tham gia vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 là hiện thực hóa những hình thức hội nhập kinh tế nào dưới đây?

A. Hội nhập song phương và toàn cầu.

B. Hội nhập khu vực và toàn cầu.

C. Hội nhập song phương và khu vực.

D. Hội nhập toàn cầu và toàn diện.

Câu 18: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của Việt Nam, chỉ số nào dưới đây **không** phải là căn cứ để xem xét và tổng hợp?

A. HDI.

B. GDP.

C. FDI.

D. GDP/người.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20

Nhận thấy nhu cầu trang trí nội thất cao cấp có xu hướng tăng cao. Năm 2020 anh D đã thành lập công ty chuyên về cung cấp các sản phẩm như sàn gỗ và đồ gỗ trang trí, vách ngăn, ốp tường, ốp trần bằng gỗ chất lượng cao. Trong quá trình kinh doanh, anh luôn đặt chữ tín, trách nhiệm doanh nghiệp lên hàng đầu. Đồng thời, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng. Đối với người lao động, công ty thực hiện đảm bảo thực hiện đúng chế độ về tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách theo đúng cam kết. Chính những điều đó đã làm cho các nhân viên trong công ty gắn bó lâu dài và luôn tận tâm, tận tụy trong công việc. Kinh doanh ngày càng thuận lợi, đến nay, anh D đã mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm về gỗ tự nhiên và công nghiệp như tủ, kệ, giường, trường kỷ, bàn ghế, cầu thang... Sản phẩm gỗ của công ty được tiêu thụ tại 7 nước trên thế giới với tổng doanh thu khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây thể hiện anh D đã phân tích các điều kiện để thực hiện ý tưởng kinh doanh?

A. Nhu cầu nội thất cao cấp tăng cao.

B. Đặt uy tín doanh nghiệp lên hàng đầu.

C. Đảm bảo chế độ cho người lao động.

D. Nhân viên luôn tận tâm trong công việc.

Câu 20: Việc anh D luôn đảm bảo lợi ích chính đáng về tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách cho người lao động theo đúng cam kết là đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở những hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm kinh tế, pháp lý và đạo đức.

B. Trách nhiệm kinh tế, đạo đức và nhân văn.

C. Trách nhiệm pháp lý, đạo đức và nhân văn.

D. Trách nhiệm pháp lý, kinh tế và nhân văn.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21, 22, 23, 24

Vợ chồng anh D và chị H có hai con nhỏ, cháu lớn học lớp 7, cháu bé mới 5 tuổi. Anh D làm công nhân cho nhà máy Z được 10 năm với mức lương ổn định từ 10 - 12 triệu đồng/tháng. Chị H làm nhân viên văn phòng cho một công ty gần nhà đã được 8 năm mới mức lương từ 7 - 8 triệu đồng/tháng. Vì chưa có nhà ở, nên sau khi bàn bạc, anh chị quyết định sẽ dành 40% thu nhập để gửi tiết kiệm cho việc mua nhà, bên cạnh đó chị H dự định sẽ chi tiêu các khoản thiết yếu trong khoảng 40% số thu nhập của gia đình, còn dành 10% để dự phòng vào các việc đột xuất, tiền lãi từ việc gửi tiết kiệm này sẽ bổ sung vào nguồn chi tiêu thường xuyên của gia đình. Vì cả hai vợ chồng đã được công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định nên anh chị đã dành phần tiền còn lại để mua gói bảo hiểm cho 2 con đề phòng lúc ốm đau và rủi ro.

Câu 21: Trong thông tin trên, người con 5 tuổi của vợ chồng anh D và chị H đã tham gia các loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

B. Bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương mại.

C. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.

D. Bảo hiểm thương mại và bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 22: Việc dành 40% thu nhập để tiết kiệm mua nhà của anh D và chị H là thể hiện nội dung nào dưới đây của việc quản lý thu chi trong gia đình?

A. Xác định mục tiêu tài chính.

B. Xác định các nguồn thu nhập.

C. Phân chia các khoản thu chi.

D. Thống nhất các khoản thu chi.

Câu 23: Nguồn thu nhập nào dưới đây **không** là căn cứ để anh D và chị H xác định trong kế hoạch thu chi của gia đình?

A. Thu nhập từ lương của chồng.

B. Thu nhập từ lương của vợ.

C. Tiền lãi gửi tiền tiết kiệm.

D. Tiền hỗ trợ từ bố mẹ.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, chị H đã được tham gia những loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế.

B. Bảo hiểm xã hội, thương mại và y tế.

C. Bảo hiểm thất nghiệp, y tế và thương mại.

D. Bảo hiểm xã hội, y tế và thương mại.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hàng năm, tính đến 31-10-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 14,915 triệu người, đạt 97,5% kế hoạch. Đến ngày 31-12-2018, tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng do ngân sách nhà nước bảo đảm là 1,2 triệu người, giảm 1,3% so với năm 2017. Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh.

- a) Tăng trưởng kinh tế đã làm cho số người tham gia bảo hiểm xã hội giảm là phù hợp với mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.
- b) Giai đoạn 2016 – 2020 kinh tế Việt Nam tăng trưởng không bền vững khiến số đối tượng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng.
- c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.
- d) Nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số là phù hợp với chính sách an sinh xã hội của nước ta trong các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2016 Việt Nam chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu. Sau khi hiệp định có hiệu lực, nhận thấy các nước Châu Âu có nhiều ưu đãi về thuế quan và chính sách thương mại đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường. Anh H sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã quyết định khởi nghiệp với mô hình sản xuất ống hút thân thiện với môi trường. Với lợi thế xuất thân từ nông nghiệp, anh thấy tại địa phương có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thể chế biến thành các sản phẩm ống hút có thẩm mỹ cao lại rất phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường. Được ngân hàng chính sách xã hội huyện hỗ trợ cho vay 100 triệu đồng, anh đã đầu tư máy móc và trang thiết bị phục vụ sản xuất. Nhờ có hiểu biết về thị trường và sự hỗ trợ của cơ quan chức năng, sản phẩm ống hút do anh H sản xuất từng bước được xuất khẩu sang nhiều nước trong liên minh Châu Âu. Sản phẩm do anh H làm ra có mẫu mã đẹp, tính cạnh tranh cao, đặc biệt là rất phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường mà nhiều nước phát triển đặt ra.

- a) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu là phù hợp với hình thức hợp tác toàn cầu mà Việt Nam đã và đang thúc đẩy trong kinh tế đối ngoại.
- b) Việc nắm bắt lợi thế về các sản phẩm nông nghiệp địa phương để sản xuất các sản phẩm phù hợp có giá trị kinh tế cao thể hiện anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh.
- c) Quyết định khởi nghiệp bằng việc sản xuất ống hút thân thiện với môi trường mới dừng lại ở ý tưởng kinh doanh.
- d) Anh H vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh D đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện dự án của mình. Ngay từ khi thành lập anh D luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu với mục tiêu cung cấp các sản phẩm tươi sạch, giàu dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe. Hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng phát triển bền vững và gắn với bảo vệ môi trường. Ngoài ra anh D rất chú trọng vào trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng. Công ty luôn tham gia vào các hoạt động xã hội như giáo dục về dinh dưỡng, hỗ trợ cộng đồng nông nghiệp, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, công ty đã đóng góp 10 tỷ đồng ủng hộ chương trình Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước năm 2025.

- a) Mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch vừa là ý tưởng vừa là mục tiêu trong kế hoạch kinh doanh của anh D.
- b) Quan điểm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu với mục tiêu cung cấp sản phẩm tươi, sạch, giàu dinh dưỡng là phù hợp với chiến lược phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

- c) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức vừa thực hiện tốt trách nhiệm nhân văn của chủ thể kinh doanh.
d) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vừa tích cực thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Với phương châm đồng hành cùng doanh nghiệp, trong những năm qua tỉnh H đã ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển kinh tế như hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho thanh niên, miễn phí tiền thuê đất cho doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân từ đó đã tác động rất lớn tới thị trường lao động trên địa bàn tỉnh, công nhân có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm góp phần tăng thu nhập và ổn định cuộc sống. Về phía các doanh nghiệp, nhờ cơ chế hỗ trợ này, nhiều doanh nghiệp đã yên tâm sản xuất không ngừng mở rộng sản xuất, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp đã thu hút được những lao động là thanh niên trong xã, đào tạo họ trở thành những người thợ lành nghề, có việc làm và thu nhập ổn định. Hằng năm, doanh nghiệp còn hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học, tham gia nhiều hoạt động cộng đồng trong xã. Bên cạnh đó các doanh nghiệp rất quan tâm đến đời sống người lao động, ngoài việc thực hiện tốt các chế độ theo quy định, công ty còn chủ động tìm các nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ người lao động gặp khó khăn ổn định cuộc sống. Nhờ vậy, uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng, người lao động và xã hội ngày càng tăng, công việc kinh doanh ngày càng phát triển.

- a) Chính quyền miễn phí tiền thuê đất cho doanh nghiệp xây nhà ở xã hội cho công nhân là phù hợp với chính sách an sinh xã hội về đảm bảo các dịch vụ xã hội.
b) Sự phát triển của các doanh nghiệp tỉnh H thể hiện vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với nền kinh tế.
c) Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế với chính quyền địa phương là phù hợp với trách nhiệm nhân văn của chủ thể sản xuất.
d) Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội chính là góp phần thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp.

ĐỀ SỐ 02

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Đối với mỗi quốc gia, tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chuyển dịch vùng sản xuất. B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
C. Chuyển dịch việc phân phối. D. Chuyển đổi mô hình tiền tệ.

Câu 2: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp các quốc gia tận dụng được các nguồn lực bên ngoài để phát triển.
B. Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng thị trường để thúc đẩy sản xuất trong nước.
C. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững.
D. Hội nhập kinh tế quốc tế làm cho nền kinh tế quốc gia ngày càng phụ thuộc vào bên ngoài.

Câu 3: Ở cấp độ quốc gia, việc làm nào dưới đây thể hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Tài trợ hoạt động khủng bố. B. Tài trợ tổ chức phi nhân đạo.
C. Tham gia sứ mệnh nhân đạo. D. Tham gia hiệp định thương mại.

Câu 4: Chủ thể của loại hình bảo hiểm xã hội là do

- A. các doanh nghiệp tư nhân. B. tổ chức thương mại.
C. nhà đầu tư nước ngoài. D. Nhà nước tổ chức.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Huy động vốn dài hạn. B. Thúc đẩy tín dụng đen.
C. Ổn định tài chính cá nhân. D. Giảm lao động thất nghiệp.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bảo hiểm?

- A. Bảo hiểm chia sẻ tổn thất cho những người tham gia, theo nguyên tắc “số đông bù số ít”.
B. Người tham gia bảo hiểm chuyển giao rủi ro cho tổ chức bảo hiểm trên cơ sở đóng phí.
C. Khi rủi ro xảy ra, người tham gia bảo hiểm sẽ được bồi ngay số tiền đã thiệt bị thiệt hại.
D. Tham gia bảo hiểm giúp các cá nhân, nhanh chóng ổn định đời sống vật chất, tinh thần.

Câu 7: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. thu hồi ngoại tệ. B. hỗ trợ pháp lý. C. giáo dục tối thiểu. D. hỗ trợ việc làm.

Câu 8: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

- A. phạm tội. B. rủi ro. C. quyền lợi. D. lợi nhuận.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh c/sách dvụ xã hội cơ bản trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta?

- A. Dịch vụ y tế tối thiểu. B. Công tác văn hóa, thông tin.
C. Dịch vụ việc làm tối thiểu. D. Dịch vụ giáo dục tối thiểu.

Câu 10: Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

- A. lợi nhuận thực tế. B. thời điểm thất bại.
C. thời gian thành công. D. mục tiêu hướng tới.

Câu 11: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, để ý tưởng kinh doanh của mình thành hiện thực, các chủ thể các đi sâu phân tích nội dung nào dưới đây?

- A. Yếu tố hội nhập. B. Yếu tố khách hàng.
C. Yếu tố xuất thân. D. Yếu tố quốc tế.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục đích của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định phương thức thực hiện. B. Thống nhất cá nhân làm chủ.
C. Dự báo khó khăn, vướng mắc. D. Huy động nguồn lực tham gia.

Câu 13: Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Nhân văn. B. Đạo đức. C. Pháp lý. D. Kinh tế.

Câu 14: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp?

- A. Từ chối bảo vệ người tiêu dùng. B. Ủng hộ quỹ nhân đạo.
C. Chấp hành việc bảo vệ môi trường. D. Tuân thủ nghĩa vụ thuế.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp?

- A. Nâng cao đời sống vật chất nhân dân. B. Thực hiện chính sách, giảm nghèo.
C. Nộp thuế đầy đủ theo quy định. D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Câu 16: Một trong những mục đích của việc thực hiện quản lý thu, chi trong gia đình là nhằm

- A. kiểm soát các nguồn thu trong gia đình. B. kiểm soát các khoản thu của con.
C. kiểm soát các khoản chi của con. D. kiểm soát các khoản chi của người chồng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17, 18

Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước là 9,35%, trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 5,2% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,15%. Theo báo cáo, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam là 0,703 vào năm 2021, tăng hai bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí 115/191 quốc gia, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Thu nhập bình quân trên đầu người (GDP/người) tăng trưởng ấn tượng qua nhiều năm. Điều này cho thấy, kinh tế, xã hội của nước ta đang tiếp tục phát triển và là điểm sáng thứ hai châu Á về tốc độ tăng GDP, cải thiện về thu hút FDI, vốn gián tiếp, kiều hối và phát triển du lịch, nông nghiệp và một số ngành công nghiệp phụ trợ gắn với xuất khẩu. Việt Nam đã phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, CPTPP (năm 2016), EVFTA (năm 2020).

Câu 17: Quá trình Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016) là hiện thực hóa những hình thức hội nhập kinh tế nào dưới đây?

- A. Hội nhập song phương và toàn cầu. B. Hội nhập khu vực và toàn cầu.
C. Hội nhập song phương và khu vực. D. Hội nhập toàn cầu và toàn diện.

Câu 18: Chỉ số nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế?

- A. HDI. B. GDP. C. FDI. D. GDP/người.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19, 20

Nhận thấy nhu cầu trang trí nội thất cao cấp có xu hướng tăng cao. Năm 2020 anh D đã thành lập công ty chuyên về cung cấp các sản phẩm như sàn gỗ và đồ gỗ trang trí, vách ngăn, ốp tường, ốp trần bằng gỗ chất lượng cao. Trong quá trình kinh doanh, anh luôn đặt chữ tín, trách nhiệm doanh nghiệp lên hàng đầu. Đồng thời, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu

ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng. Đối với người lao động, công ty thực hiện đảm bảo thực hiện đúng chế độ về tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách theo đúng cam kết. Chính những điều đó đã làm cho các nhân viên trong công ty gắn bó lâu dài và luôn tận tâm, tận tụy trong công việc. Kinh doanh ngày càng thuận lợi, đến nay, anh D đã mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm về gỗ tự nhiên và công nghiệp như tủ, kệ, giường, trường kỷ, bàn ghế, cầu thang... Sản phẩm gỗ của công ty được tiêu thụ tại 7 nước trên thế giới với tổng doanh thu khoảng 100 tỷ đồng mỗi năm.

Câu 19: Việc áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng là anh D đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở những hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm kinh tế, pháp lý và đạo đức.
- B. Trách nhiệm kinh tế, đạo đức và nhân văn.
- C. Trách nhiệm pháp lý, đạo đức và nhân văn.
- D. Trách nhiệm pháp lý, kinh tế và nhân văn.

Câu 20: Với nhận định: nhu cầu trang trí nội thất đặc biệt là nội thất cao cấp có xu hướng tăng cao, anh D đã phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh ở nội dung nào dưới đây?

- A. Chất lượng.
- B. Giá cả.
- C. Thị trường.
- D. Lợi nhuận.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21, 22, 23, 24

Vợ chồng anh D và chị H có hai con nhỏ, cháu lớn học lớp 7, cháu bé mới 5 tuổi. Anh D làm công nhân cho nhà máy Z được 10 năm với mức lương ổn định từ 10 - 12 triệu đồng/tháng. Chị H làm nhân viên văn phòng cho một công ty gần nhà đã được 8 năm mới mức lương từ 7 - 8 triệu đồng/tháng. Vì chưa có nhà ở, nên sau khi bàn bạc, anh chị quyết định sẽ dành 40% thu nhập để gửi tiết kiệm cho việc mua nhà, bên cạnh đó chị H dự định sẽ chi tiêu các khoản thiết yếu trong khoảng 40% số thu nhập của gia đình, còn dành 10% để dự phòng vào các việc đột xuất, tiền lãi từ việc gửi tiết kiệm này sẽ bổ sung vào nguồn chi tiêu thường xuyên của gia đình. Vì cả hai vợ chồng đã được công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định nên anh chị đã dành phần tiền còn lại để mua gói bảo hiểm cho 2 con đề phòng lúc ốm đau và rủi ro.

Câu 21: Trong thông tin trên, người con học lớp 7 của vợ chồng anh D và chị H đã tham gia các loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.
- B. Bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương mại.
- C. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.
- D. Bảo hiểm thương mại và bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, anh D đã được tham gia những loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế.
- B. Bảo hiểm xã hội, thương mại và y tế.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp, y tế và thương mại.
- D. Bảo hiểm xã hội, y tế và thương mại.

Câu 23: Vợ chồng anh D và chị H phân chia 40% thu nhập tiết kiệm xây nhà, 40% phục vụ cho gia đình, 10% tiết kiệm, 10% bảo hiểm là đã thực hiện bước nào dưới đây trong việc quản lý thu chi trong gia đình?

- A. Xác định mua tiêu tài chính.
- B. Xác định các nguồn thu nhập.
- C. Phân chia các khoản thu chi.
- D. Thống nhất các khoản thu chi.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu tài chính trong gia đình anh D và chị H?

- A. Tiết kiệm tiền để mua nhà.
- B. Có kế hoạch chi tiêu thiết yếu.
- C. Tham gia gói bảo hiểm sức khỏe.
- D. Nhận thu nhập từ việc đi làm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hàng năm, tính đến 31-10-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 14,915 triệu người, đạt 97,5% kế hoạch. Đến ngày 31-12-2018, tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng

do ngân sách nhà nước bảo đảm là 1,2 triệu người, giảm 1,3% so với năm 2017. Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh.

a) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ nghịch với việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội là phù hợp với chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

b) Số đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng phản ánh sự phát triển kinh tế không bền vững của Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020.

c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.

d) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số dân của nước ta vẫn còn thấp sẽ là áp lực lên hệ thống an sinh xã hội trong những giai đoạn sau. *Đúng, so với tỷ lệ dân số thì số người tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp, nên đây là áp lực trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì nếu như tỷ lệ tham gia thấp thì số người hết tuổi lao động được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội sẽ thấp.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2016 Việt Nam chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu. Sau khi hiệp định có hiệu lực, nhận thấy các nước Châu Âu có nhiều ưu đãi về thuế quan và chính sách thương mại đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường. Anh H sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã quyết định khởi nghiệp với mô hình sản xuất ống hút thân thiện với môi trường. Với lợi thế xuất thân từ nông nghiệp, anh thấy tại địa phương có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thể chế biến thành các sản phẩm ống hút có thẩm mỹ cao lại rất phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường. Được ngân hàng chính sách xã hội huyện hỗ trợ cho vay 100 triệu đồng, anh đã đầu tư máy móc và trang thiết bị phục vụ sản xuất. Nhờ có hiểu biết về thị trường và sự hỗ trợ của cơ quan chức năng, sản phẩm ống hút do anh H sản xuất từng bước được xuất khẩu sang nhiều nước trong liên minh Châu Âu. Sản phẩm do anh H làm ra có mẫu mã đẹp, tính cạnh tranh cao, đặc biệt là rất phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường mà nhiều nước phát triển đặt ra.

a) Anh H đã làm tốt trách nhiệm kinh tế và trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Kinh doanh các sản phẩm ống hút thân thiện với môi trường là ý tưởng kinh doanh của anh H.

c) Việc nắm bắt cơ hội ưu đãi về thuế và thương mại đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường để sản xuất hàng hóa là phù hợp với nội dung xác định chiến lược kinh doanh của anh H.

d) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu là biểu hiện của hình thức hợp tác song phương giữa các nước.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh D đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện dự án của mình. Ngay từ khi thành lập anh D luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu với mục tiêu cung cấp các sản phẩm tươi sạch, giàu dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe. Hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng phát triển bền vững và gắn với bảo vệ môi trường. Ngoài ra anh D rất chú trọng vào trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng. Công ty luôn tham gia vào các hoạt động xã hội như giáo dục về dinh dưỡng, hỗ trợ cộng đồng nông nghiệp, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, công ty đã đóng góp 10 tỷ đồng ủng hộ chương trình Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước năm 2025.

a) Xây dựng chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch là thể hiện việc xác định ý tưởng và mục tiêu kinh doanh.

b) Anh D đã chủ động phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh thông qua quan điểm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, chỉ sản xuất các sản phẩm tươi, sạch, giàu dinh dưỡng.

c) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm nhân văn của chủ thể kinh doanh. Đúng trách nhiệm kinh tế thể hiện ở việc luôn chú trọng tạo ra các sản phẩm chất lượng, trách nhiệm nhân văn thể hiện ở việc tham gia hoạt động cộng đồng

d) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vừa tích cực thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Với phương châm đồng hành cùng doanh nghiệp, trong những năm qua tỉnh H đã ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển kinh tế như hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho thanh niên, miễn phí tiền thuê đất cho doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân từ đó đã tác động rất lớn tới thị trường lao động trên địa bàn tỉnh, công nhân có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm góp phần tăng thu nhập và ổn định cuộc

sống. Về phía các doanh nghiệp, nhờ cơ chế hỗ trợ này, nhiều doanh nghiệp đã yên tâm sản xuất không ngừng mở rộng sản xuất, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp đã thu hút được những lao động là thanh niên trong xã, đào tạo họ trở thành những người thợ lành nghề, có việc làm và thu nhập ổn định. Hằng năm, doanh nghiệp còn hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học, tham gia nhiều hoạt động cộng đồng trong xã. Bên cạnh đó các doanh nghiệp rất quan tâm đến đời sống người lao động, ngoài việc thực hiện tốt các chế độ theo quy định, công ty còn chủ động tìm các nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ người lao động gặp khó khăn ổn định cuộc sống. Nhờ vậy, uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng, người lao động và xã hội ngày càng tăng, công việc kinh doanh ngày càng phát triển.

- a) Chính quyền hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho người lao động là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm.
b) Hiệu quả từ sự hỗ trợ của tỉnh đã giúp các doanh nghiệp phát triển, thể hiện vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với nền kinh tế.
c) Tạo việc làm để thu hút thanh niên trong xã vào làm việc trong doanh nghiệp là phù hợp với trách nhiệm nhân văn của chủ thể sản xuất.
d) Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội chính là góp phần thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp.

-----Hết-----
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
ĐỀ SỐ 01

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	C
2	B	14	A
3	C	15	B
4	B	16	C
5	B	17	C
6	A	18	C
7	B	19	A
8	B	20	A
9	D	21	B
10	A	22	A
11	B	23	D
12	B	24	A

Phần II:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Tăng trưởng kinh tế đã làm cho số người tham gia bảo hiểm xã hội giảm là phù hợp với mục tiêu của chính sách an sinh xã hội. <i>Sai</i>
	b	S	b) Giai đoạn 2016 – 2020 kinh tế Việt Nam tăng trưởng không bền vững khiến số đối tượng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng. <i>Sai</i>
	c	Đ	c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội. <i>Đúng vì khi số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng nó phản ánh nền kinh tế có sự tăng trưởng và phát triển</i>
	d	Đ	d) Nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số là phù hợp với chính sách an sinh xã hội của nước ta trong các giai đoạn phát triển tiếp theo. <i>Đúng</i>
2	a	S	a) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu là phù hợp với hình thức hợp tác toàn cầu mà Việt Nam đã và đang thúc đẩy trong kinh tế đối ngoại. <i>Sai, đây là biểu hiện của h/thức htác khu vực giữa các nước trong khu vực Á và Âu.</i>

	b	S	b) Việc nắm bắt lợi nhuận về các sản phẩm nông nghiệp địa phương để sản xuất các sản phẩm phù hợp có giá trị kinh tế cao thể hiện anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh. <i>Sai đây là nội dung phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.</i>
	c	Đ	c) Quyết định khởi nghiệp bằng việc sản xuất ống hút thân thiện với môi trường mới dừng lại ở ý tưởng kinh doanh. <i>Đúng đây là ý tưởng kinh doanh dựa trên sự phân tích thị trường và tiềm năng lợi thế cạnh tranh.</i>
	d	Đ	d) Anh H vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. <i>Đúng, trách nhiệm kinh tế ở đây là tạo ra các sản phẩm đẹp, có tính thẩm mỹ và có giá trị cao, trách nhiệm đạo đức là tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.</i>
3	a	Đ	a) Mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch vừa là ý tưởng vừa là mục tiêu trong kế hoạch kinh doanh của anh D. <i>Đúng, đây vừa là ý tưởng kinh doanh (thực phẩm sạch) vừa là mục tiêu cần đạt được trong kế hoạch kinh doanh của anh D.</i>
	b	S	b) Quan điểm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu với mục tiêu cung cấp sản phẩm tươi, sạch, giàu dinh dưỡng là phù hợp với chiến lược phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. <i>Sai, đây là thể hiện nội dung xác định chiến lược kinh doanh của anh D.</i>
	c	Đ	c) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức vừa thực hiện tốt trách nhiệm nhân văn của chủ thể kinh doanh. <i>Đúng trách nhiệm đạo đức thể hiện ở việc luôn chú trọng tạo ra các sản phẩm chất lượng phục vụ tốt cho người tiêu dùng, trách nhiệm nhân văn thể hiện ở việc tham gia hoạt động cộng đồng</i>
	d	Đ	d) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vừa tích cực thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của nhà nước. <i>Đúng hoạt động ủng hộ 10 tỷ đồng chương trình chung tay xóa nhà tạm là thể hiện trách nhiệm xã hội đối với chính sách an sinh xã hội của nhà nước</i>
4	a	Đ	a) Chính quyền miễn phí tiền thuê đất cho doanh nghiệp xây nhà ở xã hội cho công nhân là phù hợp với chính sách an sinh xã hội về đảm bảo các dịch vụ xã hội. <i>Đúng, giải pháp miễn phí tiền thuê đất sẽ góp phần giúp người lao động có cơ hội tiếp cận nhà ở giá rẻ qua đó góp phần thực hiện tốt c/sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản.</i>
	b	Đ	b) Sự phát triển của các doanh nghiệp tỉnh H thể hiện vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với nền kinh tế. <i>Đúng, thông qua những chính sách hỗ trợ của tỉnh đã gián tiếp tác động tích cực tới hiệu quả của doanh nghiệp.</i>
	c	S	c) Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế với chính quyền địa phương là phù hợp với trách nhiệm nhân văn của chủ thể sản xuất. <i>Sai đây là trách nhiệm pháp lý, doanh nghiệp phải thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.</i>
	d	S	d) Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội chính là góp phần thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp. <i>Sai, đây là thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.</i>

ĐỀ SỐ 02

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	D
2	D	14	B
3	D	15	C
4	D	16	A
5	B	17	C
6	C	18	C
7	C	19	A
8	B	20	C
9	C	21	B

10	D	22	A
11	B	23	C
12	B	24	D

Phần II:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ nghịch với việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội là phù hợp với chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. <i>Sai, kinh tế phát triển cao sẽ thúc đẩy số người có việc làm ngày càng tăng từ đó góp phần gia tăng số người tham gia và được thụ hưởng bảo hiểm xã hội từ đó góp phần hoàn thiện và nâng tầm chính sách an sinh xã hội của Việt Nam</i>
	b	S	b) Số đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng phản ánh sự phát triển kinh tế không bền vững của Việt Nam trong giai đoạn 2016 – 2020. <i>Sai, nhờ có sự tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn này góp phần giúp tạo tiền đề vật chất để giải quyết các vấn đề về việc làm.</i>
	c	Đ	c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội. <i>Đúng vì khi số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng nó phản ánh nền kinh tế có sự tăng trưởng và phát triển, đồng thời khi số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng sẽ giảm áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.</i>
	d	Đ	d) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số dân của nước ta vẫn còn thấp sẽ là áp lực lên hệ thống an sinh xã hội trong những giai đoạn sau. <i>Đúng, so với tỷ lệ dân số thì số người tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp, nên đây là áp lực trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì nếu như tỷ lệ tham gia thấp thì số người hết tuổi lao động được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội sẽ thấp.</i>
2	a	Đ	a) Anh H đã làm tốt trách nhiệm kinh tế và trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. <i>Đúng, trách nhiệm kinh tế ở đây là tạo ra các sản phẩm đẹp, có tính thẩm mỹ và có giá trị cao, trách nhiệm đạo đức là tạo ra các sản phẩm thân thiện với môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.</i>
	b	Đ	b) Kinh doanh các sản phẩm ô nhiễm thân thiện với môi trường là ý tưởng kinh doanh của anh H. <i>Đúng đây là ý tưởng kinh doanh dựa trên sự phân tích thị trường và tiềm năng lợi thế cạnh tranh.</i>
	c	S	c) Việc nắm bắt cơ hội ưu đãi về thuế và thương mại đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường để sản xuất hàng hóa là phù hợp với nội dung xác định chiến lược kinh doanh của anh H. <i>Sai đây là nội dung phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.</i>
	d	S	d) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu là biểu hiện của hình thức hợp tác song phương giữa các nước. <i>Sai, đây là biểu hiện của hình thức hợp tác khu vực giữa các nước trong khu vực Á và Âu.</i>
3	a	Đ	a) Xây dựng chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch là thể hiện việc xác định ý tưởng và mục tiêu kinh doanh. <i>Đúng, đây vừa là ý tưởng kinh doanh (thực phẩm sạch) vừa là mục tiêu cần đạt được trong kế hoạch kinh doanh của anh D.</i>
	b	S	b) Anh D đã chủ động phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh thông qua quan điểm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, chỉ sản xuất các sản phẩm tươi, sạch, giàu dinh dưỡng. <i>Sai, đây là thể hiện nội dung xác định chiến lược kinh doanh của anh D.</i>
	c	Đ	c) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm nhân văn của chủ thể kinh doanh. <i>Đúng trách nhiệm kinh tế thể hiện ở việc luôn chú trọng tạo ra</i>

			<i>các sản phẩm chất lượng, trách nhiệm nhân văn thể hiện ở việc tham gia hoạt động cộng đồng</i>
	d	Đ	<i>d) Anh D vừa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vừa tích cực thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của nhà nước. Đúng hoạt động ủng hộ 10 tỷ đồng chương trình chung tay xóa nhà tạm là thể hiện trách nhiệm xã hội đối với chính sách an sinh xã hội của nhà nước</i>
4	a	Đ	<i>a) Chính quyền hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho người lao động là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm. Đúng, thông qua sự hỗ trợ này sẽ giúp người lao động có cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp.</i>
	b	Đ	<i>b) Hiệu quả từ sự hỗ trợ của tỉnh đã giúp các doanh nghiệp phát triển, thể hiện vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với nền kinh tế. Đúng, thông qua những chính sách hỗ trợ của tỉnh đã gián tiếp tác động tích cực tới hiệu quả của doanh nghiệp.</i>
	c	S	<i>c) Tạo việc làm để thu hút thanh niên trong xã vào làm việc trong doanh nghiệp là phù hợp với trách nhiệm nhân văn của chủ thể sản xuất. Sai đây là trách nhiệm kinh tế, doanh nghiệp không ngừng phát triển và tạo nhiều việc làm cho người lao động.</i>
	d	S	<i>d) Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội chính là góp phần thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp. Sai, đây là thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.</i>
